

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ LƯƠNG THƯỢNG
(1947-2015)**

**HUYỆN ỦY NÀ RÌ
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LƯƠNG THƯỢNG**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ LƯƠNG THƯỢNG
(1947-2015)**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Lương Văn Hiến	Bí thư Đảng ủy	Trưởng ban
Nguyễn Công Thuyết	Phó Bí thư Thường trực ĐU	Phó ban TT
Nông Thiêm Pha	Phó Bí thư Chủ tịch UBND	Phó ban
Nông Thị Vy	Phó Chủ tịch HĐND	Thành viên
Lương Văn Liêm	Phó Chủ tịch UBND	Thành viên
Nông Thiêm Quý	Chủ tịch MTTQ xã	Thành viên
Đinh Duy Cửu	Kế toán - Tài chính	Thành viên
Nông Thiêm La	Trưởng Công an xã	Thành viên
Đổng Văn Huân	Chỉ huy trưởng xã	Thành viên
Lương Văn Tuệ	Cán bộ VH TT&TT	Thành viên
Nông Công Chức	VP HĐND - UBND	Thành viên

BAN SƯU TẦM & THẨM ĐỊNH TƯ LIỆU

Nguyễn Công Thuyết	Phó Bí thư Thường trực ĐU	Trưởng ban
Nông Thị Vy	Phó Chủ tịch HĐND	Phó ban
Lèo Thị Yên	Văn phòng Đảng ủy	Thành viên
Hoàng Văn Thắng	Chủ tịch Hội nông dân	Thành viên
Nguyễn Công Vĩnh	Công chức VH-XH	Thành viên
Nguyễn Công Oánh	Nguyên Chủ tịch UBND	Thành viên
Ma Thanh Giang	Cán bộ hưu trí xã	Thành viên
Bế Đức Tuân	Cán bộ hưu trí xã	Thành viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ Lịch sử
Trịnh Hoàng Anh	Thạc sĩ Lịch sử

LỜI GIỚI THIỆU

Lương Thượng là xã vùng cao của huyện Na Rì. Giữa bốn bề núi rừng, thiên nhiên hoang dã, con người nơi đây tự bao đời vẫn luôn sống chân thành mộc mạc, yêu thiên nhiên và quê hương đất nước. Tuy nhiên, mỗi khi có giặc ngoại xâm đến họ lại kiên cường bất khuất đứng lên chống lại quân xâm lược giành lại độc lập tự do cho dân tộc.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, nhân dân xã Lương Thượng luôn hướng về Đảng, ủng hộ cách mạng, đứng lên đấu tranh giành chính quyền trong đầu năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống Mỹ cứu nước và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc... Đặc biệt trong kháng chiến chống Pháp, xã Lương Thượng là vùng tự do, hậu phương kháng chiến vững chắc của tỉnh Bắc Kạn, cũng như chiến khu Việt Bắc. Nhân dân trong xã đã không quản ngại khó khăn, nguy hiểm, tham gia vận chuyển, cất giấu lương thực thực phẩm, vũ khí đạn dược cung cấp cho chiến trường. Đồng thời, xã cũng là căn cứ an toàn cho các đơn vị bộ đội quân giới đến sơ tán làm việc ở địa phương.

Đầu năm 1946, xã Lương Thượng được thành lập. Năm 1947, Chi bộ Đảng Lương Thượng ra đời đã kịp thời đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Trải qua các cuộc đấu tranh, tổ chức Đảng của xã Lương Thượng không ngừng lớn mạnh. Đến tháng

5-1993, Huyện ủy Na Rì ra Quyết định số 194/QĐ-HU công nhận Đảng bộ xã Lương Thượng trực thuộc Huyện ủy. Qua gần 70 năm xây dựng và phát triển, Chi bộ, Đảng bộ xã luôn phát huy tốt vai trò tiên phong gương mẫu, lãnh đạo nhân dân hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ cách mạng, góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp.

Nhằm gìn giữ truyền thống cách mạng của địa phương, đồng thời giáo dục cho thế hệ trẻ và nhân dân lịch sử hào hùng của quê hương, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW (ngày 28-8-2002) của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Na Rì về việc sưu tầm, biên soạn lịch sử Đảng bộ, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lương Thượng khóa VI nhiệm kỳ 2015-2020 ra Nghị quyết về việc tổ chức sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn “Lịch sử Đảng bộ xã Lương Thượng 1947-2015”. Nội dung cuốn sách được biên soạn khách quan, khoa học theo trình tự diễn biến thời gian, ghi lại trung thực các sự kiện diễn ra trên địa bàn xã từ khi Chi bộ Đảng ra đời đến năm 2015. Qua đó, rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương; động viên khích lệ cán bộ, đảng viên và nhân dân xã thi đua sản xuất, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Nhân dịp xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lương Thượng ghi nhận và trân trọng cảm ơn những đóng góp của các đồng chí cán bộ, đảng viên, những nhân chứng lịch sử đã nhiệt tình tham gia cung cấp thông tin tư liệu. Đặc biệt là sự quan tâm chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện

ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Na Rì, các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt, đảng viên và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành công trình khoa học này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do hạn chế về nguồn tài liệu lưu trữ, các nhân chứng lịch sử người còn người mất nên cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được góp ý, bổ sung, cung cấp thêm tư liệu để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

**T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
BÍ THƯ**

Lương Văn Hiến

Chương I
LƯƠNG THƯỢNG - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI
VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Xã Lương Thượng nằm ở phía Bắc huyện Na Rì, cách trung tâm huyện lỵ 24km. Phía Bắc giáp xã Thuần Mang (Ngân Sơn), phía Nam giáp xã Ân Tình (Na Rì), phía Đông giáp xã Lạng San (Na Rì), phía Tây giáp xã Kim Hỷ (Na Rì). Vị trí địa lý của xã tương đối thuận lợi cho việc giao lưu với các địa phương khác trong huyện và tỉnh. Đặc biệt, nhờ có tuyến Quốc lộ 279 chạy qua địa bàn xã với chiều dài 7km giúp cho việc đi lại, giao lưu kinh tế - văn hóa với nhiều địa phương khác trong huyện Na Rì, cũng như huyện Bình Gia (Lạng Sơn), huyện Ngân Sơn (Bắc Kạn) được thuận lợi.

Lương Thượng là xã vùng cao nên có đến trên 70% diện tích là đồi núi. Địa hình dốc, thấp dần theo hướng Tây Nam - Đông Bắc; lại có con sông Bắc Giang và Quốc lộ 279 chạy qua nên địa bàn xã Lương Thượng được chia thành 2 phần rõ rệt: một bên giáp núi đá thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ; một bên giáp đồi rừng.

Năm 2015, Lương Thượng có tổng diện tích đất tự nhiên là 3.794,23 ha. Đất đai của xã gồm 3 nhóm chính là: đất feralit đỏ nâu, có thành phần cơ giới trung bình, tỷ lệ mùn cao, hàm lượng lân, kali cao được phân bố chủ yếu ở những thung lũng dưới núi đá vôi, thích hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả; đất feralit vàng, đỏ có thành phần cơ giới nhẹ phân bố rải rác tại vùng đồi thấp, thích hợp trồng cây lâm nghiệp; đất phù sa sông, suối, phân bố dọc các con suối, có thành phần cơ giới nhẹ, cấp hạt lớn, thô, tỷ lệ mùn cao, thích hợp với cây lúa và cây trồng ngắn ngày khác.

Giống như nhiều địa phương khác của huyện Na Rì, xã Lương Thượng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10. Mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm 21,5°C, nhiệt độ cao nhất lên đến 37°C, nhiệt độ thấp nhất xuống tới 5°C. Lượng mưa trung bình 1.084 mm/năm, cao nhất từ tháng 5-7, đạt trung bình 186,2-242,0 mm/tháng, thấp nhất vào các tháng 11 và 12. Mặc dù nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng do ở độ cao 550m so với mực nước biển nên khí hậu của Lương Thượng khá mát mẻ. Lượng mưa, ánh sáng và độ ẩm tương đối thuận lợi cho cuộc sống sinh hoạt và sản xuất nông - lâm nghiệp. Tuy nhiên, khi mùa đông đến hay xảy ra tình trạng sương mù, gió rét, mưa phùn ảnh hưởng đến sản xuất của địa phương. Thêm vào đó, do mùa đông thời tiết hanh khô dễ gây tình trạng hạn hán, trong khi mùa mưa do địa hình cao, độ dốc lớn lại dễ gây ra lũ ống, xói mòn, lở đất.

Nguồn nước chính của xã để sinh hoạt và tưới tiêu được lấy từ sông Bắc Giang. Bên cạnh đó, là các con suối, khe, rạch khá dày đặc. Diện tích đất hồ, sông, suối và mặt nước chuyên dụng có 43,03ha. Tuy nhiên, vào mùa mưa, mực nước sông suối thường lên cao, gây ra các hiện tượng lũ quét, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân.

Bên cạnh đó, xã cũng có nguồn tài nguyên rừng rất phong phú. Năm 2005 diện tích rừng và đất lâm nghiệp có 2.426,49ha, chiếm 63,95% diện tích tự nhiên. Trong đó, đất rừng phòng hộ có 80,15ha, chiếm 2,11%; đất rừng sản xuất có 1.609,68ha, chiếm 42,42%; đất rừng đặc dụng 736,66ha, chiếm 19,42% diện tích tự nhiên. Rừng trồng chủ yếu là cây mỡ, keo đang ở thời kỳ kiến thiết cơ bản, một phần có khả năng khai thác. Động vật rừng còn rất ít, chủ yếu là các loài chim, chồn, sóc và một số loài động vật nhỏ khác. Hiện nay, chính quyền xã đang thực hiện các kế hoạch bảo vệ, chăm sóc, trồng và khai thác rừng một cách hiệu quả theo hướng bền vững. Mặt khác, diện tích đất rừng sản xuất tương đối tập trung chủ yếu phân bố tại vùng thấp gần với các khu dân cư thuận lợi cho phát triển ngành sản xuất, chế biến nông - lâm sản. Bởi vậy, đây là hướng đi lâu dài của địa phương và lâm nghiệp sẽ trở thành ngành kinh tế quan trọng nhất của xã trong những năm tới.

Dưới lòng đất, lòng sông, suối và các hang núi đá vôi ở xã cũng có chứa vàng sa khoáng. Ở địa phương cũng có nguồn tài nguyên đá vôi tương đối lớn chưa được khai thác. Người dân mới chủ yếu dùng làm nguyên vật liệu xây dựng nhà, đường xá...

Như vậy, với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên như tài nguyên đất lớn, tương đối màu mỡ, khí hậu ôn hòa, phù hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi, kết hợp với hệ thống sông suối cung cấp đủ lượng nước cho sản xuất là điều kiện để xã đa dạng hóa các loại cây trồng trong việc phát triển ngành nông, lâm nghiệp hàng hóa.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Xã Lương Thượng có 457 hộ với 2.129 nhân khẩu (2015) gồm 5 dân tộc cùng sinh sống là Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông. Mật độ dân số khoảng 52 người/km². Số người trong độ tuổi lao động tương đối lớn (1.408 người, chiếm 66% dân số). Lao động của xã chủ yếu làm trong lĩnh vực nông nghiệp (có 1.378 người, chiếm tỷ lệ 97,87%).

Theo truyền thống, nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp với nghề trồng lúa, hoa màu kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm và khai thác lâm, thổ sản. Người dân thường vào rừng thu hoạch các sản phẩm như măng, nấm, song mây, gỗ... phục vụ cho nhu cầu đời sống hàng ngày. Ngoài ra, đồng bào còn làm các ngành thủ công phục vụ cho sản xuất và đời sống như dệt vải, thổ cẩm, đan lát, rèn dao, ... Khai thác vàng sa khoáng quy mô nhỏ lẻ. Nhìn chung, nền kinh tế vẫn mang nặng tính tự cung tự cấp.

Trên địa bàn có Quốc lộ 279 chạy qua dài 7km giúp xã kết nối với các xã trong huyện Na Rì, huyện Ngân Sơn, Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) và các huyện miền núi phía Bắc khác như Na Hang, Chiêm Hóa (Tuyên Quang), Quang Bình (Hà Giang), Bình Gia (Lạng Sơn). Bên cạnh đó, xã cũng có khoảng 14,4km đường trục thôn, ngõ xóm. Đây là điều kiện thuận lợi để nhân dân lưu thông, khai thác

các tiềm năng, thế mạnh về nông lâm nghiệp, giao lưu hàng hóa.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành và nhân dân địa phương luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa. Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi học đến trường đạt 98%, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi đạt 93%, phổ cập trung học cơ sở đạt 86%, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục đi học là 94%, tỷ lệ lao động qua đào tạo 23%. Trạm y tế xã thường xuyên triển khai các hoạt động phòng chống dịch bệnh cho nhân dân, tăng cường công tác kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Qua vận động và tuyên truyền, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở xã đạt 98%. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, thường xuyên, đáp ứng nhu cầu của quần chúng.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

1. Quá trình hình thành vùng đất

Theo các tài liệu lịch sử còn ghi chép được, từ thời các vua Hùng, xã Lương Thượng nói riêng và vùng đất Na Rì nói chung nằm trong bộ Vũ Định¹. Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX, dưới các triều đại phong kiến Lý, Trần, Lê, Nguyễn, vùng đất Na Rì thuộc các châu, huyện Cẩm Hóa, tỉnh Thái Nguyên².

1. Bộ Vũ Định là 01 trong 15 bộ của nhà nước Văn Lang bấy giờ.

2. Địa giới huyện Cẩm Hóa thời Lê, Nguyễn bao gồm các huyện Na Rì, Ngân Sơn và một phần nhỏ phía Bắc huyện Bạch Thông (xã Phương Linh, Vi Hương...) tỉnh Bắc Kạn bây giờ.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Ngày 11-4-1900, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 4 châu: Thông Hóa, Bạch Thông, Chợ Rã và Cẩm Hóa; sau đó 1 phần đất phía nam của châu Cẩm Hóa được tách ra thành châu Na Rì. Bên dưới châu là các tổng, xã. Từ đó cho đến trước năm 1945, vùng đất Lương Thượng thuộc tổng Lương Thượng¹, châu Na Rì. Trong đó, xã Lương Thượng có vị trí: phía Bắc giáp Ngân Sơn; phía Đông giáp xã Lạng San; phía Nam giáp xã Ân Tình; phía Tây giáp xã Kim Hỷ. Thời điểm này, Lương Thượng gồm có 4 bản chính là: Nà Làng, Pàn Xả, Bản Giang và Vằng Khít, dân cư chủ yếu là người Tày. Ngoài ra, còn có một số hộ người Kinh lên khai thác vàng tại khu vực Lán Vàng. Tổng dân cư của 4 bản và Lán Vàng lúc ấy có khoảng 83 hộ với xấp xỉ 450 nhân khẩu.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bãi bỏ cấp châu, tổng; đồng thời phân thành 4 cấp quản lý hành chính trên phạm vi cả nước: trung ương, tỉnh, huyện, xã. Dưới địa phương, các xã nhỏ được hợp nhất lại để lập thành các xã lớn. Theo đó, xã Lương Thượng được thành lập (bao gồm phần đất của 3 xã Lương Thượng, Kim Hỷ và Lạng San ngày nay). Đến năm 1955, xã Lương Thượng được

1. Tổng Lương Thượng gồm 5 xã: Lương Thượng, Kim Hỷ, Lạng San, Văn Học, Vũ Loan.

tách thành 3 xã: Bạch Đằng, Quốc Tuấn¹ và Văn Lang². Đến ngày 12-5-1964, thực hiện Quyết định 150-QĐ/NV ngày 12-5-1964 của Bộ Nội vụ về việc đổi tên một số xã, thị trấn của tỉnh Bắc Kạn, xã Bạch Đằng đổi tên thành xã Lương Thượng thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn³. Thời điểm xã Bạch Đằng mới thành lập có 4 thôn: Nà Làng, Pàn Xả, Bản Giang và Vằng Khít. Trong khoảng thập niên 60 của thế kỷ XX, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc vận động người Dao hạ sơn, đồng bào Dao ở xã đã về tập trung tại Khuổi Kịch, Khuổi Pháy, Khuổi Làng, Khuổi Có. Từ sau chiến tranh biên giới phía Bắc (1979), xã Lương Thượng đón tiếp một bộ phận lớn người Nùng về địa phương sinh sống, tập trung chủ yếu tại Nà Làng và Vằng Khít. Từ đầu thập niên 80, đồng bào Mông từ Cao Bằng di chuyển về sống tập trung tại Khuổi Kịch, Khuổi Pháy, Khuổi Lùng, Khuổi Có, Khuổi Nộc, trong khi người Dao chuyển đến sống đan xen vào các thôn trong xã. Đến năm 1988, trên cơ sở số lượng đồng bào người Mông sinh sống ở Lương Thượng, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái quyết định cho thành lập thôn Khuổi Nộc (bao gồm phần đất của Khuổi Kịch, Khuổi Pháy, Khuổi Lùng, Khuổi Có, Khuổi Nộc, Khuổi Kẹ). Như vậy, tính đến năm 2015, xã Lương Thượng có 5 thôn. Trong đó, người Tày

1. Xã Quốc Tuấn nay là xã Kim Hỷ.

2. Xã Văn Lang nay là xã Lạng San.

3. Giai đoạn từ 1965-1996, xã Lương Thượng thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Thái (Thái Nguyên + Bắc Kạn). Từ ngày 01-01-1997, tỉnh Bắc Kạn tái lập, xã Lương Thượng thuộc huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn từ đó đến nay.

phân bố chủ yếu ở 4 thôn Nà Làng, Pàn Xả, Bản Giang và Vằng Khít; người Nùng sinh sống tại Nà Làng, Vằng Khít; người Kinh tập trung tại Bản Giang; người Mông và người Dao ở Khuổi Nộc¹.

2. Truyền thống văn hoá, lịch sử

Xã Lương Thượng có 5 dân tộc anh em cùng sinh sống là: Tày, H'mông, Nùng, Kinh và Dao. Trong đó, người Tày là những cư dân bản địa, từ lâu đời họ đã khai bản lập thôn, lao động sản xuất. Theo truyền thống, bữa cơm của người Tày thường gồm có cơm, rau, cá. Trong đó cơm chủ yếu là cơm tẻ, rau tự trồng và thu lượm trên rừng, cá được khai thác từ sông Bắc Giang và tự nuôi. Trang phục của người Tày được làm từ vải bông nhuộm màu chàm, không có thêu dệt hoa văn. Nam mặc áo cánh (s lúa còm) may theo kiểu 4 thân, cổ áo tròn và cao, không có cầu vai, ở phía trong xung quanh cổ áo lót thêm miếng vải hình lá sen. Áo xẻ ngực với một hàng cúc gồm 7 chiếc được tết bằng dây vải, phần dưới vạt trước có hai cái túi nhỏ không nắp. Quần đứng chéo, ống quần rộng và dài tới mắt cá chân, cạp quần to kiểu lá tọa. Khăn đội đầu là một mảnh vải hình chữ nhật dài khoảng một sải tay, rộng chừng một gang tay. Giày khâu bằng vải có mũi tròn, cổ cao, dùng giây buộc. Đế giày được làm bởi nhiều lớp mo cau, bẹ măng, bẹ móc hay vải bông khâu chập lại với nhau bằng chỉ gai, chèn giữa các lớp này là thứ keo dán làm từ

lá khoai sọ luộc trộn lẫn với xôi rồi đem giã nhuyễn. Guốc làm từ đoạn gỗ hoặc gốc tre bỏ đôi, mỗi mảnh dài 3 lỗ nhỏ bố trí theo hình tam giác (một lỗ ở trước, 2 lỗ ở phía sau) và luồn vào đó 2 đoạn dây tết bằng dây rừng hoặc nan tre nửa tạo thành hình chữ V. Loại guốc này dùng chung cho cả nam và nữ.

Trang phục của phụ nữ bao gồm: áo, quần, khăn, giày và thắt lưng. Chiếc áo dài của người phụ nữ Tày rất độc đáo, áo trùm quá đầu gối, che đến nửa ống chân, được may theo kiểu 5 thân, xẻ nách, cài cúc bên phải với 5 chiếc cúc tròn theo kiểu nụ với làm bằng đồng hay bằng xương hoặc tết bằng dây vải, thân nhỏ và hơi thắt eo, ống tay áo hẹp và liền với thân áo, cổ áo tròn và cao. Áo cánh ngắn là loại áo 4 thân, xẻ ngực, cổ tròn, phần dưới vạt trước cũng có 2 cái túi không nắp. Loại áo này thường có màu sáng (hồng, trắng, xanh). Ngoài ra y phục phụ nữ còn có thắt lưng, vòng cổ, xà cạp, vòng tay, hoa tai. Thắt lưng được làm bằng vải chàm, dài khoảng 2 sải tay, rộng chừng 1 gang tay. Vòng cổ, vòng tay, hoa tai và vòng cổ được làm bằng bạc hoặc đồng.

Người Tày và Nùng thường ở nhà sàn, được làm bằng gỗ, tre, nứa. Trong ngôi nhà, gỗ được dùng để làm cột, xà, kèo... Mái của nhà sàn thường được lợp bằng cỏ gianh hoặc ngói âm dương hay ngói máng. Nếu lợp bằng ngói âm dương thì người ta sẽ dùng cây tre, vầu. Nhà sàn có hai loại là loại 2 mái và loại 4 mái: “Loại 2 mái có cấu trúc 2 mái cân nhau; loại 4 mái có cấu trúc 2 mái chính nhô cao, 2 mái phụ lệch và thấp, kết cấu phức tạp hơn nhà 2 mái. Nhưng nhìn chung, dù là 2 mái hay 4 mái, bộ sườn

1. Tính đến năm 2015, xã Lương Thượng là địa phương tập trung đông người H'mông sinh sống nhất trong huyện Na Rì với hơn 130 hộ gia đình.

nhà Tày chung quy lại thường có kiểu vì 4 hàng cột, 5 hàng cột, 7 hàng cột, trong đó kiểu vì 7 hàng cột là hoàn thiện hơn cả”.

Trong nhà sàn, phần sàn bên trên là không gian con người sinh hoạt trong khi đó phía dưới là nơi nhốt các loại gia súc, gia cầm như trâu, bò, lợn, gà... Tuy nhiên hình thức này chỉ tồn tại từ năm 2000 trở về trước, sau năm 2000 cùng với cuộc vận động xây dựng đời sống mới, việc nhốt các loại gia súc, gia cầm dưới sàn nhà dần bị loại bỏ. Trong nhà thường có gác được tận dụng để chứa lương thực, trên mặt nhà sàn người ta chia ra thành nhiều ngăn theo chiều ngang. Phía trong là nơi để phụ nữ sinh hoạt, phía ngoài là nơi sinh hoạt của nam giới và tiếp khách¹. Ngôi nhà sàn được đồng bào xây dựng nhằm thích nghi với môi trường tự nhiên.

Trên địa bàn Lương Thượng xưa, cứ mỗi dịp tết đến xuân về, đồng bào Tày, Nùng lại nô nức tổ chức Lễ hội Lồng tồng (lễ hội xuống đồng) với ước muốn cầu cho mùa màng bội thu, gia súc phát triển, con người khỏe mạnh, bản làng yên vui, nhà nhà ấm no, hạnh phúc... Đây cũng là dịp để mọi người gặp gỡ, thăm hỏi, chúc tụng nhau; đồng thời cũng là dịp giao lưu tình cảm giữa các cô gái, chàng trai bằng những lời hát then sli, lượn... Tuy nhiên theo thời gian, lễ hội này cũng mai một dần và hiện nay không còn tổ chức nữa.

Từ năm 2003 đến nay, được sự đồng ý của các cấp chính quyền, đồng bào các dân tộc ở thôn Khuổi Nộc,

1. Chu Quang Trứ, *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật, 2003, tr.43.

xã Lương Thượng lại tổ chức hội xuân vào ngày mùng 4 tháng giêng để vui chơi sau một năm làm việc vất vả. Đồng thời cũng là nơi các đôi nam nữ đến hò hẹn, gặp gỡ giao lưu và kết bạn với nhau. Trong hội, diễn ra rất nhiều các hoạt động sôi nổi, phong phú như tung còn, kéo co, đá bóng, hát lượn...

Bên cạnh hội xuân, hội đấu bò cũng là một trong những lễ hội truyền thống đặc sắc của người H'mông vào mỗi dịp mùa xuân. Sống trên vùng núi cao, thiên nhiên khắc nghiệt đã tôi luyện nên bản tính mạnh mẽ, kiên cường của người H'mông. Bởi vậy, lễ hội không chỉ là dịp người dân được vui chơi, giải trí mà còn thể hiện cá tính của con người nơi đây. Từ năm 2004, Đảng ủy xã đã chỉ đạo tổ chức lễ hội chính thức. Từ đó, đến mùng 4 tháng giêng (âm lịch) hàng năm, đồng bào H'mông quanh vùng lại đưa bò đến Khuổi Nộc để thi đấu.

Trong văn hóa của người Tày, Nùng, Dao và người H'mông ở xã Lương Thượng còn lưu giữ được nhiều giá trị tốt đẹp trong nghi lễ vòng đời: cưới xin, sinh đẻ, ma chay. Vào các dịp này, người dân thường đứng ra tổ chức để giúp đỡ nhau như: thành lập hội hiếu với tên gọi hàng phường để giúp nhau những lúc ma chay; giúp nhau về gạo và tiền trong dịp cưới xin; giúp nhau về thức ăn trong khi gia đình có người sinh đẻ; chia sẻ buồn vui trong ma chay, hiếu hỷ.

Nền tảng xã hội của đồng bào các dân tộc nơi đây là quan hệ họ hàng, làng xóm. Dòng họ có vai trò quan trọng trong đời sống sinh hoạt và trong sản xuất của người dân. Đặc biệt, đối với người H'mông, trưởng họ là người uy

tín và giữ vai trò tối quan trọng trong mọi vấn đề cuộc sống của họ.

3. Truyền thống yêu nước

Là một tỉnh miền núi, có vị trí chiến lược về chính trị và quân sự, Bắc Kạn là nơi ghi dấu nhiều sự kiện quan trọng trong lịch sử nước nhà. Đây cũng là nơi phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ, thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Trong lịch sử đấu tranh chống phong kiến phương Bắc xâm lược, nhân dân các dân tộc thuộc tổng Lương Thượng nói riêng và Bắc Kạn nói chung đều tham gia đóng góp nhân tài, vật lực cho sự nghiệp chung của đất nước.

Năm 1891, thực dân Pháp tấn công lên Na Rì, chiếm đóng châu ly, đồng bào các dân tộc Lương Thượng lại hăng hái tham gia phong trào chống Pháp của Phùng Bá Chỉ (Ba Kỳ). Dưới sự chiến đấu dũng cảm của quân dân các dân tộc, quân Pháp nhiều lần đã phải chờ thêm viện binh, làm cho quá trình chiếm đóng châu Na Rì bị chậm lại.

Đặc biệt, từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhân dân các dân tộc Lương Thượng đã nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, ra sức thi đua lao động sản xuất góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và đế quốc Mỹ (1954-1975) của dân tộc. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, nhiều người con của quê hương Lương Thượng đã tình nguyện lên đường nhập ngũ chiến đấu, tham gia thanh niên xung phong và dân công hỏa tuyến. Trong đó, có những người đã anh dũng hi sinh, có người để lại một phần xương máu trên chiến trường.

Truyền thống đoàn kết anh dũng trong đấu tranh, cần cù sáng tạo trong lao động là sức mạnh tinh thần vô giá để nhân dân địa phương phát huy hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ngày hôm nay. Tinh thần yêu nước, yêu quê hương kết hợp với niềm tin sâu sắc ở chủ nghĩa cộng sản của nhân dân, trở thành sức mạnh to lớn giúp Đảng bộ và nhân dân xã Lương Thượng giành được những thắng lợi vẻ vang, viết tiếp trang sử hào hùng trong thời kỳ đấu tranh cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Chương II
LƯƠNG THUỢNG TRONG THỜI KỲ VẬN ĐỘNG
CÁCH MẠNG TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA
GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1930-1954)

I. LƯƠNG THUỢNG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG
GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TIẾN TỚI GIÀNH CHÍNH
QUYỀN NĂM 1945

1. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội
dưới thời Pháp thuộc

Năm 1884, sau khi thiết lập được nền thống trị lên toàn cõi Việt Nam, thực dân Pháp bắt đầu mở các cuộc tấn công lên các tỉnh miền núi phía Bắc. Năm 1891, một đơn vị quân Pháp từ Lạng Sơn mở mũi tấn công sang thị trấn Yên Lạc, mở đầu cho cuộc xâm lược và chiếm đóng Na Rì. Nhân dân toàn châu đã kiên cường, dũng cảm đứng lên chống lại sự xâm lược của kẻ thù. Tiêu biểu là phong trào do Phùng Bá Chỉ (Ba Kỳ) lãnh đạo. Mặc dù thất bại nhưng phong trào đã góp phần cổ vũ, động viên tinh thần kháng chiến của nhân dân. Sau khi chiếm được Na Rì, thực dân Pháp đã áp dụng nhiều chính sách thâm

độc nhằm bóc lột nhân dân và chia rẽ các cộng đồng dân cư, kìm hãm sự phát triển, đưa người dân vào vòng tối tăm, lạc hậu.

Về chính trị, thực dân Pháp chia châu Na Rì thành 4 tổng: Lương Thượng, Lương Hạ, Côn Minh và Yên Hân gồm 17 xã. Đứng đầu châu Na Rì là một viên tri châu. Ở các tổng (3-5 xã) có chánh, phó tổng phụ trách, chịu trách nhiệm trước tri châu, có nhiệm vụ bảo đảm việc bắt phu, thu thuế... Ở cấp xã, có lý trưởng, phó lý. Bên cạnh bộ máy hành chính còn có hệ thống quân sự bao gồm châu đoàn (cấp huyện), tổng đoàn (cấp tổng), xã đoàn (cấp xã) cùng lực lượng lính đông do xã đoàn phụ trách có nhiệm vụ đàn áp các phong trào phản kháng của nhân dân. Thời điểm trước năm 1945, đứng đầu tổng Lương Thượng là chánh tổng Nông Văn Thượng (người xã Văn Học); phó tổng là Nguyễn Công Việt (người bản Giang - xã Lương Thượng). Ngoài ra, quân Pháp cũng lợi dụng yếu tố dân tộc nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, chúng cho lập chức động trưởng, quản chiêu, phó quản chiêu ở vùng người Dao với nhiều lợi ích hơn so với các vùng người Tày, Nùng.

Về kinh tế, thực dân Pháp thi hành chính sách sưu cao, thuế nặng. Trong đó, thuế thân là nặng nề hơn cả, đánh vào nam giới từ 18-60 tuổi, mỗi suất đinh ở Bắc Kỳ là 2,7 - 3 đồng. Bên cạnh thuế thân là thuế ruộng, thuế nhà ở, thuế trâu, bò... Hàng năm, cứ đến kỳ thu thuế, khắp các bản trong xã lại nổi lên cảnh trống mõ, tù và, thúc sưu, dồn thuế.

Thực dân Pháp nắm độc quyền muối, rượu và quản lý chặt chẽ việc khai thác lâm thổ sản. Năm 1938, thực dân Pháp tiến hành khai thác vàng ở Lương Thượng. Chúng thuê mướn nhân công rẻ mạt đồng thời bắt nhân dân phải đi phu vận chuyển đồ nghề và bán rẻ lương thực cho chúng. Khai thác vàng bằng thủ công phải ngâm mình giữa dòng suối hoặc phải chịu vào trong hang động, hầm sâu với thời gian dài, cường độ cao đã làm công nhân kiệt quệ sức lực, có người ốm đau, có người phải bỏ mạng trong hầm. Trong khi đó, bọn quan lại, chủ mỏ thu lợi trên xương máu của nhân dân.

Về văn hóa - xã hội, thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị nô dịch, kìm hãm sự phát triển văn hóa giáo dục. Tại tổng Lương Thượng chỉ có 1 cơ sở giáo dục tiểu học dành cho con em quan lại và nhà giàu. Nhân dân ốm đau, bệnh tật không có thuốc men, không nơi chữa bệnh. Dịch bệnh như sốt rét, tiêu chảy... hoành hành khắp nơi, bệnh bướu cổ rất phổ biến.

Hậu quả của các chính sách nô dịch thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai làm cho tình hình kinh tế xã hội của Lương Thượng nói riêng và Na Rì nói chung hết sức tăm tối, lạc hậu. Đời sống của nhân dân vô cùng khổ cực, đại đa số các gia đình đều thiếu ăn từ 6-8 tháng trong một năm. Họ phải lên rừng đào củ mài, củ bầu, hái măng để kiếm sống. Người dân lâm vào cảnh vay nợ, đi tha hương cầu thực bằng đủ mọi nghề để kiếm kế sinh nhai. Đó cũng chính là động lực thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng của đồng bào các dân tộc diễn ra khi có ánh sáng của Đảng soi đường, chỉ lối.

2. Tham gia Khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng trong cả nước diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ, tiêu biểu là các cao trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939 đã gây tiếng vang lớn, khơi dậy tinh thần yêu nước, đấu tranh quật cường của nhân dân Việt Nam. Ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, đó là nhân tố quan trọng tác động đến nhận thức đấu tranh của nhân dân Na Rì nói chung và các địa phương trong tổng Lương Thượng nói riêng.

Từ năm 1939, cục diện chính trị thế giới và trong nước biến đổi nhanh chóng có tác động đến phong trào cách mạng ở Việt Nam. Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ. Sau khi Pháp đầu hàng phát xít Đức ở châu Âu, quân Pháp ở Đông Dương hoang mang, dao động cực độ. Lợi dụng thời cơ đó, ngày 22-9-1940, phát xít Nhật ở Trung Quốc tấn công vào Đồng Đăng (Lạng Sơn), mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng, cầu kết với phát xít Nhật đô hộ nước ta, nhân dân ta phải chịu ách cai trị “một cổ hai tròng”, khiến đời sống ngày càng khó khăn.

Ngày 27-9-1940, khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ ở Lạng Sơn, đề đả áp và hạn chế ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa, quân Pháp dưới sự chỉ đạo của phát xít Nhật đã tăng cường khủng bố nhân dân Bắc Sơn và các khu vực lân cận. Tại Na Rì, chúng cho thiết lập mạng lưới mật thám, đặt nhiều điểm canh, huy động lính đồng tuần tra,

canh gác ở những nơi xung yếu như Kéo Lôm, Nà Lù, đèo Khau Pi (Lương Thượng), Kéo Liềng nhằm kìm kẹp, kiểm soát sự đi lại của nhân dân. Với sự đàn áp quyết liệt của thực dân Pháp, cuộc khởi nghĩa bị thất bại nhưng đã có tác động mạnh mẽ đến tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Na Rì (trong đó có Lương Thượng) nói riêng.

Tháng 1-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Ngay sau đó, Người triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 tại Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng) để bàn về đường lối cách mạng trong tình hình mới. Tại Hội nghị, Trung ương Đảng nhận định “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi và mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa lớn”. Hội nghị quyết định thành lập Việt Nam độc lập Đồng minh hội (gọi tắt là Việt Minh) thay thế cho Mặt trận thống nhất phản đế Đông Dương để lãnh đạo phong trào cách mạng dân tộc Việt Nam.

Sau khi khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, thực dân Pháp điên cuồng khủng bố hòng tiêu diệt lực lượng cán bộ nòng cốt của ta ở khu căn cứ. Trước tình hình đó, đồng chí Phùng Chí Kiên và Lương Văn Tri chủ trương rút quân ra khỏi vòng vây của địch, chỉ để lại một tiểu đội bí mật hoạt động. Tháng 8 năm 1941, Cứu quốc quân chia làm hai cánh rút về phía Cao Bằng và Lạng Sơn. Cánh quân rút về phía Lạng Sơn do đồng chí Hoàng Văn Thái và Đặng

Văn Cáp chỉ huy từ Khuổi Nọi sang huyện Bình Gia lên Văn Mịch, Thất Khê, sau đó sang biên giới Việt - Trung an toàn. Cánh quân rút về phía Cao Bằng do Phùng Chí Kiên và Lương Văn Tri chỉ huy khi đi qua Pò Kép, Văn Học (châu Na Rì, Bắc Kạn) thì bị phục kích nhưng thoát được. Đến ngày 21-8-1945 trên đường rút lui tiếp tục bị bao vây, phục kích ở Bằng Đức (Ngân Sơn) cả hai đồng chí Lương Văn Tri và Phùng Chí Kiên đều hi sinh.

Từ cuối năm 1941, đầu năm 1942, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Việt Minh ở Cao Bằng đã ảnh hưởng và tác động lớn tới Bắc Kạn, nhiều cơ sở cách mạng ở huyện Chợ Rã, Ngân Sơn được thành lập. Đầu tháng 3-1943 đến tháng 1-1944, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Ban Lãnh đạo Nam tiến lần lượt tổ chức các đội xung phong Nam tiến từ Nguyên Bình (Cao Bằng) xuống Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn, Bạch Thông và Na Rì. Phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi trong toàn tỉnh, mặc dù chưa có cơ sở cách mạng, chưa nhận được sự tuyên truyền giác ngộ của Đảng nhưng nhân dân Lương Thượng với truyền thống yêu nước, truyền thống đấu tranh kiên cường luôn luôn hướng về cách mạng, sục sôi ý chí nổi dậy phá tan ách kìm kẹp của thực dân khi có đường lối của Đảng soi đường chỉ lối.

Bước sang năm 1945, phong trào cách mạng ở Na Rì nói chung và Lương Thượng nói riêng có sự biến đổi quan trọng. Tháng 2-1945, các đồng chí Đại Long, Ngọc Xuân đến các xã phía Bắc Na Rì, trong đó có tổng Lương Thượng để tuyên truyền, giác ngộ cách mạng cho quần chúng nhân dân.

Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật tiến hành đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương. Ban Thường vụ Trung ương Đảng lập tức triệu tập hội nghị mở rộng tại Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh) đề ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, chủ trương phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”, chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính, quân Pháp hoang mang, tê liệt trên cả nước, nhưng tại Na Rì, chúng vẫn tiếp tay cho chính quyền tay sai, phản động chống phá cách mạng. Nhằm giải phóng Na Rì, ngày 25-3-1945, một đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải Phóng quân do đồng chí Bế Sơn Cương chỉ huy tiến xuống Na Rì qua các xã Lương Thượng, Lương Hạ... Hưởng ứng lời kêu gọi của Giải phóng quân, nhân dân xã Lương Thượng cùng các xã khác với lòng yêu nước thiết tha đã nhiệt tình tham gia biểu tình, mít tinh, ủng hộ Giải phóng quân. Trước khí thế cách mạng lên cao, ngày 28-3-1945 tri châu Na Rì ở Yên Lạc bỏ chạy, chánh tổng và lý trưởng và chức dịch các xã mang bằng triện, sổ sách nộp cho cách mạng, quân dân ta làm chủ hoàn toàn châu lỵ. Sau đó, được sự giúp đỡ của Giải phóng quân, nhân dân xã Lương Thượng tuyên bố xóa bỏ bộ máy tay sai của địch và thành lập Ủy ban cách mạng lâm thời do đồng chí Nguyễn Duy Bàn được chỉ định làm Chủ tịch.

Sau khi chính quyền lâm thời được thành lập, để đáp ứng kịp thời yêu cầu của phong trào cách mạng đang diễn ra mạnh mẽ, đồng chí Nguyễn Duy Bàn được cử tham gia lớp học tập và huấn luyện ở Yên Lạc do đồng

chí Nông Công Tú, cán bộ của Tỉnh bộ Việt Minh Bắc Kạn phụ trách. Đây là lớp học để phổ biến kiến thức về tình hình chính trị trong và ngoài nước, về chương trình và điều lệ Việt Minh, kinh nghiệm xây dựng và phát triển các tổ chức đoàn thể xã hội và lực lượng dân quân tự vệ. Từ hội nghị trở về, đồng chí phối hợp với lực lượng Giải phóng quân tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các tổ chức cứu quốc như: Hội nông dân cứu quốc, Hội thanh niên cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc. Bên cạnh đó, lực lượng dân quân du kích cũng bắt đầu được xây dựng. Một số già làng, trưởng bản có uy tín trong cộng đồng được cử đi thực hiện nhiệm vụ vận động thanh niên trai tráng trong xã tham gia lực lượng dân quân du kích do đồng chí Bế Sơn Cương trực tiếp chỉ huy. Lực lượng này thường xuyên tổ chức luyện tập tại khu Đông Deng (thôn Vằng Khít) và ăn ở tại nhà ông Ma Văn Ngâm. Ngoài ra, xã có hai đồng chí là Ma Văn Cảnh và Nguyễn Thanh Bảo đã xung phong đăng ký tham gia lực lượng Giải phóng quân.

Giữa lúc nhân dân Lương Thượng đang hăng say với thành quả cách mạng và xây dựng chính quyền nhân dân mới, thì từ trung tuần tháng 3, phát xít Nhật từ Cao Bằng tiến xuống đánh chiếm Bắc Kạn. Tại Na Rì, do địa bàn hiểm trở, giao thông khó khăn nên chúng không dám tiến quân vào, nhưng chúng đã giật dây cho bọn tay sai, phản động ra sức chống phá, lật đổ chính quyền cách mạng. Trước tình hình đó, Ủy ban nhân dân lâm thời tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân không nghe luận điệu xuyên tạc của đám tay sai, tích cực kết hợp với các đội

tự vệ tăng cường tuần tra, canh gác, đấu tranh răn đe các phần tử phản động cộm cán. Do vậy, lực lượng tay sai phản động không thực hiện được âm mưu của chúng, chính quyền cách mạng nhân dân ngày càng được củng cố, được nhân dân tin yêu và hết lòng bảo vệ.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng trong huyện, đầu tháng 6-1945, tỉnh ra quyết định thành lập Ban Chấp hành Việt Minh châu Na Rì do đồng chí Đinh Như Đại là Chủ nhiệm, đồng chí Bế Sĩ Hàm làm Phó Chủ nhiệm. Đến giữa tháng 7-1945, hội nghị thành lập chính quyền cấp huyện theo nguyên tắc bầu cử được tổ chức với sự tham gia đông đảo của đại biểu các Ủy ban cách mạng lâm thời xã. Các đại biểu đã bầu ra Ủy ban nhân dân châu Na Rì do đồng chí Bế Sĩ Văn làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Công Nấn làm Phó Chủ tịch. Tiếp đó, Ủy ban nhân dân cấp xã cũng được tiến hành thành lập theo nguyên tắc bầu cử phổ thông đầu phiếu. Tại Lương Thượng, với tinh thần lần đầu tiên trong lịch sử được thực hiện quyền công dân, được bầu lên người đại diện cho mình thực hiện nhiệm vụ quản lý xã hội, đông đảo nhân dân đã tham gia đi bỏ phiếu. Kết quả, Ủy ban nhân dân xã được thành lập do đồng chí Nguyễn Duy Bàn làm Chủ tịch.

Sự ra đời của chính quyền nhân dân các cấp từ châu đến xã đánh dấu bước trưởng thành của phong trào cách mạng của châu Na Rì. Từ đây, nhân dân Na Rì dưới sự lãnh đạo của Ủy ban nhân dân các cấp tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế, sản xuất, chi viện sức người sức của cho cách mạng, động viên thanh niên tham gia Giải

phóng quân và tự vệ, giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ thành quả cách mạng.

Sang tháng 8-1945, tình hình thế giới biến chuyển mau lẹ, tạo thuận lợi cho cách mạng nước ta. Ở châu Âu, phát xít Đức đã đầu hàng quân Đồng Minh. Tại châu Á, Hồng quân Liên Xô tham chiến đánh bại đạo quân Quan Đông tinh nhuệ của phát xít Nhật, buộc Thiên hoàng Nhật Bản phải xuống thang chiến tranh và tuyên bố đầu hàng. Chớp thời cơ đó, từ ngày 13-15/8/1945, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị toàn quốc tại Tân Trào quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc để lãnh đạo tổng khởi nghĩa. Sau đó, Ủy ban khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1 kêu gọi đồng bào toàn quốc đứng lên giành chính quyền. Khí thế cách mạng dâng cao trên cả nước, nhân dân dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng hăng hái tích cực chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Tại Bắc Kạn, chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, đông đảo nhân dân và các lực lượng vũ trang, tự vệ đã đồng loạt xuống đường mít tinh, biểu tình, tiến về tỉnh lỵ bao vây các trụ sở của chính quyền cai trị. Trước khí thế cách mạng mạnh mẽ, sục sôi của nhân dân, quân Nhật và bọn tay sai phải đầu hàng và bàn giao lại chính quyền cho cách mạng. Ngày 25-8-1945, trước cuộc mít tinh của hàng vạn đồng bào từ các huyện thị tập trung ở thị xã Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Bắc Kạn đã chính thức được thành lập, đánh dấu sự thắng lợi cuộc tổng khởi nghĩa.

Trên địa bàn Na Rì, hòa chung vào không khí chiến thắng, chính quyền cách mạng và Ban Việt Minh các xã

tích cực vận động nhân dân hưởng ứng chủ trương của châu về xây dựng lực lượng vũ trang, tự vệ tiến hành các biện pháp chống lại sự phá hoại của bọn tay sai phản động, đặc biệt là sự cướp bóc của thổ phỉ.

Trong thời gian này, lợi dụng địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, một số chức dịch tay sai và lính đồng trước kia nằm trong bộ máy cai trị của thực dân Pháp không chịu phục tùng cách mạng đã nổi dậy chống phá. Tại xã Lam Sơn, một số tên phản động đã dùng vũ khí cưỡng ép một số hộ dân mang theo lương thực, thực phẩm lên núi Phja Mạ lập căn cứ chống lại Việt Minh. Chúng thường xuyên tổ chức các toán lính xuống các bản cướp phá và bắt cóc thanh niên, gây nên tâm lý hoang mang lo sợ cho nhân dân các xã Lạng San, Lương Thượng, Kim Hỷ và Ân Tình. Cùng lúc đó, ở địa bàn xã Xuân Dương, Liêm Thủy, thế lực phản động do tên Nông Xuân Nhu cầm đầu từ Bình Gia (Lạng Sơn) sang đốt phá, cướp bóc nhiều lương thực, thực phẩm của nhân dân.

Để đối phó với hai tổ chức phản động này, đảm bảo cuộc sống an bình cho người dân, Ban Chấp hành Việt Minh châu và chính quyền khẩn trương điều động các đơn vị Giải phóng quân xuống phối hợp với các đơn vị vũ trang, tự vệ các xã tiến hành tiêu diệt bọn phản động và thổ phỉ. Lực lượng tự vệ xã Lương Thượng nhanh chóng được huy động tham gia đấu tranh. Được sự giúp đỡ của đồng bào, lực lượng vũ trang ta đã tiến hành tổ chức bao vây chặt toán quân trên núi Phja Mạ, yêu cầu chúng đầu hàng và kêu gọi nhân dân trở về với cách mạng, trở về bản làng làm ăn. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ, bọn chỉ huy

đầu sở nhanh chóng bỏ chạy, quân ta tổ chức truy kích, đến cuối năm 1945 thì bắt sống 10 tên phản động, tiêu diệt hoàn toàn tổ chức của chúng. Trong cuộc truy quét lực lượng thổ phi, đồng chí Triệu Nghệ (gốc là người Cao Bằng, chồng của bà Nguyễn Thị Bay, bản Giang) không may bị hi sinh. Lực lượng tự vệ Lương Thượng tiếp tục phối hợp với tự vệ các xã Cự Lễ, Hảo Nghĩa, Kim Hỷ và Giải phóng quân tiến xuống trấn áp bọn phản động, tên Nông Xuân Nhu cùng bọn tay sai hoảng sợ bỏ chạy sang trốn ở Bình Gia (Lạng Sơn). Cuộc đấu tranh chống phản động, thổ phi giành thắng lợi hoàn toàn, thành quả của cách mạng được giữ vững.

Như vậy, khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng trên địa bàn xã Lương Thượng diễn ra nhanh chóng và giành thắng lợi hoàn toàn đã đánh dấu bước trưởng thành của phong trào cách mạng tại xã. Mặc dù phong trào cách mạng ở xã Lương Thượng nói riêng và châu Na Rì nói chung phát triển muộn so với các địa phương khác trong tỉnh nhưng với sự ủng hộ, đồng sức đồng lòng của nhân dân đã giành được nhiều kết quả quan trọng: giành được chính quyền về tay nhân dân, đấu tranh đánh thắng âm mưu của bọn phản động tay sai. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Lương Thượng đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của cả dân tộc: đập tan xiềng xích gần một trăm năm nô lệ của thực dân Pháp và lật đổ chế độ phong kiến có từ hàng nghìn năm trên đất nước ta, lập nên chính quyền dân chủ của nhân dân, mở ra một thời kỳ mới trên chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do và ấm no, hạnh phúc.

II. NHÂN DÂN LƯƠNG THƯỢNG THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

Cách mạng Tháng Tám thành công đã mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc, ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” tuyên bố trước toàn dân và bạn bè quốc tế sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Kể từ đây, người dân Việt Nam được sống trong độc lập, tự do, được làm chủ và quyết định vận mệnh dân tộc.

Tuy nhiên, Chính phủ non trẻ vừa mới ra đời phải đương đầu với nhiều khó khăn chồng chất. Do hậu quả từ chính sách cai trị của các chế độ cũ nên tài chính trong nước trống rỗng, sản xuất kinh tế đình trệ vì ruộng đất bị hoang hóa do thiên tai, nạn đói khủng khiếp từ cuối năm 1944 khiến 2 triệu người chết vẫn chưa được khắc phục, trên 90% dân số mù chữ làm ảnh hưởng đến việc nhận thức trong thời đại mới. Bên cạnh đó, hơn 20 vạn quân Tưởng tràn vào miền Bắc và 1 vạn quân Anh vào miền Nam với danh nghĩa quân Đồng Minh đi giải giáp vũ khí quân đội Nhật nhưng kì thực là dung túng cho thực dân Pháp và các thế lực phản động chống phá cách mạng nước ta. Thù trong giặc ngoài đã khiến vận mệnh của dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trong bối cảnh chung của đất nước, nhân dân châu Na Rì nói chung và nhân dân Lương Thượng nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn. Mặc dù là địa bàn không có

quân Tưởng đi qua nhưng bọn tay sai của Tưởng ra sức tập hợp lực lượng, chống phá chính quyền và phong trào cách mạng của nước ta. Tại Yên Lạc, nơi có khá đông người gốc Hoa sinh sống, bọn tay sai của Tưởng lập trụ sở “Nam Dương Hoa kiều Hiệp hội”, treo cờ ảnh Tưởng Giới Thạch, kích động những người Việt gốc Hoa không thực hiện nghĩa vụ công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng thời chúng đẩy mạnh tuyên truyền lôi kéo một số người thuộc các dân tộc Nùng, Dao, Tày tham gia “Nam Dương Hoa kiều Hiệp hội” làm cho tình hình trở nên phức tạp, ảnh hưởng lớn đến an ninh chính trị ở địa phương.

Trước tình hình mới, ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời, nêu lên 6 việc cấp bách cần làm ngay nhằm khắc phục những khó khăn. Thực hiện chủ trương của Chính phủ, nhiệm vụ bảo vệ và giữ vững phong trào cách mạng được đặt ra cấp thiết. Dưới sự chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh châu Na Rì, nhân dân các dân tộc Lương Thượng đã tích cực tham gia bảo vệ chính quyền và góp sức xây dựng bộ máy Nhà nước. Hòa trong bầu không khí chung của cả nước, ngày 6-1-1946, nhân dân xã Lương Thượng nô nức tham gia bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đạt tỷ lệ 98%.

Sau bầu cử, để phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng đề ra, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh, chỉ đạo các công việc ở địa phương, đầu năm 1946, xã Lương Thượng (lớn) được thành lập gồm đất đai của ba xã Lương Thượng, Kim Hỷ, Lạng San.

Tiếp đó, tháng 3-1946, nhân dân các dân tộc Lương Thượng lại hăng hái tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân

cấp xã, lựa chọn những cử tri ưu tú đại diện cho nguyện vọng và ý chí của nhân dân vào cơ quan quyền lực của địa phương. Với tinh thần làm việc khẩn trương, trung thực, kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân xã Lương Thượng đã quyết định những chính sách chung của toàn xã, kiện toàn bộ máy chính quyền nhân dân.

Sau khi chính quyền được củng cố, các tổ chức đoàn thể cũng được thành lập nhằm tập hợp quần chúng để thực hiện nhiệm vụ chính trị. Hội Phụ nữ cứu quốc xã Lương Thượng được thành lập do bà Lý Thị Lò làm Hội trưởng. Hội đã nhanh chóng bắt tay vào thực hiện các nhiệm vụ vận động chị em đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa giáo dục, ủng hộ cách mạng và giúp đỡ các lực lượng vũ trang. Hội Nông dân cứu quốc và Đoàn Thanh niên cứu quốc cũng ra đời để tập hợp nông dân, thanh niên thực hiện các nhiệm vụ lao động, sản xuất để đảm bảo đời sống hàng ngày.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy chính quyền và các đoàn thể, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương cũng được thực hiện gấp rút. Trong năm 1945, xã đã xây dựng được 1 tiểu đội dân quân du kích có nhiệm vụ thường xuyên luyện tập, tuần tra, canh gác, bảo vệ trị an thôn, bản. Được sự quan tâm lãnh đạo của Ủy ban hành chính huyện Na Rì, xã tổ chức các lớp huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ, lực lượng dân quân du kích. Do đó, trình độ nghiệp vụ được nâng cao rõ rệt, thuần thục các phương án tác chiến và phòng vệ, luôn trong tư thế sẵn sàng tham gia chiến đấu khi có chiến sự xảy ra. Thanh niên trong các bản cũng hăng hái tham gia vào lực lượng

dân quân du kích bảo vệ địa phương. Đến năm 1946, lực lượng du kích xã đã phát triển lên thành một trung đội.

Trên lĩnh vực kinh tế, mặc dù trên địa bàn xã không xảy ra nạn đói nhưng tình trạng thiếu ăn diễn ra trong một bộ phận dân cư khá trầm trọng. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!*” và chủ trương của Đảng bộ tỉnh về việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống giặc đói, nhân dân các dân tộc Lương Thượng ra sức khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích trồng lúa, ngô, khoai, sắn... Đồng thời tu sửa lại hệ thống thủy lợi, tăng cường làm mương phai dẫn nước vào đồng ruộng. Nhờ đó, sản lượng lương thực của xã được tăng lên qua từng năm. Cuộc sống của nhân dân dần được ổn định, khắc phục được tình trạng thiếu ăn, thiếu đói dài ngày.

Trong hoàn cảnh còn khó khăn, thiếu thốn nhiều bề nhưng nhân dân các dân tộc Lương Thượng luôn sẵn sàng cưu mang, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn và ủng hộ kháng chiến. Trong “*Tuần lễ vàng*”, xây dựng “*Quỹ độc lập*”, nhân dân xã đã quyên góp được hàng trăm tấm vải, nhiều trâu bò ủng hộ cách mạng... Tiêu biểu là gia đình ông Ma Văn Đạo (bản Pàn Xả) ủng hộ 1 con bò. Tuy giá trị vật chất không lớn nhưng những đóng góp của nhân dân xã trong thời điểm này đã là minh chứng rõ nét cho tinh thần yêu nước, đồng cam cộng khổ, góp phần cùng nhân dân cả nước xây dựng nền tài chính quốc gia.

Đối với “giặc đốt”, trong bối cảnh hơn 95% nhân dân ở các thôn không biết chữ, Ủy ban cách mạng lâm thời, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc đã tập

trung cao độ vào nhiệm vụ giúp người dân thoát khỏi tình trạng mù chữ. Ban Bình dân học vụ xã Lương Thượng được thành lập với các thầy giáo là Nguyễn Công Việt, Nông Thiêm Hậu, Nông Ích Tượng, Nguyễn Thị Tư.... Ban Bình dân học vụ phối hợp với các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cổ động, vận động nhân dân đi học. Đầu năm 1946, mỗi thôn trong xã đã xây dựng được 1 lớp học, mỗi lớp có 20-25 người. Thời gian học chủ yếu vào buổi trưa và buổi tối đã thu hút các tầng lớp nhân dân từ già trẻ, trai gái tích cực tham gia. Đến cuối năm 1946, xã có 7-8% số dân thoát nạn mù chữ.

Về văn hóa - xã hội, công tác xây dựng đời sống mới, bài trừ các tệ nạn: rượu chè, cờ bạc, hút sách, mê tín dị đoan... được coi trọng. Cán bộ xã đã tích cực vận động nhân dân bỏ các hủ tục ăn uống, đình đám lãng phí. Phong trào phát quang đường bản sạch sẽ, nhà cửa gọn gàng được phát động, góp phần tạo nên một luồng sinh khí mới cho nhân dân.

Sau hơn một năm giành được chính quyền, trước những khó khăn và thử thách của tình hình cách mạng mới, chính quyền và nhân dân xã Lương Thượng đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng: Cán bộ và nhân dân tích cực thực hiện ba cuộc vận động lớn của Đảng và Chính phủ phát động; chính quyền cách mạng được bảo vệ và ngày càng được củng cố vững mạnh; đảm bảo những quyền lợi cơ bản, thiết thực của nhân dân; bước đầu xây dựng cuộc sống tự do, dân chủ, lành mạnh. Nhân dân Lương Thượng càng củng cố niềm tin bước vào thời kỳ cách mạng mới.

2. Xây dựng hậu phương, phục vụ tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi (1947-1954)

Với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp lần lượt vi phạm bản “Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946)” và “Tạm ước (14/9/1946)”, đem quân gây hấn ở Hải Phòng, Thái Nguyên và Hà Nội, yêu cầu Chính phủ ta phải giao chính quyền cho chúng. Nỗ lực cứu vãn hòa bình không đạt kết quả, ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, khẳng định quyết tâm của toàn thể dân tộc: “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Tại Lương Thượng, nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ của công cuộc kháng chiến, yêu cầu cấp thiết lúc này là phải có Chi bộ đảng để lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Được sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, phong trào cách mạng ở Lương Thượng phát triển mạnh, nhiều quần chúng ưu tú được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Cuối năm 1947, nhận thấy công tác phát triển đảng viên đạt kết quả tốt, Huyện ủy Na Rì ra quyết định thành lập Chi bộ xã Lương Thượng, đồng chí Hoàng Đức Oanh được chỉ định giữ chức Bí thư. Chi bộ xã Lương Thượng ra đời là sự kiện có ý nghĩa to lớn, đánh dấu sự phát triển vượt bậc của phong trào cách mạng địa phương. Dù đảng viên còn thiếu kinh nghiệm, địa bàn hoạt động rộng, song với sự ủng hộ, tin tưởng của nhân dân, sự đoàn kết, nhất trí cao về nhận thức, tư tưởng, Chi bộ đã đưa ra nhiều chủ

trương sát với tình hình địa phương. Nhằm tiếp tục phát triển đội ngũ đảng viên, theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, Chi bộ xã đã tổ chức kết nạp thêm được một số đảng viên mới, gồm các đồng chí: Hoàng Văn Dền; Nguyễn Duy Bàn, Ma Văn Ngâm...

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, chính quyền xã, nhân dân Lương Thượng thực hiện công tác chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến. Trong đó, công tác xây dựng lực lượng vũ trang được Chi bộ xã xác định là một trong những nhiệm vụ hàng đầu. Cuối năm 1947, xã thành lập được một tiểu đội dân quân du kích với 12 người do Xã đội trưởng làm Chỉ huy. Trang bị của đội ngoài 5 khẩu súng kíp thì chủ yếu là vũ khí thô sơ gồm dao, gậy, mã tấu... Trong hoàn cảnh khó khăn nhưng cán bộ và chiến sĩ các đội dân quân, du kích đều có tinh thần chiến đấu rất cao, thường xuyên luyện tập, nâng cao trình độ tác chiến. Cán bộ chỉ huy quân sự xã được tham gia các khóa huấn luyện quân sự ở trên huyện, tỉnh... Sự phát triển của lực lượng dân quân du kích xã cả về số lượng và chất lượng đã đảm bảo vững chắc tình hình trị an xã hội của địa phương, đồng thời đây cũng là nguồn bổ sung kịp thời cho quân chủ lực, tiếp viện cho các đơn vị khác trong huyện khi chiến sự xảy ra...

Để đáp ứng nhu cầu của kháng chiến, Chi bộ xã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Nhân dân tích cực trồng lúa vụ màu và các cây hoa màu trên diện tích khô hạn... để tăng sản lượng lương thực. Bên cạnh đó, hệ thống thủy lợi cũng được tu sửa thường

xuân, đảm bảo nước tưới cho đồng ruộng. Tinh thần làm việc của nhân dân rất khẩn trương và tích cực, ai cũng mong muốn ủng hộ nhiều hơn cho cách mạng, đóng góp lương thực thực phẩm cho tiền tuyến và ra sức thi đua vận chuyển hàng hóa cho mặt trận.

Cuối năm 1947, thực dân Pháp đã đánh chiếm và chốt giữ hầu hết các cứ điểm quân sự quan trọng trong tỉnh Bắc Kạn gồm: thị xã Bắc Kạn, huyện Chợ Mới, Phủ Thông, Chợ Đồn, Chợ Rã, Ngân Sơn... Riêng Na Rì, do địa bàn hiểm trở, giao thông khó khăn nên thực dân Pháp không tấn công được, do vậy Na Rì trở thành vùng an toàn của tỉnh, trạm trung chuyển hàng hóa từ hậu phương ra chiến trường. Hàng hóa từ Thái Nguyên, bao gồm lương thực thực phẩm (chủ yếu là thóc gạo và muối ăn), vũ khí đạn dược vận chuyển lên Chợ Mới. Sau đó, nhân dân Chợ Mới và Na Rì tổ chức đoàn ngựa thồ và người gánh vác theo đường mòn đi trạm Yên Cư (Bản Rịa). Từ đây, chở hàng bè mảng theo sông Na Rì - Pác Cáp đến xã Lương Thượng cất giấu rồi hàng hóa lại tiếp tục theo đường mòn lên mặt trận Ngân Sơn¹. Nhiều gia đình ở Lương Thượng tự nguyện nhận làm nơi tập kết hàng hóa của cách mạng, tiêu biểu như hộ gia đình ông Nông Thiêm Ninh.

Không chỉ là cơ sở cất giấu lương thực, thực phẩm cho chiến trường, Lương Thượng còn là nơi tiếp nhận các cơ quan đơn vị của tỉnh về sơ tán. Cuối năm 1947, một bộ phận quân giới từ huyện Bạch Thông chuyển về xã, ở và làm việc tại nhà ông Ma Văn Ngâm. Tổ quân giới gồm

1. Lịch sử Đảng bộ huyện Na Rì (1930-1975), tr.62

10 người do ông Phạm Hữu Đính¹ chỉ huy, có nhiệm vụ chuyên sửa chữa một số vũ khí hạng nhẹ, sản xuất, pha chế thuốc nổ, lắp liều phóng đạn cối... để cung cấp vũ khí cho chiến trường. Năm 1948, một đơn vị bộ đội của tỉnh cũng đến xã, đóng quân ở bản Nà Làng. Trường bắn đạn thật đặt tại khu ruộng Nà Đà Tạo, trường bắn súng cối ở thôn Pàn Xả. Trong suốt thời gian các đơn vị về đây đóng quân và làm việc, mặc dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng Chi bộ Đảng, chính quyền và nhân dân trong xã đều tạo mọi điều kiện thuận lợi về nơi ăn, chỗ ở cũng như ủng hộ về lương thực, thực phẩm để các đơn vị yên tâm công tác. Lực lượng dân quân du kích xã ngày đêm canh phòng cẩn mật, đảm bảo thông tin an toàn ở địa phương.

Do là nơi đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị nên địa bàn xã Lương Thượng trở thành mục tiêu đánh phá của Pháp. Giữa năm 1949, phát hiện ra kho lương thực và công binh xưởng của huyện tập trung tại Lương Thượng địch huy động máy bay đến ném bom, bắn phá dữ dội. Tổng cộng chúng đã ném tổng cộng 4 quả bom xuống thôn Vằng Khít, trong đó 2 quả nổ sau nhà ông Nông Thiêm Ninh (địa điểm kho lương thực), 2 quả rơi xuống gần nhà ông Ma Văn Ngâm (địa điểm tập trung công binh xưởng), 1 quả nổ cách nhà 200m, 1 quả không nổ nên đợt tấn công không gây thiệt hại về người và của. Cùng với

1. Ông Phạm Hữu Đính sau đó chuyển sang đơn vị pháo binh, giữ chức vụ Trung đoàn trưởng, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau năm 1956, ông chuyển công tác tham gia xây dựng khu gang thép Thái Nguyên. Hiện nay, gia đình ông ở số 31, Lý Thường Kiệt, Hà Nội.

việc dùng máy bay ném bom, thực dân Pháp còn cho quân dùng súng 12 ly 7 bắn phá vào nhà các ông Nông Thiêm Tiêu, Nông Ích Viên, Nông Thiêm Công.

Nhận thấy việc tấn công bằng máy bay không hiệu quả, thực dân Pháp chuyển sang phương án cung cấp vũ khí đạn dược cho bọn phản động từ Lạng Sơn tấn công xuống Na Rì nhằm phá vỡ hậu phương kháng chiến của ta. Bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, chúng đã kích động đồng bào, thành lập ra cái gọi là “Liên bang Tày - Nùng miền Bắc Đông Dương”, gây chia rẽ, mất đoàn kết trong nhân dân. Ở Lương Thượng, để ngăn chặn âm mưu của địch, Chi bộ và chính quyền xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân cảnh giác trước những luận điệu của địch, giữ vững lập trường, đảm bảo khối thống nhất đoàn kết địa phương.

Bên cạnh các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, quân sự, các mặt công tác khác như văn hóa - xã hội, xây dựng nếp sống mới tiếp tục được đẩy mạnh. Hoạt động giáo dục được chú trọng, các bản đều đã mở lớp học bình dân học vụ, các lớp vỡ lòng, lớp một, lớp hai được sự hưởng ứng của đông đảo nhân dân. Việc xóa bỏ các hủ tục, ma to cưỡi lớn được tiến hành thường xuyên, các phong trào văn hóa, văn nghệ, xây dựng nếp sống lành mạnh được phát động rộng rãi để nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta bước vào giai đoạn ngày càng gay go, ác liệt. Để đảm bảo nhiệm vụ cách mạng đề ra, công tác xây dựng Đảng được Chi ủy xác định là nhân tố

tiên quyết. Ra đời trong kháng chiến, năng lực lãnh đạo của Chi bộ xã còn hạn chế, trình độ lý luận chính trị còn yếu kém, đội ngũ đảng viên chưa đồng đều về năng lực và phẩm chất chính trị... Bởi vậy, ngay từ đầu năm 1950, Chi bộ xã đã phát động toàn thể đảng viên hưởng ứng “Rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng” do Tỉnh ủy Bắc Kạn đề ra. Ngoài ra, Chi bộ xã còn tạo điều kiện cho cán bộ đảng viên tham gia các lớp huấn luyện cán bộ, chấn chỉnh Đảng được tổ chức tại huyện. Qua học tập, đấu tranh với những biểu hiện lệch lạc, tổ chức Chi bộ xã được củng cố, chấn chỉnh. Đội ngũ đảng viên được rèn luyện, nâng cao về trình độ, phẩm chất cách mạng. Từ năm 1950-1954 đồng chí Nông Thiêm Tửu được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Ích Thọ là Phó Bí thư.

Thực hiện sự lãnh đạo của Huyện ủy Na Rì, Chi bộ xã Lương Thượng lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế tự túc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, đảm bảo nhu cầu lương thực của địa phương và góp phần cho kháng chiến. Cuộc vận động sản xuất tiết kiệm đã được chính quyền xã kết hợp cùng với các đoàn thể tổ chức sâu rộng trong đơn vị của mình cũng như tuyên truyền sâu rộng đến quần chúng nhân dân. Để đạt được kết quả tốt trong sản xuất, tăng diện tích trồng trọt xã đã phát động các phong trào thi đua như “Sản xuất tiết kiệm”, “Chiến dịch trồng màu”, khai hoang phục hóa. Bên cạnh đó, chính quyền xã cũng tăng cường chỉ đạo nhân dân áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: cày sâu, bừa kỹ, làm cỏ, bỏ phân, gặt nhanh, gặt kỹ... Năm 1952, cùng với việc triển khai chiến dịch

“vụ mùa thắng lợi”, thực hiện chủ trương của Huyện ủy Na Rì, Chi bộ xã Lương Thượng bắt đầu cho thí điểm mô hình tổ đổi công ở một số bản. Kết quả đạt được rất khả quan. Tổ đổi công không chỉ phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy sản xuất kịp thời vụ mà còn đạt được hiệu quả cao trong phòng chống thiên tai, bảo vệ mùa màng.

Nhờ những kết quả đạt được trong sản xuất, nhân dân không chỉ ổn định được lương thực cho cuộc sống của mình mà còn tích cực tham gia đóng góp cho kháng chiến. Năm 1950, thực hiện lời hiệu triệu đóng góp thóc dự trữ nuôi quân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân trong xã đã tham gia hưởng ứng nhiệt liệt, đóng góp được gần 1 tấn thóc. Trong mỗi gia đình đều có “lọ gạo nuôi quân” để hàng ngày nhân dân đều có thể san sẻ một phần lương thực của mình cho đồng bào, chiến sĩ ở tiền tuyến. Cứ khoảng 1 tháng 1 lần, chính quyền xã lại cử người đến thu gom.

Song song với phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, Chi bộ xã còn quan tâm đến công tác giáo dục, y tế và văn hóa. Trong những năm 1950-1954, chủ trương của Chi bộ Đảng và chính quyền xã là thực hiện cả giáo dục phổ thông và bình dân học vụ. Các lớp học cho học sinh vỡ lòng, lớp 1, lớp 2 tiếp tục được duy trì. Tuy mới chỉ là nhà gỗ được nhân dân đóng góp dựng lên nhưng đảm bảo sạch sẽ thoáng mát, đáp ứng được điều kiện học tập của học sinh. Các lớp bình dân học vụ được duy trì thường xuyên nhằm tiếp tục xóa nạn mù chữ cho nhân dân.

Với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, nhân dân xã Lương Thượng đã tích cực quyền

góp lương thực, thực phẩm, quần áo gửi ra mặt trận, hàng chục thanh niên trên địa bàn xung phong nhập ngũ, lên đường đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong chiến dịch Biên giới (1950), xã đã huy động được hàng trăm lượt dân công đi tham gia sửa Quốc lộ 3 từ Thái Nguyên lên Ngân Sơn (Bắc Kạn), vận chuyển lương thực thực phẩm từ Na Rì ra kho Nà Cù (Phủ Thông)... Trong trận đánh Phủ Thông, xã có ông Ma Văn Cảnh tham gia; trong chiến dịch Điện Biên Phủ xã có 3 người là Ma Văn Quảng (nay thuộc xã Sĩ Bình - huyện Bạch Thông); ông Ma Văn Cảnh và Nông Thiêm Trung tham gia.

Ngày 7-5-1954, quân ta giành thắng lợi hoàn toàn ở chiến trường Điện Biên Phủ. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên toàn cõi Đông Dương được ký kết. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân cả nước nói chung và nhân dân xã Lương Thượng nói riêng đã kết thúc thắng lợi. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Sự nghiệp cách mạng của cả nước chuyển sang một giai đoạn mới.

Chín năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954) là chặng đường nhiều khó khăn, gian khổ nhưng cũng đầy tự hào của cán bộ và nhân dân xã Lương Thượng. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến tháng 12-1946 là thời kỳ xã tập trung củng cố lực lượng, thực hiện phát triển sản xuất, chống giặc đói, giặc dốt, bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Từ tháng 1/1947-7/1954, xã Lương Thượng là hậu phương kháng chiến vững chắc của tỉnh Bắc Kạn, trạm

trung chuyên cất giấu lương thực thực phẩm, vũ khí đạn dược cho chiến trường. Đồng thời, xã cũng là căn cứ an toàn cho các đơn vị bộ đội quân giới đến đóng quân, làm việc ở địa phương. Tổng kết 9 năm trường kỳ kháng chiến chống Pháp, xã Lương Thượng có 33 thanh niên¹ lên đường nhập ngũ, trong đó có 3 người anh dũng hy sinh. Xã đã đóng góp cho cuộc kháng chiến hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm, hàng nghìn ngày công của dân công hỏa tuyến làm đường và vận chuyển lương thực.

Những năm kháng chiến lâu dài và gian khổ đã để lại cho tổ chức Đảng và nhân dân xã Lương Thượng nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc, đó sẽ là nền móng quan trọng và vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân xã bước sang giai đoạn tiếp theo: Xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

1. Bộ đội kháng chiến chống Pháp gồm các đồng chí: Lô Ích Hàm, Lương Văn Pjai, Lương Văn Vĩnh, Nông Ích Tượng, Nguyễn Công Đề, Phương Văn Phụng, Phương Văn Kham, Bế Đức Long, Nông Đức Thìn, Nông Đức Liệt, Phương Văn Tinh, Phương Văn Vắn, Nguyễn Công Thủ, Nông Thiêm Tiêu, Bế Sỹ Tiến, Nông Thiêm Cảnh, Lộc Văn Tài, Lộc Văn Phụng, Bình, Hoàng Văn Tiêu, Nông Thiêm Hưng, Nguyễn Thanh Bảo, Ma Văn Cảnh, Nông Thiêm Thi, Nguyễn Công Thanh, Nguyễn Duy Cu, Nguyễn Công Vạn, Lương Văn Lả, Nông Thiêm Trung, Nguyễn Công Thuận, Ma Văn Quảng, Phương Văn Đoàn, Lương Văn Lân.

Chương III

NHÂN DÂN LƯƠNG THƯỢNG GÓP SỨC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ XÂM LƯỢC (1954-1975)

I. KHÔI PHỤC KINH TẾ, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa xã hội, cải thiện đời sống nhân dân (1954-1957)

Chiến thắng Điện Biên Phủ cùng với Hiệp định Giơ-ne-vơ đã kết thúc cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược. Việt Nam tạm thời chia làm hai miền lấy giới tuyến là vĩ tuyến 17: miền Bắc hoàn toàn giải phóng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam còn nằm dưới sự kìm kẹp của chế độ Mỹ - Ngụy. Trước nhiệm vụ cách mạng mới, Đảng ta đề ra nhiệm vụ: khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục cải cách ruộng đất, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng làm hậu phương lớn cho quân dân miền Nam, đấu tranh thống nhất nước nhà.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, xã Lương Thượng là vùng tự do, hậu phương kháng chiến của tỉnh Bắc Kạn. Để kịp thời phục vụ cho chiến trường, xã đã huy động hầu hết mọi nguồn lực của xã làm nhiệm vụ hậu cần, tiếp ứng lương thực thực phẩm, vũ khí đạn dược cho chiến trường. Trên địa bàn xã cũng nhiều lần bị thực dân Pháp đem máy bay đến bắn phá. Bởi vậy, hậu quả chiến tranh vẫn ảnh hưởng hết sức nặng nề đến tình hình kinh tế - xã hội của xã. Sau khi hòa bình lập được lại, nhiệm vụ trước tiên là thực hiện công cuộc khôi phục kinh tế, tạo cơ sở phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

Để công tác quản lý được thuận lợi, dễ dàng, đầu năm 1955, xã Lương Thượng (lớn) được tách thành 3 xã mới lấy tên là: Bạch Đằng (Lương Thượng), Quốc Tuấn (Kim Hỷ) và Văn Lang (Lạng San). Sau khi chia tách, bộ máy chính quyền xã Bạch Đằng cũng được kiện toàn lại: đồng chí Hoàng Văn Dền là Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Nông Thị Hiền là Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Công an xã, đồng chí Nguyễn Công Thủ là Xã đội trưởng, đồng chí Lý Thị Lò là Chủ tịch Hội Phụ nữ, đồng chí Phương Văn Sinh là Bí thư Đoàn Thanh niên.

Cùng quyết định điều chỉnh địa giới hành chính, Chi bộ xã Lương Thượng lớn được chia làm 3 chi bộ mới: Bạch Đằng, Quốc Tuấn, Văn Lang. Trong đó, Chi bộ Bạch Đằng là tiền thân của Đảng bộ Lương Thượng hiện nay. Đồng chí Nông Thiêm Tửu được phân công làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Ích Thọ được phân công làm Phó Bí thư.

Năm 1955, Chi bộ xã Bạch Đằng tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1955-1956. Đại hội đã tổng kết những kết

quả đạt được, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo của Chi bộ trong 9 năm kháng chiến chống Pháp. Đồng thời, Đại hội cũng phân tích tình hình thực tiễn ở địa phương, đề ra phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới 1955-1956 là: đẩy mạnh khôi phục xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh, tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền. Đại hội bầu đồng chí Nông Thiêm Tửu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Ích Thọ là Phó Bí thư.

Tiếp đó, trong hai năm 1956-1957, Chi bộ tổ chức hai kỳ Đại hội nhiệm kỳ 1956-1957 và 1957-1958. Các kỳ Đại hội khẳng định cần đẩy mạnh hơn nữa quá trình khôi phục kinh tế, ổn định đời sống cho nhân dân và đóng góp sức người sức của cho cách mạng miền Nam.

Nhiệm kỳ 1956-1957, Chi bộ bầu đồng chí Nông Thiêm Tửu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Ích Thọ là Phó Bí thư. Nhiệm kỳ 1957-1958, Chi bộ bầu đồng chí Nguyễn Công Nấn làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Dền làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ và chính quyền xã, nhân dân Bạch Đằng đẩy mạnh thi đua sản xuất. Do hậu quả của chiến tranh cộng với thiên tai hạn hán mất mùa, phần lớn nhân dân trong xã đều thiếu lương thực, mỗi hộ gia đình đều thiếu đói từ 3-5 tháng trong năm. Nhân dân phải lên rừng tìm củ mài, củ pấu cứu đói. Trong khi đó, giá cả những mặt hàng thiết yếu như dầu hỏa, muối ăn... đều tăng cao, hàng hóa khan hiếm, nhân dân không có điều kiện để mua. Để tháo gỡ khó khăn cho nhân dân, dưới sự

chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, Chi bộ và chính quyền xã lãnh đạo nhân dân ra sức phát động vụ mùa, đồng thời triển khai trồng màu; làm nương phai; phát triển phong trào làm chuồng trâu để có sức kéo và phân bón; củng cố và phát triển các tổ đổi công; phát động phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm.

Năm 1955, toàn xã ra quân thực hiện cày ải chuẩn bị cho việc gieo cấy. Qua phong trào thi đua, diện tích lúa ngày càng được mở rộng. Năm 1955, xã có 45 bung, đến năm 1957, tăng lên 55 bung. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất trong gieo trồng là vấn đề nước tưới. Thời tiết khô hạn và rét làm cho cây trồng rất dễ chết. Bởi vậy trong năm 1955, chính quyền xã phát động nhân dân làm nương phai dẫn nước từ các khe suối đến đồng ruộng. Từ vụ mùa năm 1955, chính quyền xã chỉ đạo nhân dân tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất như cấy nhỏ dặm, chăm phân rễ mạ (từ 3-5 dặm); tăng cường tương trợ trong sản xuất nhằm hoàn thành gieo cấy kịp thời vụ. Bên cạnh lúa nước, trong vụ mùa xã vẫn duy trì hình thức gieo cấy lúa rẫy theo tập quán lâu đời của nhân dân để tăng thêm sản lượng lương thực.

Diện tích hoa màu được mở rộng với một số loại cây trồng như: ngô, khoai, sắn... Ngoài ra, nhân dân còn tích cực chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm. Để cải thiện đời sống, các nguồn lâm sản chủ yếu là khai thác gỗ phục vụ cho việc làm nhà ở, làm chuồng trại.

Nhờ những chính sách tích cực và kịp thời của Chi bộ Đảng và chính quyền xã, vấn đề lương thực trong đời sống của nhân dân đã được khắc phục một phần. Nhằm

giảm thiểu số hộ đói trong xã, các ban, ngành, đoàn thể tiếp tục vận động nhân dân nêu cao tinh thần tương thân tương ái, cứu giúp các gia đình gặp khó khăn như giúp đỡ về gạo, thức ăn, quần áo, đồ dùng lao động... Chính quyền xã tạo điều kiện về giống, cây trồng, ruộng đất cho nhân dân sản xuất.

Phong trào đổi công trong lao động sản xuất được hình thành trong những năm kháng chiến đến nay tiếp tục phát triển, đặc biệt trong các bản người Tày. Các tổ đổi công cùng với Nông hội có vai trò to lớn trong việc thực hiện các chủ trương của Chi bộ, chính quyền xã xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, phát triển phong trào thi đua, giải quyết khó khăn trong sản xuất, đời sống như trâu cày, thóc giống cho đến cứu đói nhân dân. Tuy nhiên đối với các hộ người Dao sống trên núi cao, công tác vận động của chính quyền gặp nhiều khó khăn. Nhân dân quen với tập quán canh tác cũ cũng như các giá trị truyền thống trong sinh hoạt, sản xuất của dân tộc mình. Chính quyền xã cùng các tổ chức đoàn thể đã cử cán bộ đến từng bản tuyên truyền thuyết phục nhân dân, tuy nhiên hiệu quả đạt được không cao.

Bên cạnh nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, trong những năm 1954-1957, công tác văn hóa - xã hội tiếp tục có những khởi sắc. Để củng cố lại các lớp học, chính quyền xã vận động nhân dân tham gia góp gỗ, đóng bàn ghế cho học sinh. Trong điều kiện kinh tế xã còn nhiều khó khăn, ngoài việc giảng dạy và học tập văn hóa, thầy và trò đều tích cực lao động sản xuất, giúp bà con nông dân làm phân xanh, trừ sâu hại lúa... Phong trào Bình dân

học vụ tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt quan tâm đến các hộ người Dao. Tại đây, giáo viên bình dân học vụ phải đến tận nhà vận động phụ nữ, thanh niên, người già đi học. Bằng sự kiên trì và có tính thuyết phục cao, nhân dân đã dần dần tự nguyện tham gia vào lớp học.

Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã luôn đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu. Các đồng chí trong Ban Công an xã đã chủ động tham dự các lớp huấn luyện ngắn ngày do Ty Công an tỉnh tổ chức. Trong những năm 1954-1957, đồng chí Lương Văn Hàm làm Xã đội trưởng, đã chỉ huy lực lượng dân quân xã đã tích cực làm nhiệm vụ bảo vệ nông thôn, trấn áp những hành động phá hoại, bảo vệ sản xuất.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, bộ máy chính quyền xã từng bước được xây dựng, mối quan hệ giữa tổ chức Đảng và Nhà nước, giữa chính quyền và các đoàn thể quần chúng và nhân dân được phân định rõ ràng. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Nông hội đều được củng cố và kiện toàn. Mặt trận và các đoàn thể xã đã tích cực đi đầu trong các phong trào hoạt động của địa phương như thi đua lao động sản xuất, làm thủy lợi, quyên góp ủng hộ nhân dân cứu đói, hỗ trợ các gia đình thương binh liệt sỹ, người có công với nước...

Như vậy, sau 3 năm khôi phục và phát triển sản xuất, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương đã khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu vươn lên giành được những thắng lợi toàn diện, đời sống của nhân dân

được ổn định và cải thiện. Nhân dân bước đầu đi vào con đường làm ăn tập thể, các lĩnh vực văn hóa xã hội, y tế, giáo dục... tiếp tục được củng cố và đạt được nhiều kết quả đáng mừng. Đây là điều kiện thuận lợi để Chi bộ Đảng xã Bạch Đằng bước vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trong những năm tiếp theo.

2. Tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp (1958-1960)

Trên cơ sở những thắng lợi trong ba năm khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, xã Bạch Đằng cũng như toàn miền Bắc đã có bước chuyển mới, phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân phát triển rộng rãi. Để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 (khóa II) đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và tư bản tư doanh (1958-1960).

Năm 1958, Chi bộ xã Bạch Đằng tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1958-1959. Đại hội đã xác định nhiệm vụ chính của Chi bộ Đảng trong giai đoạn này là lãnh đạo nhân dân nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội và quyết tâm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Công Việt làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Dền làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Trong hai năm 1959-1960, Chi bộ tổ chức thêm 2 kỳ Đại hội nhiệm kỳ 1959-1960 và nhiệm kỳ 1960-1961. Nhiệm kỳ 1959-1960 bầu đồng chí Nguyễn Công Việt làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Duy Bàn làm Phó Bí thư, đồng chí Nông Thiêm Quốc làm Chi ủy viên, Chủ

tịch Ủy ban hành chính. Nhiệm kỳ 1960-1961, Ban Chi ủy có sự thay đổi, đồng chí Đinh Văn Tạ được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Duy Bàn là Phó Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính), đồng chí Nông Thiêm Quốc là Chi ủy viên.

Quán triệt Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, Chi bộ và chính quyền xã Bạch Đằng đã vạch ra kế hoạch cụ thể, đưa nông dân vào hợp tác xã. Ban Chi ủy nhận định: phong trào các tổ đổi công của xã đang phát triển tốt. Mô hình tổ đổi công đang được nhân rộng trong quần chúng nhân dân với các hình thức ngày càng đa dạng và gắn bó mật thiết hơn. Từ hình thức đổi công từng vụ, từng việc, một số tổ được đưa lên hình thức đổi công thường xuyên. Tuy nhiên, tổ đổi công của xã cũng gặp nhiều khó khăn: ở nhiều nơi tổ chức tổ đổi công còn rời rạc, mang tính thời vụ, không ổn định và không có mối liên hệ thường xuyên. Trong một bộ phận dân cư, tập quán canh tác theo phương thức truyền thống vẫn được duy trì, rất khó thay đổi. Dân cư phần nhiều thừa thớt, ruộng đất phân tán, manh mún, kỹ thuật canh tác lạc hậu... Bởi vậy, nhiệm vụ trước mắt của địa phương vẫn là duy trì và tiếp tục phát triển các mô hình tổ đổi công để đây trở thành một hình thức sản xuất quen thuộc với người dân.

Từ cuối năm 1958, Na Rì thực hiện xây dựng thí điểm hai hợp tác xã ở xã Bình Minh và Hùng Vương đã thu được kết quả tốt. Trên cơ sở đó, Huyện ủy triển khai phong trào hợp tác hóa rộng khắp trong toàn huyện. Tiếp đó, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 16 (tháng 4-1959) về hợp tác xã và

cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, đồng thời tiếp thu kinh nghiệm từ mô hình các hợp tác xã khác trong huyện, Chi bộ Đảng Bạch Đằng đã đề ra phương châm, nguyên tắc thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp. Phương châm tiến hành: tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt, sát với hoàn cảnh của xã, làm tốt, vững và gọn. Nguyên tắc thực hiện là: tự nguyện cùng có lợi và quản lý dân chủ. Việc thực hiện nghị quyết được thực hiện thông qua 3 bước: tuyên truyền giáo dục, phát động tư tưởng trong quần chúng; giải quyết vấn đề ruộng đất, trâu bò, thành phần, giải quyết cụ thể việc nhập tư liệu sản xuất vào hợp tác xã; xây dựng nội quy hợp tác xã, bầu ban quản trị, thành lập tổ lao động và chuyển vào sản xuất.

Chi bộ Đảng và chính quyền xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau. Đồng thời, cử cán bộ, đảng viên xuống tổ đổi công trực tiếp thực hiện phong trào, động viên nhân dân tham gia... Từ lợi ích đạt được, nhân dân đã hăng hái tham gia vào các tổ đổi công. Phong trào tổ đổi công phát triển mạnh mẽ. Đến năm 1960, toàn xã Bạch Đằng đã xây dựng được 15 tổ đổi công, mỗi tổ có từ 4-7 hộ gia đình. Trên cơ sở đó, Chi bộ Bạch Đằng đã chỉ đạo việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp đầu tiên tại Bản Giang do đồng chí Lương Văn Hàm làm Chủ nhiệm.

Về tổ chức, hợp tác xã nông nghiệp Bản Giang đã thành lập được Ban Quản trị, Ban Kiểm soát và các đội sản xuất nhỏ do đội trưởng đứng đầu, trực tiếp điều hành, các xã viên được bình công, chấm điểm. Tuy mới chỉ là

hợp tác xã bậc thấp, quy mô nhỏ (ruộng đất, trâu bò nông cụ vẫn thuộc sở hữu của hộ xã viên) song đã đánh dấu một bước thắng lợi quan trọng trong công cuộc cải tạo nền kinh tế địa phương theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn 1958-1960, nhiệm vụ phát triển kinh tế sản xuất tiếp tục được Chi bộ và chính quyền xã đẩy mạnh. Nhằm nâng cao sản lượng lương thực, ổn định cuộc sống của người dân, chính quyền xã khuyến khích nhân dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất như cấy lúa thẳng hàng, bón nhiều phân xanh, phân chuồng... Bên cạnh đó, xã tiếp tục ưu tiên mở rộng diện tích cấy lúa Nam Ninh. Để phát triển sản xuất đạt hiệu quả, công tác thủy lợi có vai trò quyết định. Những năm trước, xã đã thực hiện việc xây dựng và sửa chữa hệ thống mương phai, tuy nhiên diện tích ruộng thiếu nước vẫn còn nhiều. Các hợp tác xã thành lập đội nông giang (thủy lợi) để làm nhiệm vụ đắp đập, làm phai, khơi mương, bắc máng, làm guồng nước để đưa nước từ dưới sông suối lên ruộng cao. Nhờ vậy, diện tích lúa Nam Ninh đã tăng lên 32%, năng suất lúa đạt 140 kg/bung.

Trong chăn nuôi, việc làm chuồng trại cho trâu bò tránh rét tiếp tục được đẩy mạnh. Vì vậy, trong mùa đông năm 1959-1960, mặc dù nhiệt độ hạ xuống rất thấp nhưng trong xã số lượng trâu bò chết rét rất ít. Số lượng đàn gia cầm nuôi trong hộ dân phát triển nhanh. Công tác thú y bước đầu được chính quyền xã quan tâm thực hiện. Trong năm 1959, xã đã cử cán bộ thú y tham gia lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn do huyện mở, tổ chức tiêm phòng kết hợp với vệ sinh chuồng trại nên đã hạn chế được tình trạng dịch bệnh lây lan.

Sự nghiệp giáo dục của xã vẫn song song phát triển hệ thống giáo dục phổ thông và lớp học “Bình dân học vụ”. Bên cạnh đó, chính quyền xã còn quan tâm, chú trọng đến công tác giáo dục tư tưởng cho toàn thể nhân dân. Qua các buổi học tập về chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa, nhân dân đã nhận thức rõ hơn chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và hăng hái thực hiện theo. Ban Y tế xã đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, hướng dẫn người dân thực hiện ăn ở hợp vệ sinh, chăm lo bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em... Qua tuyên truyền, ý thức phòng bệnh của người dân được nâng lên rõ rệt. Các dịch cúm, đậu mùa, sởi đều được dập tắt kịp thời, bệnh sốt rét được hạn chế.

Để đảm nhận tốt vai trò lãnh đạo, Chi bộ xã luôn luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng. Hàng năm, Chi bộ xã đều tổ chức sinh hoạt tư tưởng, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và cấp trên. Công tác đấu tranh tự phê bình và phê bình được thực hiện nghiêm túc nhằm giữ vững kỷ luật của Đảng, làm trong sạch hàng ngũ đảng viên. Vì vậy, hầu hết đảng viên đều chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gương mẫu trong công tác, đoàn kết nội bộ, có ý thức đấu tranh, xây dựng Đảng; nêu cao được vai trò lãnh đạo của mình trong việc vận động nhân dân vào hợp tác xã đạt kết quả tốt.

Bộ máy chính quyền xã tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Trong nhiệm kỳ 1958-1960, Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và nghị quyết của Chi ủy. Đội ngũ cán bộ thường xuyên được cử đi học các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý do huyện tổ chức. Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức đoàn thể tích cực tham gia thực hiện các

nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Trong đó, Mặt trận Tổ quốc là đơn vị đi đầu trong công tác vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Động viên, giải thích, hướng dẫn cho nhân dân thực hiện quyền bầu cử, cũng như tham gia vào các tổ đổi công, hợp tác xã, tự nguyện đi vào làm ăn tập thể, hăng hái tham gia phong trào Bình dân học vụ, hoàn thành công tác xóa nạn mù chữ... Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ gần chức năng, nhiệm vụ của mình với việc thực hiện tốt cuộc vận động phát triển hợp tác xã, tăng gia sản xuất, xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Sau 3 năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), Chi bộ Đảng xã Bạch Đằng đã lãnh đạo nhân dân giành được nhiều thành tích: quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được hình thành, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện và ổn định. Tuy còn có hạn chế cần phải khắc phục, nhiều khó khăn cần phải vượt qua nhưng những kết quả đã đạt được là cơ sở để toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân xã vững tin bước vào giai đoạn cách mạng mới.

3. Củng cố phát triển hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội (1961-1965)

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng diễn ra tại Hà Nội. Đại hội đã chỉ rõ 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà. Đại hội đề ra nhiệm vụ và phương hướng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất

(1961-1965) là ra sức phấn đấu, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Trong hoàn cảnh thực tiễn ở địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III của huyện Na Rì chỉ rõ: trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu của toàn huyện là tiếp tục củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, trong nhiệm kỳ 5 năm 1961-1965, Chi bộ tổ chức 4 kỳ Đại hội Chi bộ các nhiệm kỳ 1961-1962; 1962-1963; 1963-1964; 1964-1965. Các kỳ Đại hội đều xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cụ thể từng năm trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất nhằm kịp thời lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh công cuộc hợp tác hóa, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Thời gian này, Ban Chi ủy được bầu gồm 3 đồng chí. Nhân sự Ban Chi ủy trong thời gian 1961-1965 ổn định, đồng chí Đinh Văn Tạ được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Duy Bàn là Phó Bí thư, đồng chí Nông Thiêm Quốc là Chi ủy viên - Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Hệ thống chính quyền xã được củng cố và kiện toàn thêm một bước. Ủy ban hành chính luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm 1964, theo Quyết định 150-QĐ/NV ngày 12-5-1964 của Bộ Nội vụ về việc đổi tên một số xã, thị trấn của tỉnh Bắc Kạn, xã Bạch Đằng đổi tên là xã Lương Thượng, Ủy ban hành chính xã Bạch Đằng đổi tên thành Ủy ban hành chính xã Lương Thượng.

Để hoàn thành phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở địa phương, Chi bộ và chính quyền xã tiếp tục đẩy mạnh

công tác tuyên truyền, động viên, hướng dẫn nhân dân vào hợp tác xã. Từ thành công của mô hình Hợp tác xã Bản Giang trong năm 1961, xã đã thành lập thêm được 2 Hợp tác xã mới là Hợp tác xã Vằng Khít do đồng chí Nguyễn Công Thanh làm Chủ nhiệm; Hợp tác xã Nà Làng do đồng chí Hoàng Văn Dền làm Chủ nhiệm. Đến năm 1962, xã tiếp tục thành lập được thêm 1 hợp tác xã mới là hợp tác xã Pàn Xả do đồng chí Lương Văn Thường làm Chủ nhiệm. Như vậy, mỗi thôn bản của xã đã thành lập được 1 hợp tác xã. Phong trào hợp tác hóa ở địa phương cơ bản được hoàn thành với 95% hộ dân vào hợp tác xã, chỉ còn một số hộ ở bản Nà Làng và hộ người Kinh ở Lán Vàng chưa vào.

Để nâng cao năng lực quản lý hợp tác xã, Ban Quản trị hợp tác xã tích cực đưa cán bộ đi dự các lớp huấn luyện, bồi dưỡng về công tác quản lý, về nghiệp vụ, về khoa học kỹ thuật do tỉnh, huyện tổ chức. Các xã viên đều được học tập và cụ thể hóa các tiêu chuẩn kỹ thuật như thổ nhưỡng, thủy lợi kiến thiết đồng ruộng; xây dựng cụ thể các phương án kỹ thuật liên hoàn từ nước, phân, cần, giống đến phòng trừ dịch bệnh. Được sự giúp đỡ của cán bộ huyện, trong năm 1963, các hợp tác xã đã bước đầu thực hiện công tác “ba khoán, ba quản”¹ thu được nhiều kết quả tích cực. Các xã viên thấy được lợi ích, ngày càng gắn bó với hợp tác xã. Một số hộ trước xin ra khỏi hợp tác xã, tự nguyện xin quay về.

1. Ba khoán là khoán diện tích, khoán sản lượng, khoán công điểm. Ba quản là quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý tài chính và tư liệu sản xuất.

Dưới sự chỉ đạo của Chi ủy, chính quyền và các hợp tác xã, phong trào sản xuất ở địa phương có bước phát triển mới. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xã ra sức đẩy mạnh sản xuất vụ đông xuân, phát động phong trào thi đua “Vượt gió Đại Phong, Đông - Xuân chiến thắng”, “Biển ruộng cạn thành ruộng nước”,... Cây lúa Nam Ninh phù hợp với khí hậu, thời tiết của xã được triển khai cây trên diện rộng. Các hợp tác xã chú ý áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất như xử lý giống “ba sôi, hai lạnh”, cấy nhỏ dảnh, cấy dày (20x20cm). Nhân dân tiếp tục thu gom phân gia súc gia cầm để bón cho đồng ruộng với phương châm “sạch nhà tốt lúa”.

Do làm tốt công tác tổ chức và vận động sản xuất nên nông nghiệp ở địa phương đạt được một số kết quả khả quan. Đến năm 1965, Lương Thường đạt năng suất đạt 1,5 tấn thóc/ha. Trong 5 năm 1961-1965, xã làm nghĩa vụ được 51 tấn lương thực và bán 15 tấn thóc nghĩa vụ cho Nhà nước.

Trong 5 năm 1961-1965, thực hiện chủ trương của huyện, Chi bộ xã lãnh đạo nhân dân tích cực sửa chữa chuồng trại: có ván lát sàn, che chắn gió lạnh mùa đông, tích trữ rơm rạ cho trâu ăn trong những ngày giá rét. Nhờ vậy đàn gia súc phát triển tốt. Số lượng đàn trâu của xã lên hàng trăm con. Đàn lợn của xã có 312 con, chủ yếu đáp ứng nhu cầu về thực phẩm của nhân dân và thực hiện nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước.

Lâm nghiệp vốn là một trong những thế mạnh của xã, tuy nhiên việc phát triển rừng mới chủ yếu rừng lại ở quy mô nhỏ. Xã mới chỉ khai thác các sản phẩm chủ yếu

như mây, song, tre... với số lượng ít. Việc khai thác gỗ còn dừng lại ở việc chủ yếu đáp ứng nhu cầu của người dân, chưa mang lại giá trị kinh tế cao, cải thiện thu nhập và đời sống của nhân dân. Nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng của rừng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chi bộ chủ trương tăng cường tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ rừng, ngăn chặn các hoạt động đốt phá rừng làm rẫy.

Là xã miền núi, bốn bề bao bọc bởi núi rừng, thêm vào đó đường nhỏ và dốc, vào mùa mưa rất hay xảy ra tình trạng sạt lở đất bởi vậy giao thông đi lại giữa xã và các xã khác trong huyện cũng như sang các huyện, tỉnh khác gặp rất nhiều trở ngại. Nhận thức về vấn đề này, Chi bộ, chính quyền xã đã tập trung mọi nguồn lực trong dân chúng nhất là Đoàn Thanh niên tham gia vào chiến dịch làm đường. Nhiệm vụ làm đường chủ yếu sửa lại các con đường dân sinh trong các thôn bản, mở rộng và cải tạo đường để tạo điều kiện đi lại dễ dàng hơn cho nhân dân và đáp ứng được việc sử dụng các phương tiện thô sơ phục vụ sản xuất. Bên cạnh đó, năm 1962, xã còn huy động được hàng trăm dân công tham gia xây dựng tuyến đường ô tô của huyện từ Na Rì - Bắc Kạn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông kinh tế hàng hóa của huyện với tỉnh lỵ Bắc Kạn.

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”, được sự giúp đỡ của Phòng Giáo dục huyện Na Rì, Chi bộ xã quyết tâm đưa giáo dục của xã phát triển lên

một bước mới. Bên cạnh việc duy trì và phát triển các lớp học “Bình dân học vụ”, xã tập trung đẩy mạnh giáo dục phổ thông. Năm 1965, trường cấp I xã Lương Thượng được thành lập đặt tại khu vực Nà Đuốc (thôn Pàn Xá). Ban đầu, trường mới chỉ có 2 lớp học ghép dạy cho 4 lớp (lớp 1 - lớp 4). Cơ sở vật chất của nhà trường còn nhiều thiếu thốn: bàn ghế, đồ dùng học tập của học sinh và thầy cô giáo chưa đủ, trường lớp mới chỉ được nhân dân góp ngày công và nguyên vật liệu gỗ để xây dựng tạm. Đội ngũ giáo viên nhìn chung còn thiếu và yếu, chưa được đào tạo chuyên môn một cách bài bản. Tỷ lệ học sinh đến trường còn thấp. Bởi vậy, nhiệm vụ của giáo dục xã là tập trung nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, vận động học sinh đến trường đầy đủ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Hàng năm chính quyền xã đều dành một phần ngân sách để đầu tư sửa chữa cơ sở trường lớp, đồ dùng học tập cho học sinh.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, trong giai đoạn 1961-1965, công tác an ninh quốc phòng của xã tập trung vào nhiệm vụ phối hợp với Ban Quân sự huyện xây dựng vùng xung yếu. Bên cạnh đó, Ban Chỉ huy quân sự xã còn tổ chức các buổi học tập là Chỉ thị 51-CT/TW của Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn, Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc trấn áp bọn phản cách mạng ở địa phương. Ban Công an xã cùng với Ban Quân sự tăng cường kiểm soát, nắm vững tình hình, phân loại từng đối tượng, đề ra biện pháp giải quyết từng vụ việc cụ thể. Nhờ đó làm rõ được nhiều vụ phao tin đồn gây hoang mang trong dân chúng và nhiều vụ việc tiêu cực khác xảy trên

địa bàn, góp phần quan trọng ổn định tư tưởng, chính trị trong nhân dân, giữ vững trị an xã hội, củng cố khối đoàn kết thống nhất dân tộc và phong trào hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất.

Lực lượng dân quân xã được bổ sung về số lượng và kiện toàn về tổ chức, đảm bảo sẵn sàng tham gia chiến đấu. Công tác huấn luyện hàng năm được thực hiện theo đúng chương trình, kế hoạch đề ra, đạt hiệu quả cao. Nhờ vậy, năm 1963, dưới sự chỉ đạo của cấp trên, quân và dân xã Bạch Đằng đã canh gác, tuần tra cả ngày lẫn đêm, luôn trong tư thế sẵn sàng trực tiếp tham gia đợt truy lùng, bắt biệt kích địch nhảy dù.

Thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương, Chi bộ Đảng xã Bạch Đằng không ngừng được củng cố về mọi mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã khẳng định phải ra sức xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh về lý luận, tư tưởng nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Những đảng viên còn yếu kém về trình độ nhận thức, lý luận được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày do Chi bộ tổ chức. Đồng thời, tăng cường dìu dắt các đảng viên dự bị, nâng cao chất lượng sinh hoạt của Chi bộ cũng như các tổ Đảng. Năm 1962, Chi bộ xã triển khai đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết 35-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác xây dựng Đảng. Tiếp đó, tháng 8-1962, Chi bộ xã tiếp tục triển khai đợt chỉnh huấn Đảng trong toàn Chi bộ. Hầu hết cán bộ, đảng viên trong xã đều được tham gia các lớp huấn luyện đảng viên

về nhiệm vụ chính trị của Đảng do huyện tổ chức. Qua học tập, nhận thức chính trị tư tưởng của đảng viên được nâng lên, tạo ra sự chuyển biến trong hành động, đạt hiệu quả công tác tốt.

Mặt trận Tổ quốc xã đã động viên được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia lập thành tích trong sản xuất. Đặc biệt, Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ luôn là lực lượng nòng cốt trong lĩnh vực sản xuất với các phong trào thi đua lao động “Xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất”, “Thanh niên cấy thêm hai bó mạ”, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành các nhiệm vụ cách mạng của Chi bộ Đảng.

Sau 5 năm (1961-1965) thực hiện kế hoạch Nhà nước lần thứ nhất, vượt qua nhiều khó khăn, Chi bộ Đảng và nhân dân xã Lương Thượng đã giành được nhiều kết quả tích cực: sản xuất nông nghiệp bước đầu được khôi phục và phát triển, phong trào xây dựng hợp tác xã có nhiều kết quả tích cực, văn hóa - xã hội, an ninh trật tự được giữ vững và ổn định. Tuy nhiên, Lương Thượng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế: cơ chế quản lý trong hợp tác xã chưa thực sự tốt nên hiệu quả hoạt động chưa cao; năng lực quản lý, lãnh đạo của Chi bộ và đội ngũ cán bộ, đảng viên đôi lúc còn lúng túng, thiếu kinh nghiệm thực tiễn, việc đưa những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân chưa đạt hiệu quả tốt nhất. Trong thời gian tới, Chi bộ Đảng xã Lương Thượng cần khắc phục những khó khăn và phát huy những lợi thế để tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đề ra.

II. CHI BỘ ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN LÀM TỐT HAI NHIỆM VỤ VỪA SẢN XUẤT, VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, GÓP PHẦN VÀO THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1965-1975)

Tháng 8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, chính thức phát động cuộc tấn công phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân nhằm chặn đứt nguồn chi viện của miền Bắc với miền Nam. Trước tình hình đó, tháng 3-1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (khóa III) chỉ rõ: nhiệm vụ cấp bách của cách mạng miền Bắc là kịp thời chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế từ thời bình sang thời chiến và tăng cường quốc phòng, tích cực chi viện cho miền Nam.

Trước tình hình chuyển biến nhanh chóng, Nghị quyết Đảng bộ huyện Na Rì khẳng định phương hướng nhiệm vụ trong thời kỳ mới là chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, duy trì hoạt động sản xuất, củng cố hợp tác xã, tăng cường chi viện cho tiền tuyến miền Nam góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thực hiện sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, đầu năm 1965, Chi bộ xã Lương Thượng tiến hành tổ chức Đại hội Chi bộ xã nhiệm kỳ 1965-1966. Đại hội đã tổng kết những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại trong nhiệm kỳ trước, đồng thời quán triệt chủ trương của Huyện ủy để đề ra nhiệm vụ trước mắt trong thời gian tới là: chuyển trạng

thái sinh hoạt từ thời bình sang thời chiến; tập trung đẩy mạnh công tác chuẩn bị đối phó với máy bay địch; tăng cường củng cố sản xuất nông nghiệp để đóng góp sức người sức của nhiều hơn nữa cho cuộc kháng chiến. Đại hội đã bầu đồng chí Đinh Văn Tạ làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Duy Bàn làm Phó Bí thư.

Tiếp đó, từ năm 1967, mỗi năm Chi bộ tổ chức một kỳ Đại hội. Các Đại hội đề ra phương hướng tiếp tục thực hiện chủ trương mà Nghị quyết Đại hội năm 1965 đã đề ra nhằm hoàn thành nhiệm vụ cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong giai đoạn 1966-1974, đồng chí Đinh Văn Tạ được tín nhiệm giữ chức Bí thư Chi bộ và đồng chí Nguyễn Duy Bàn giữ chức Phó Bí thư. Từ năm 1974-1975, đồng chí Nguyễn Thanh Bảo làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Lương Văn Pjai làm Phó Bí thư.

Sau Đại hội năm 1965, Chi bộ khẩn trương chỉ đạo nhân dân nhanh chóng chuyển từ trạng thái thời bình sang thời chiến bởi trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tỉnh Bắc Thái là địa bàn trọng điểm bắn phá của địch. Từ giữa năm 1965, quân Mỹ đã đẩy mạnh các hoạt động trinh sát trên bầu trời Bắc Thái¹. Ngày 5-9-1965, giặc Mỹ cho máy bay tấn công các mục tiêu: kho vũ khí quân dụng A3 (Xuất Hóa, Bạch Thông), công trường làm đường Na Rì - Bắc Kạn. Tiếp đó, máy bay Mỹ liên tiếp bắn phá các mục tiêu cơ sở giao thông ở Bắc Kạn và Thái Nguyên. Để kịp thời đối phó với tình hình, Tỉnh ủy Bắc Thái chủ

1. Ngày 21 tháng 4 năm 1965. Quyết định số 103/NQ-TVQH hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái.

trương đầy mạnh công tác phòng không không quân, thành lập Ban Phòng không nhân dân. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, công tác chuẩn bị kháng chiến của xã Lương Thượng được tiến hành khẩn trương. Cán bộ y tế phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể địa phương tổ chức huấn luyện cho nhân dân công tác cứu thương, chữa cháy, chống sập hầm, vận động nhân dân đào hầm trú ẩn ở nơi an toàn... Ban Quân sự xã đẩy mạnh công tác huấn luyện chính trị, quân sự, tăng cường tuần tra canh gác, xây dựng trận địa chiến tranh nhân dân, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, trong 4 năm (1965-1968), nhân dân trong xã đã đào được hàng trăm hầm hố cá nhân và tập thể, giao thông hào. Nhiều điểm trọng yếu được xây dựng thành nơi trú ẩn chiến đấu sẵn sàng thực hiện nghiêm túc việc phòng tránh, báo động khi máy bay Mỹ đến oanh tạc. Hội Phụ nữ động viên chồng, con tham gia luyện tập quân sự, ủng hộ lương thực thực phẩm cho phong trào luyện tập quân sự và phòng không trực chiến. Mặt trận Tổ quốc vận động thành lập “Hũ gạo chống Mỹ”...

Có thể nói, trong suốt cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Lương Thượng không bị máy bay Mỹ đến bắn phá, song Chi bộ và nhân dân xã luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, thực hiện phương án phòng không, sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo an toàn cho nhân dân. Bên cạnh đó, Lương Thượng cũng tích cực đóng góp sức người sức của để hỗ trợ các địa phương bị bắn phá và tiến hành vận động dân công đi sửa chữa các tuyến đường, cầu cống nhằm đảm bảo giao thông.

Song song với công tác chuẩn bị đối phó với máy bay Mỹ bắn phá, thực hiện các nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy và Huyện ủy, quân và dân trong xã nêu cao khẩu hiệu “Chắc tay súng, vững tay cày”, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng hậu phương vững mạnh. Bước vào thời kỳ chiến tranh lan rộng ra cả nước, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của chiến trường, thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Chính phủ đề ra: “Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng, bảo vệ sản xuất tốt, chiến đấu anh dũng và tổ chức tốt đời sống”, Chi bộ và chính quyền xã tiếp tục đẩy mạnh phong trào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất và sản lượng lương thực. Việc củng cố và phát triển hợp tác xã được Chi bộ xã Lương Thượng tiến hành khẩn trương. Chi bộ tiếp tục chỉ đạo cử đội ngũ cán bộ chủ chốt trong các hợp tác xã được đi học, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật. Ban Quản trị hợp tác xã lập kế hoạch quản lý và phân phối lao động, xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công, chi phí sản xuất cho từng ngành nghề. Công việc được phân công cụ thể, rõ ràng, hạn chế tình trạng chùng chểo, góp phần tiết kiệm thời gian, công sức và nâng cao hiệu quả lao động.

Đề thúc đẩy sản xuất phát triển, năm 1967, chấp hành chủ trương của cấp trên và sự chỉ đạo của Chi ủy xã Lương Thượng, 4 Hợp tác xã nông nghiệp là Bản Giang, Vàng Khít, Nà Làng, Pàn Xả được hợp nhất thành Hợp tác xã nông nghiệp Lương Thượng do đồng chí Đinh Văn Bất làm Chủ nhiệm. Tỷ lệ hộ gia đình vào hợp tác xã đạt 100% (bao gồm cả 3 hộ người Kinh ở Lán Vàng là Đinh

Văn Bất, Hà Văn Giáp và Vũ Đình Mậu). Tuy nhiên, sau 2 năm thực hiện việc hợp nhất, nhận thấy trình độ quản lý của cán bộ còn hạn chế, địa bàn quản lý rộng, cách xa, không tập trung, thêm vào đó năng suất, hiệu quả kinh tế mang lại thấp hơn, nên Chi ủy xã Lương Thượng đã xin ý kiến của Huyện ủy cho phép lập lại các hợp tác xã như trước. Vì vậy, đến giữa năm 1969, Đại hội xã viên toàn xã quyết định giải thể Hợp tác xã hợp nhất Lương Thượng và thành lập lại 4 hợp tác xã ở 4 thôn gồm: Hợp tác xã Bản Giang do đồng chí Lương Văn Hàm là Chủ nhiệm; Hợp tác xã Pàn Xả do đồng chí Lương Văn Thường là Chủ nhiệm; Hợp tác xã Vằng Khít do đồng chí Nông Thiêm Hiên là Chủ nhiệm; Hợp tác xã Nà Làng do đồng chí Lô Ích Hàm là Chủ nhiệm.

Sau khi các hợp tác xã được củng cố và kiện toàn, Chi bộ chỉ đạo các hợp tác xã triển khai thực hiện việc áp dụng các biện pháp vào sản xuất như cấy lúa thẳng hàng. Phong trào làm thủy lợi tiếp tục được xã đẩy mạnh. Với khẩu hiệu “Gian khổ làm thủy lợi 3 năm để hưởng hạnh phúc lâu dài”, toàn xã đã đào đắp được hàng ngàn mét khối đất đá, phục vụ việc làm thủy lợi, góp phần đưa nhiều diện tích lúa trước đây chỉ cấy được 1 vụ. Năm 1968, xã đã huy động nhân dân xây dựng được phai Khuổi Lịa - Pàn Xả; làm hệ thống mương dẫn nước dài 2km về cánh đồng Nà Rịa và Pàn Xả.

Do làm tốt công tác thâm canh tăng năng suất, đưa khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, kết hợp với thủy lợi nội đồng thuận lợi tưới tiêu nên sản xuất nông nghiệp của địa phương đạt được kết quả khả quan: tăng 1,5% về

diện tích và 2% về sản lượng. Diện tích trồng lúa duy trì xấp xỉ 60ha (1 vụ mùa từ tháng 5 - tháng 11). Năm 1972, năng suất lúa đạt 19 tạ/ha đến năm 1973 tăng lên 21 tạ/ha. Trong những năm 1973-1974 cơ bản xã vẫn đạt năng suất lúa như năm 1973, diện tích lúa mùa đạt 117% kế hoạch đề ra. Ngoài cây lúa, xã Lương Thượng cũng trồng ngô (từ tháng 3 - tháng 7) với tổng diện tích khoảng 70ha, cây lương thực ngắn ngày từ 18-20ha. Diện tích cây rau màu khoảng 4ha trồng ở các soi bãi dọc sông chảy qua xã và các thôn Bản Giang, Pàn Xả, Nà Làng, Vằng Khít.

Ngành trồng trọt phát triển là cơ sở để Chi bộ chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh phát triển chăn nuôi. Vì thế số lượng đàn gia súc, gia cầm ngày càng tăng, nhất là ở các hộ gia đình, góp phần giải quyết cơ bản nhu cầu thực phẩm của nhân dân. Đàn trâu của xã luôn duy trì ở mức 120-150 con, đàn lợn có 310-320 con. Nhờ đó, xã đã đảm bảo được sức kéo trong nông nghiệp đồng thời giải quyết nhu cầu về thực phẩm cho nhân dân. Phong trào trồng cây gây rừng được chính quyền xã phát động rộng rãi trong quần chúng nhân dân, góp phần phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ rừng. Trong phong trào này, Hội Phụ lão xã luôn đi đầu, hàng năm trồng được hàng nghìn cây rừng các loại.

Hoạt động sản xuất được khôi phục và đạt kết quả khá tạo điều kiện cho xã Lương Thượng làm tốt công tác hậu phương kháng chiến. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (ngày 25-3-1965) hưởng ứng Lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh chống Mỹ cứu nước ngày 27-3-1965 và Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, trong giai đoạn 1965-1975,

Chi bộ và nhân dân xã Lương Thượng luôn nỗ lực đảm bảo các hoạt động của địa phương đồng thời góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ. Tiêu biểu cho các phong trào thi đua ở địa phương là phong trào “Ba sẵn sàng” trong Đoàn Thanh niên, “Ba đảm đang” của Hội Phụ nữ và phong trào “Ba giỏi” của Hội Phụ lão.

Trong Chi đoàn, đoàn viên, thanh niên được học tập tấm gương hy sinh của anh hùng liệt sỹ Nguyễn Văn Trỗi, giáo dục ý thức trách nhiệm của người trẻ đối với vận mệnh dân tộc... Qua phát động thi đua, hầu hết thanh niên trong xã đều đăng ký tham gia phong trào “Ba sẵn sàng”. Nhiều người viết đơn, tình nguyện lên đường chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Nhiều đoàn viên hăng hái tham gia lực lượng dân quân tự vệ. Đoàn viên, thanh niên cũng là lực lượng xung kích trên mặt trận thi đua sản xuất: làm phân, làm thủy lợi, cải tiến công cụ sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật. Trong các đợt tuyển quân giữa năm 1968, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: đồng bào và chiến sĩ cả nước anh dũng tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, xã đã có nhiều thanh niên đăng ký tham gia quân đội như: Đinh Văn Mộc, Lương Văn Gia, Bế Xuân Lung...

Bên cạnh phong trào “Ba sẵn sàng” của Đoàn Thanh niên là phong trào “Ba đảm đang” của Hội Phụ nữ. Phát huy truyền thống “Anh hùng bất khuất, trung hậu đảm đang” của phụ nữ Việt Nam, trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, thanh niên trai tráng trong xã phải đi chiến đấu ở chiến trường, người phụ nữ ở hậu phương đảm đương, quán xuyến mọi công việc. Nhiều phụ nữ trong

xã đạt danh hiệu “Ba đảm đang”. Đó là các chị, các mẹ đảm đang việc nhà, thay chồng con đảm đương mọi việc trong nhà để họ yên tâm chiến đấu. Họ còn là người đảm đương các công việc của tập thể, hợp tác xã... Hội Phụ nữ xã cũng là lực lượng đi đầu trong các phong trào của địa phương, đặc biệt trên mặt trận sản xuất và công tác xã hội.

Hội Phụ lão tuy tuổi cao sức yếu nhưng luôn nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, động viên con cháu lên đường nhập ngũ và tích cực trong sản xuất và công tác xã hội. Bằng uy tín, kinh nghiệm cũng như vai trò trụ cột trong đời sống gia đình, các cụ phụ lão luôn là tấm gương dạy bảo, động viên con cháu thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, tòng quân chống Mỹ. Nhiều cụ hăng hái tham gia công tác sản xuất, làm thủy lợi, trồng cây gây rừng...

Với các phong trào thi đua sôi nổi của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phụ lão đã tạo ra hiệu quả sản xuất tốt, đảm bảo an ninh lương thực của nhân dân. Trên cơ sở đó, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, chi viện cho miền Nam, góp sức mình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc. Thực hiện khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, nhân dân Lương Thượng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã đóng góp cho Nhà nước hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm và hàng chục người con của quê hương Lương Thượng đã lên đường tham gia chiến đấu.

Cùng với việc bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và khôi phục sản xuất đóng góp cho tiền tuyến, Chi bộ xã Lương Thượng cũng chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục, y

tế để nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần cho người dân. Hoạt động giáo dục được quan tâm, trường học cấp I của xã do thầy Hoàng Văn Tiệu làm Hiệu trưởng vẫn duy trì thường xuyên 4 lớp học. Năm 1967, xã xây dựng thêm 2 phòng mới đủ để dạy cho học sinh (20-25 học sinh/lớp). Lớp học lợp mái gianh, mảnh tre. Tuy còn nhiều khó khăn song thầy cô giáo nhà trường luôn cố gắng đạt hiệu quả cao trong công tác giảng dạy, tích cực giúp đỡ học sinh, vận động cha mẹ cho các em đến trường.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được cải thiện. Trạm xá xã được xây dựng và kiện toàn về đội ngũ cán bộ và trang thiết bị phục vụ cho việc khám, chữa bệnh. Cán bộ y tế tích cực xuống tận thôn vận động nhân dân làm tốt công tác phòng và chữa bệnh, ăn chín, uống sôi, nằm màn chống muỗi. Phong trào “Ba dứt điểm”¹ được phát động rộng rãi và đạt kết quả tốt. Do đó, sức khỏe người dân được đảm bảo và nâng lên, các dịch bệnh lớn không xảy ra trên địa bàn.

Trong hoạt động văn hóa, thông tin, cuộc vận động xây dựng nếp sống mới đã thực sự trở thành phong trào của toàn dân, được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Các hủ tục lạc hậu như ma chay, cưới xin nặng nề dần được thay thế bởi những quy ước mới của cộng đồng nhằm tổ chức cưới xin, ma chay phù hợp với chế độ mới, đơn giản, tiết kiệm mà vẫn trang trọng. Trong những năm sẵn sàng chống chiến tranh phá hoại, công tác văn hóa - thông tin góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân trong

1. Xây dựng 3 công trình vệ sinh là hố xí, nhà tắm và giếng nước.

xã nâng cao tinh thần yêu nước, xây dựng ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Các bản đều có hạt nhân văn nghệ, thường xuyên biểu diễn, động viên nhân dân phấn khởi thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Công tác xây dựng Đảng và chính quyền cũng được Chi bộ quan tâm lãnh đạo thường xuyên. Trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Chi bộ xã đã triển khai thực hiện nhiều chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Na Rì... đến toàn thể cán bộ, đảng viên trong xã. Năm 1965, Chi bộ tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kiên quyết đánh bại chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, đồng thời ra sức chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam.

Đầu năm 1968, Chi bộ đẩy mạnh học tập Nghị quyết 175-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm nâng cao hơn nữa nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước. Qua học tập đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần toàn Đảng, toàn dân, nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

Năm 1970, Chi bộ xã thực hiện Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị về cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh”. Qua học tập đã nâng cao được nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng, làm trong sạch đội ngũ đảng viên đồng thời củng cố xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Năm 1975, Chi bộ xã triển khai Chỉ thị 192-CT/TW của Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ, Nghị quyết

228-NQ/TW của Bộ Chính trị về làm trong sạch Đảng, ngăn chặn các hiện tượng tham ô lãng phí, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa...

Qua các cuộc vận động thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng đã có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất cách mạng... đến toàn thể cán bộ, đảng viên trong xã để làm chuyển biến tư tưởng, nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên có tư tưởng chính trị vững vàng, lý tưởng đúng đắn, đã tiến hành thường xuyên việc xuống cơ sở để nắm được tâm tư nguyện vọng của người dân, qua đó tham mưu cho các cấp ủy Đảng đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp nhằm khích lệ người dân đồng hành cùng toàn Chi bộ Đảng hoàn thành các nhiệm vụ được giao phó. Song song với việc tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Chi bộ cũng làm tốt công tác phát triển Đảng nhằm tạo nguồn cán bộ cho địa phương.

Trong việc xây dựng bộ máy chính quyền, cuối năm 1967, thực hiện Chỉ thị số 143-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Chi ủy xã Lương Thượng tổ chức tuyên truyền, vận động cử tri đi bầu cử. Qua bầu cử tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính xã được kiện toàn. Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính xã luôn làm tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc giám sát và quản lý xã hội, thực hiện quy chế dân chủ, nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân trong việc tham gia vào các công việc của địa phương.

Trải qua 10 năm (1965-1975) vừa khôi phục sản xuất kinh tế, vừa bảo đảm chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, Chi bộ và nhân dân Lương Thượng vượt qua những khó khăn, hạn chế từ giai đoạn trước để đạt được nhiều kết quả khá trên tất cả các mặt: việc bảo đảm chiến đấu được tiến hành khẩn trương và đạt hiệu quả cao; sản xuất kinh tế ổn định; nghĩa vụ đóng góp lương thực thực phẩm cho tiền tuyến luôn được thực hiện đầy đủ hàng năm; quân sự - quốc phòng được giữ vững; văn hóa - xã hội có những bước phát triển mới. Tất cả những kết quả đó có được là do có sự đoàn kết của toàn dân Lương Thượng dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng. Đó sẽ là động lực để cán bộ, nhân dân Lương Thượng hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong giai đoạn mới của lịch sử dân tộc: giai đoạn cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

* * *

Trong chặng đường 21 năm (1954-1975) vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa sẵn sàng chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, Chi bộ và nhân dân xã Lương Thượng đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh. Từ năm 1954-1957, Lương Thượng thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế, bước đầu cải tạo xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1958-1960, xã thực hiện phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp. Từ năm 1965-1975, nhân dân xã vừa sản xuất, vừa tăng cường chi viện sức người, sức của cho miền Nam, đóng góp cùng cả nước làm nên chiến thắng lịch sử ngày 30-4-1975.

Tổng kết giai đoạn kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xã Lương Thượng có 41 người tham gia kháng chiến và 22 thanh niên xung phong. Trong đó tiêu biểu có 2 gia đình là nhà ông Nông Thiêm Tửu (có con là Đậu, Hằng, Hòa) và gia đình ông Nông Thiêm Tiên (có con là Tàu, Bình, Khuyên) cùng có 3 người con đi chiến đấu ở chiến trường miền Nam; gia đình ông Lương Văn Khanh, bà Nhập có 02 người con cùng nhập ngũ một ngày năm 1968 (là anh Lương Văn Gia và anh Bé Xuân Lung). Xã đã hoàn thành đóng góp hàng nghìn tấn lương thực thực phẩm cho Nhà nước, góp phần chi viện cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ.

Qua thực tiễn lãnh đạo phong trào ở địa phương đã để lại cho Chi bộ Lương Thượng nhiều bài học kinh nghiệm quý báu đó là: luôn quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân nhằm khơi dậy những tiềm năng to lớn của quần chúng; quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, của tỉnh và huyện vào hoàn cảnh thực tế của địa phương; công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, tổ chức, thường xuyên tự phê bình và phê bình nhằm không ngừng đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của phong trào quần chúng.

Với những kết quả đã đạt được cũng như những kinh nghiệm quý báu mà Chi bộ xã đúc kết được là nền tảng vững chắc để chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Lương Thượng tiến vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn tiếp theo.

Chương IV

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1976-1995)

I. MƯỜI NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976-1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 thắng lợi, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới: thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tháng 9-1975, Hội nghị lần thứ 24, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã họp và ra Nghị quyết nêu rõ: “Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, xã Lương Thượng cũng như những địa phương khác trong cả nước, đứng trước nhiều khó khăn. Nền kinh tế của xã vẫn còn là sản xuất nhỏ, phân tán năng suất lao động thấp, trình độ lãnh đạo, quản lý của một bộ phận cán bộ và hợp tác xã

còn thấp, sản xuất nông nghiệp vẫn chịu ảnh hưởng nhiều của thiên nhiên. Cơ sở vật chất phục vụ phát triển kinh tế, xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu.

Tuy nhiên, xã cũng có những thuận lợi cơ bản là: đội ngũ cán bộ đảng viên của xã ngày càng trưởng thành, trình độ quản lý và chính trị được nâng cao; đất nước hòa bình thống nhất, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền, trong giai đoạn 1976-1980, Chi bộ Đảng xã Lương Thượng đã tiến hành 3 kỳ Đại hội: Đại hội nhiệm kỳ 1976-1978, Đại hội nhiệm kỳ 1978-1979 và Đại hội nhiệm kỳ 1979-1981.

Các kỳ Đại hội của Chi bộ xã trong giai đoạn này đều tập trung tiến hành thảo luận 2 vấn đề trọng tâm của địa phương: Thứ nhất, tập trung vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến công tác quản lý trong hợp tác xã, đưa hợp tác xã lên quy mô sản xuất lớn toàn xã; đẩy mạnh phát triển nông lâm nghiệp giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân. Thứ hai, tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Đại hội Chi bộ xã Lương Thượng nhiệm kỳ 1976-1978 bầu Ban Chi ủy gồm các đồng chí: Nguyễn Công Việt - Bí thư Chi bộ¹, Lương Văn Pjai - Phó Bí thư Chi bộ, đồng chí Phương Văn Sinh - Chi ủy viên phụ trách chính

1. Tháng 2/1977, đồng chí Lương Văn Sắn làm Bí thư Chi bộ thay đồng chí Nguyễn Công Việt.

quyền, Nguyễn Công Thanh - Chi ủy viên phụ trách quân sự, hợp tác xã, kiểm tra Đảng.

Ban Chi ủy nhiệm kỳ 1978-1979 gồm các đồng chí: Nông Thiêm Sầm - Bí thư Chi ủy, Lương Văn Pjai - Phó Bí thư, đồng chí Phương Văn Sinh - Chi ủy viên phụ trách Tổ chức, các Chi ủy viên còn lại là đồng chí Hoàng Như Lược, Nguyễn Công Chít.

Ban Chi ủy xã nhiệm kỳ 1979-1981 gồm các đồng chí: Nông Thiêm Sầm - Bí thư, Nguyễn Công Chít - Phó Bí thư, Chi ủy viên là các đồng chí Hoàng Như Lược, Đinh Duy Nhật, Lương Văn Pjai.

Để lãnh đạo phong trào sản xuất của nhân dân, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 61-CP, ngày 05-04-1976 và Nghị quyết số 64 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái về cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước nông nghiệp từ cơ sở theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy Bắc Thái, Lương Thượng cũng chính là một trong hai địa phương hoàn thành hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp lên quy mô toàn xã sớm nhất huyện. Các Hợp tác xã Bản Giang, Pàn Xả, Vằng Khít, Nà Làng đã tổ chức nhiều cuộc họp xã viên nhằm phổ biến chủ trương, đường lối, cách thức tiến hành hợp nhất hợp tác xã. Đồng thời các đồng chí cán bộ chủ chốt trong các hợp tác xã đều được cử đi học các lớp tổ chức lại sản xuất, phân vùng quy hoạch... do huyện và tỉnh tổ chức. Các hợp tác xã tiến hành kiểm kê tài sản, ruộng đất, ngân quỹ... để bố trí lại sản xuất. Thực hiện Nghị quyết 33, 36 của Tỉnh ủy Bắc Thái, chính quyền xã tiến hành thu hồi ruộng đất và

đất bằng ngoài 5% của xã viên đưa vào hợp tác xã quản lý. Đầu năm 1977, sau khi hoàn tất các thủ tục, các Hợp tác xã nông nghiệp Bản Giang, Pàn Xả, Văng Khít, Nà Làng được hợp nhất thành Hợp tác xã nông nghiệp Lương Thượng. Đồng chí Nông Thiêm Sầm được bầu là Chủ nhiệm hợp tác xã, đồng chí Lương Văn Vịnh - Phó Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Công Oánh - Kế toán.

Năm 1976, trên địa bàn huyện Na Rì xảy ra hạn hán kéo dài nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của địa phương. Không có nước, hợp tác xã đã huy động toàn dân tham gia công tác thủy lợi: sửa chữa mương phai, làm đập, hồ chứa nước... để dẫn nước vào đồng ruộng, kịp thời vụ gieo cấy. Nhờ vậy, năng suất lúa tuy có giảm hơn so với trước nhưng không nhiều. Từ vụ mùa năm 1976, xã bắt đầu triển khai đưa các giống lúa mới cho năng suất cao, thích hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương vào gieo trồng như Nông Nghiệp 8, Trân Châu lùn, Bao Thái lùn... Công tác thủy lợi tiếp tục được chính quyền xã quan tâm thực hiện. Bên cạnh đó, xã cũng tăng cường chỉ đạo nhân dân thực hiện phong trào làm phân bón lúa, tăng độ mùn cho đất; hướng dẫn các kỹ thuật gieo trồng mới vào sản xuất. Đảng bộ và chính quyền xã quan tâm chỉ đạo sát sao từ khâu gieo trồng đến thu hoạch, bảo quản. Tuy nhiên, do sản xuất nông nghiệp của xã còn phụ thuộc vào thiên nhiên, công tác phòng trừ sâu bệnh không được chỉ đạo sát sao, vì vậy năng suất và sản lượng lúa có tăng nhưng chưa cao. Bình quân năng suất cả năm đạt 18 tạ/ha.

Thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 1-3-1977 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát động chiến dịch

trồng sắn, xã đã vận động các hộ gia đình tận dụng mọi diện tích đất ven đồi để trồng sắn, qua đó giải quyết một phần lương thực đáng kể cho người và gia súc. Từ năm 1979 đến năm 1980, thời tiết diễn biến thất thường vì vậy kế hoạch gieo trồng chỉ đạt 90%, sản lượng lương thực không đạt chỉ tiêu đề ra. Vấn đề lương thực trở nên bức xúc trong đời sống đồng bào các dân tộc, nhất là ở các bản vùng cao, bình quân lương thực là 18 kg/người/tháng. Việc hoàn thành thuế nghĩa vụ cho Nhà nước không đạt chỉ tiêu kế hoạch trên giao.

Hoạt động chăn nuôi chủ yếu theo hình thức hộ gia đình, quy mô nhỏ, mang tính chất tự cung, tự cấp. Đa số hộ gia đình vẫn duy trì việc chăn thả các giống lợn, gà địa phương, chỉ có một số hộ xây dựng được chuồng trại. Công tác phòng chống dịch, bệnh cho gia súc, gia cầm còn hạn chế.

Trong sản xuất lâm nghiệp, Chi bộ xã đã tích cực đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng tại địa phương. Công tác bảo vệ rừng được thực hiện nghiêm túc, tất cả các hình thức phá rừng bị nghiêm cấm. Việc khai thác gỗ chủ yếu phục vụ nhu cầu làm nhà, làm đường, cầu... của địa phương. Tuy nhiên, Hợp tác xã Lương Thượng chưa có tổ khai thác lâm nghiệp riêng phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Các ngành thương mại - dịch vụ và thủ công nghiệp của xã chưa phát triển.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế ở địa phương, Chi bộ và chính quyền xã Lương Thượng rất quan tâm đến việc phát triển văn hóa, y tế, giáo dục ở địa phương. Tuy cơ sở vật chất nhà trường của xã còn nhiều

thiếu thôn, phòng học chủ yếu làm bằng gỗ, tranh tre, học sinh đi học vẫn còn thiếu sách giáo khoa, nhưng thầy và trò đều nỗ lực vượt qua khó khăn thực hiện tốt phong trào thi đua “Hai tốt”. Trạm xá xã do ông Phương Văn Phòng làm Trạm trưởng. Cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thôn. Tuy nhiên, đội ngũ y bác sĩ luôn tận tụy với bệnh nhân, đảm bảo công tác khám và chữa trị ban đầu cho nhân dân được thực hiện tốt. Hàng năm, trạm luôn hoàn thành kế hoạch được giao, tích cực vận động nhân dân thực hiện phương châm “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”, vệ sinh thôn bản, nhà ở sạch sẽ. Phong trào “Ba dứt điểm” (xây dựng nhà tắm, giếng nước, nhà vệ sinh) được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, qua đó góp phần phòng tránh bệnh tật và ngăn ngừa các dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn.

Các hoạt động văn hóa văn nghệ ở địa phương diễn ra sôi nổi. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển khá. Hoạt động thông tin đại chúng đã tạo được một số cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng của quê hương, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng cuộc sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Các tập tục mê tín dị đoan từng bước được xóa bỏ, phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới được mở rộng đến từng thôn bản.

Trong quá trình xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Chi bộ xã nêu cao chủ trương xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Ban Quân sự xã thường xuyên quan tâm công tác giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, phát triển lực lượng dân quân ở

các bản, huấn luyện sử dụng vũ khí mới, góp phần quan trọng vào việc xây dựng quân đội chính quy, hiện đại.

Cuối năm 1978, đầu năm 1979, tình hình biên giới nước ta diễn ra hết sức căng thẳng, phức tạp. Ở phía Tây Nam, tập đoàn Pôn Pôt - Iêng Sary (Campuchia) tiến hành cuộc chiến tranh biên giới chống Việt Nam. Ở phía Bắc, ngày 17-2-1979, Trung Quốc huy động 60 vạn quân tiến công trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta.

Trước diễn biến phức tạp của chiến tranh, Ban Quân sự xã cùng với Chi bộ Đảng và chính quyền xã triển khai nhiều hoạt động chuẩn bị, nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Mỗi gia đình trong xã thực hiện đào 1 hầm chữ A. Xã thành lập thêm 2 tiểu đội: trực chiến và cơ động; 1 tiểu đội dân công hỏa tuyến gồm 15 người, vận chuyển đạn từ huyện về Trảng Định (Lạng Sơn) và một đội dân công 30 người đến xã Cường Lợi tổ chức đào hầm hào theo sự điều động của huyện. Ban Y tế thành lập một trạm xá dã chiến phục vụ cho khoảng 50 hộ. Nhân dân tổ chức tiếp đón đồng bào từ huyện Thạch An (Cao Bằng) về tản cư, tập trung tại Bản Giang¹, chính quyền xã chủ trương vận động mỗi hộ gia đình giúp đỡ 1 hộ. Nhằm tăng cường công tác phòng thủ, Bộ Tư lệnh Quân khu I điều động Trung đoàn 546, Sư đoàn 473 công binh về làm con đường 279 nối từ Bình Gia (Lạng Sơn) qua Lương Thượng. Chi bộ, chính quyền xã Lương Thượng đã chỉ đạo các ngành và nhân dân tích cực hỗ trợ bộ đội hoàn thành nhiệm vụ.

1. Đồng bào tản cư ở lại địa phương hơn 1 tháng, đến khoảng cuối 3-1979 thì rút đi.

Công tác xây dựng Đảng được quan tâm thực hiện trên cả 3 phương diện: tư tưởng, chính trị và tổ chức. Chi bộ đã mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị, giáo dục Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phẩm chất cách mạng. Tổ chức cho cán bộ đảng viên, các đoàn thể quần chúng học tập Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Chỉ thị của Tỉnh ủy, các chủ trương của Huyện ủy... Trên cơ sở đó, củng cố lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ; xây dựng tinh thần cách mạng tiến công, ý thức tự lực tự cường, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết tương trợ trong nội bộ Đảng và quần chúng cách mạng. Mỗi cán bộ đảng viên thấy được nhiệm vụ cụ thể của Chi bộ xã, từ đó đề ra kế hoạch thực hiện.

Công tác tổ chức Đảng được chăm lo và củng cố về mọi mặt. Trong giai đoạn 1976-1980, Chi bộ xã thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao năng lực của tổ chức Đảng theo tinh thần Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy Bắc Thái gắn với phong trào củng cố hợp tác xã. Trong Chi bộ, chế độ sinh hoạt đi vào nề nếp, ý thức chấp hành kỷ luật của cán bộ, đảng viên được nâng cao.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chính quyền địa phương ngày càng được củng cố. Các kì bầu cử Hội đồng nhân dân được tiến hành nghiêm túc, đúng luật định. Hội đồng nhân dân xã đề ra những nghị quyết sát thực với tình hình, thực hiện chức năng giám sát nghiêm túc, đúng quy định. Ủy ban nhân dân xã phát huy trách nhiệm trong quản lý xã hội, đảm bảo lợi ích của nhân dân, tích cực triển khai chủ trương của các cấp ủy Đảng, điều hành

quản lý phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Công tác vận động quần chúng được quan tâm thường xuyên. Mặt trận và các đoàn thể đã tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua lao động sản xuất, xây dựng Đảng, chính quyền. Mặt trận Tổ quốc tăng cường công tác giáo dục, củng cố khối đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh các phong trào cách mạng quần chúng. Hội Phụ nữ đã phát động và thu hút đông đảo chị em tham gia “Phong trào người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, phong trào “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức liệt sỹ Nguyễn Thị Hồng Chiên”. Đoàn Thanh niên nêu cao tinh thần “Sống chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”, luôn là lực lượng đi đầu trong các phong trào “Tình nguyện vượt mức kế hoạch Nhà nước”, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

2. Bước đầu thực hiện đổi mới cơ chế trong quản lý nông nghiệp (1981-1985)

Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp. Chỉ thị nêu rõ mục đích thực hiện cơ chế khoán mới là: “Bảo đảm phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở lôi cuốn được mọi người hăng hái lao động, kích thích tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai và các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, áp dụng tiên bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất; củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã

hội chủ nghĩa ở nông thôn; không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống xã viên...”.

Quán triệt tinh thần Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Thái đã ra Nghị quyết về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động. Từ năm 1981, Huyện ủy Na Rì tổ chức triển khai Khoán 100 trong toàn huyện. Được sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, Chi ủy xã Lương Thượng cử cán bộ đi học tập lấy kinh nghiệm, sau đó về tổ chức hợp từng tổ Đảng và nhân dân ở các thôn. Chính quyền xã tổ chức hệ thống lại diện tích đất đai để phân hạng đất theo sản lượng ở từng thôn¹, đề ra mức khoán và hợp tác xã tổ chức thực hiện. Theo đó, xã viên được nhận ruộng đất và đảm nhiệm 3 khâu: cấy, chăm bón và thu hoạch; còn hợp tác xã thực hiện 5 khâu: giống, điều tiết nước, làm đất, phân bón, phòng trừ sâu bệnh. Nếu năng suất, sản lượng vượt định mức khoán xã viên được hưởng. Bởi vậy Khoán 100 đã phát huy được tính tích cực lao động của người lao động, thúc đẩy họ tăng thêm sức, tận dụng đất đai, đầu tư phân bón, cải tiến kỹ thuật, để có năng suất và sản lượng cao.

Trong giai đoạn 1981-1985, Chi bộ xã Lương Thượng đã tiến hành 2 kỳ Đại hội: Đại hội nhiệm kỳ 1982-1983, Đại hội nhiệm kỳ 1983-1985. Các kỳ Đại hội Chi bộ xã tập trung thảo luận phương hướng nhiệm vụ của xã trong nhiệm kỳ mới, trọng tâm là: đẩy mạnh phát triển sản xuất

1. Cụ thể, toàn xã có từ hạng 3 - hạng 7.

nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các ngành nghề, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân; tăng cường công tác xây dựng Đảng, công tác quốc phòng - an ninh và phát triển các đoàn thể quần chúng vững mạnh.

Ban Chi ủy nhiệm kỳ 1982-1983 gồm các đồng chí: Nông Thiêm Sầm - Bí thư Chi bộ, Nguyễn Công Oánh - Phó Bí thư, đồng chí Lương Văn Pjai - Chi ủy viên phụ trách Tổ chức Đảng, Chi ủy viên là các đồng chí Nguyễn Công Chít, Bế Xuân Lung.

Ban Chi ủy nhiệm kỳ 1983-1985 gồm các đồng chí: Nông Thiêm Sầm - Bí thư Chi ủy, đồng chí Lương Văn Pjai - Phó Bí thư, Nguyễn Công Oánh - Chi ủy viên phụ trách chính quyền.

Đầu năm 1982, xã hoàn thành việc thực hiện giao đất theo Khoán 100. Nhân dân hết sức vui mừng phấn khởi bước vào vụ sản xuất mới, tự đầu tư mua sắm dụng cụ, tăng cường phân bón, thóc giống, công lao động... để đạt được hiệu quả cao nhất. Đồng thời, hợp tác xã cũng lên kế hoạch tính toán chi phí cụ thể, rõ ràng, tiết kiệm; ngăn chặn đáng kể tệ tham ô, lãng phí; kế hoạch sản xuất được bàn bạc dân chủ từ cấp ủy Đảng, chính quyền, hợp tác xã, đội sản xuất đến người lao động, sát thực tế và tạo hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Nhờ vậy, ngay trong vụ mùa đầu tiên, năng suất và sản lượng lúa đã tăng lên rõ rệt. Tổng diện tích trồng lúa của xã đạt 136ha, năng suất lúa đạt 22 tạ/ha. Bình quân mỗi tháng xã viên làm được 20/30 ngày công, mỗi công lao động được 1kg thóc. Chăn nuôi gia đình và tập thể cũng tăng

mạnh. Toàn xã có 250 con trâu, 150 con bò, 342 con lợn cùng hàng nghìn con gia cầm.

Trong những năm 1983-1985, xã tiếp tục đẩy mạnh công tác sản xuất nhằm bình ổn lương thực cho nhân dân. Bên cạnh nhiệm vụ tập trung phát triển vụ mùa nhằm đem lại hiệu quả cao nhất, chính quyền xã còn tăng cường chỉ đạo nhân dân mở rộng diện tích lúa đông - xuân, khai hoang phục hóa, tăng diện tích cây trồng, đồng thời, đưa hoa màu vào trồng trên diện tích đất lúa một vụ. Công tác thủy lợi tiếp tục là một trong những trọng tâm thực hiện của toàn xã. Với địa hình chủ yếu là núi cao hiểm trở, việc phát triển thủy lợi ở xã gặp rất nhiều khó khăn. Ngoài việc xây dựng mương phai dẫn nước, hồ chứa nước... nhân dân còn sáng tạo ra nhiều hình thức dẫn nước độc đáo như làm ống tre, ống mương để dẫn nước từ khe suối về cánh đồng... Kết quả, sản xuất nông nghiệp trong những năm 1983-1985 được duy trì ổn định. Sản lượng và năng suất lúa đều tăng hơn trước. Năng suất bình quân đạt 22-23 tạ/ha. Bình quân mỗi năm xã đóng góp từ 19-21 tấn lương thực, từ 4-5 tấn thực phẩm cho Nhà nước.

Trong giáo dục, thực hiện thi đua “Dạy tốt, học tốt”, thầy và trò nhà trường phổ thông cơ sở xã Lương Thượng đã đạt được nhiều thành tích. Tỷ lệ học sinh lên lớp đều đạt trên 90%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 93%, số học sinh bỏ học giữa chừng giảm. Cơ sở vật chất, trường lớp được quan tâm đầu tư xây dựng, tu sửa với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Công tác y tế được quan tâm, trạm xá xã được trang

bị tốt hơn về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao công tác khám và chữa bệnh trong nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế xã thực hiện tốt việc tiêm phòng các loại bệnh lây lan, đồng thời thường xuyên tuyên truyền nhân dân giữ gìn vệ sinh thôn, bản, chống bệnh sốt xuất huyết, xây dựng 3 công trình vệ sinh ở hộ gia đình.

Trong lĩnh vực văn hóa - thông tin, hệ thống loa truyền thanh trong các thôn bản hoạt động thường xuyên để đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, xã còn thực hiện kê vẽ hàng trăm khẩu hiệu phục vụ cho các phong trào thi đua. Trong lĩnh vực văn hóa, thông tin các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao tiếp tục được duy trì và phát triển.

Thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TW ngày 25-10-1982 của Bộ Chính trị về toàn Đảng, toàn dân, toàn quân kiên quyết đập tan chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch và Nghị quyết 02-NQ/BT của Tỉnh ủy Bắc Thái về phong trào an ninh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, Ban Quân sự xã được kiện toàn lại về tổ chức, nâng cao về trình độ chính trị, tư tưởng. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, giác ngộ ý thức xã hội chủ nghĩa và tinh thần cách mạng cho quần chúng. Ban Quân sự xã thường xuyên phối, kết hợp với Ban Công an tuần tra canh gác giữ gìn trật tự trị an và an toàn xã hội.

Ban Công an xã thường xuyên tăng cường công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm giữ vững an ninh chính trị của địa phương. Phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Tuyên truyền nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng cho nhân dân. Phát hiện và ngăn chặn kịp thời

các âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch.

Trong công tác Đảng, thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chi bộ xã tiến hành phát thẻ Đảng cho đảng viên. Thông qua việc học tập, bình xét, phân loại và phát thẻ Đảng, hầu hết cán bộ, đảng viên đều nâng cao nhận thức tư tưởng, nắm bắt được tình hình cách mạng giai đoạn mới, xác định rõ trách nhiệm trong việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương đường lối của Đảng.

Công tác bồi dưỡng phát triển đảng viên mới được chú trọng. Thông qua hoạt động của các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên, đã lựa chọn những quần chúng ưu tú để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Từ 1981-1985, Chi bộ đã kết nạp được 5 đảng viên. Những đảng viên mới đều phát huy tốt vai trò của mình là lực lượng nòng cốt trong các phong trào thi đua lao động sản xuất, bảo vệ Tổ quốc.

Công tác kiểm tra kỷ luật của Đảng có nhiều tiến bộ, Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện kiểm tra theo chương trình, điều lệ; kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đối với tổ chức Đảng và đảng viên, góp phần làm trong sạch đội ngũ và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được củng cố, tổ chức tốt các kỳ họp, quyết định một số chủ trương, chính sách, thể chế hóa nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng bộ xã, phát huy chức năng chính quyền xã trong việc quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước. Năm 1984, cuộc

bầu cử Hội đồng nhân dân trên địa bàn diễn ra thành công với gần 100% cử tri đi bầu. Trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân xã bầu đồng chí Nguyễn Công Oánh làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Mặt trận Tổ quốc xã trong giai đoạn 1981-1985 hướng nhiệm vụ trọng tâm vào việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa mới. Đoàn Thanh niên xã góp phần xứng đáng vào phong trào xung kích làm chủ tập thể, tập hợp được đông đảo thanh niên làm nòng cốt trong sản xuất, rèn luyện thân thể, huấn luyện quân sự và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra, thanh niên xã cũng tham gia các chiến dịch làm thủy lợi, xây dựng đời sống văn hóa và chăm sóc thiếu niên, nhi đồng. Hội Nông dân tập thể xã tích cực động viên nông dân chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vận động nhân dân thực hiện tổ chức lại sản xuất, khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Hội còn tổ chức phong trào đăng ký “vượt khoán” theo tinh thần Chỉ thị 100. Hội Phụ nữ xã thường xuyên coi trọng củng cố tổ chức để giáo dục và bảo vệ quyền lợi chị em. Hội còn động viên những chị em có chồng con tham gia chiến đấu ở biên giới khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất. Hội cũng tích cực tham gia phong trào đỡ đầu con liệt sĩ, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

Sau 10 năm cả nước hòa bình, thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1986), nhân dân Lương

Thượng dưới sự lãnh đạo của Chi bộ đã cùng nhân dân cả nước nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại vươn lên hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Chi bộ đề ra. Từ thực tiễn phong trào cách mạng địa phương, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được tôi luyện, trưởng thành, tổ chức Đảng ngày càng vững mạnh.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo Chi bộ xã cũng mắc phải một số sai lầm, tồn tại cần khắc phục: Chi bộ chưa phát huy tốt vai trò chủ động, còn thể hiện sự cứng nhắc, rập khuôn, thiếu linh hoạt trong chỉ đạo thực tiễn ở cơ sở. Kinh tế có chuyển biến song vẫn còn đứng trước những khó khăn và mất cân đối. Do sự bất hợp lý của cơ chế bao cấp, quản lý kinh tế không theo kịp quy mô hợp tác xã, xã viên thiếu tự giác. Thực tế đó đòi hỏi Chi bộ cần chủ động tìm biện pháp giải quyết để đưa xã phát triển thêm một bước mới trong giai đoạn tiếp theo.

II. THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-1995)

1. Lương Thượng trong những năm đầu đổi mới (1986-1990)

Trong thập niên 80 của thế kỷ XX, tình hình trong nước và quốc tế có nhiều chuyển biến phức tạp. Trên thế giới, chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lần lượt sụp đổ. Liên Xô bước vào giai đoạn cải tổ. Trong nước, tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội đều có biểu hiện suy thoái. Thêm vào đó cuộc điều chỉnh giá - lương - tiền (năm 1985) khiến cho lạm phát tăng cao, giá cả leo thang,

đời sống nhân dân hết sức khó khăn, tiêu cực trong xã hội ngày một gia tăng, lĩnh vực văn hóa - xã hội có biểu hiện xuống cấp¹.

Với tinh thần “Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm khuyết điểm của Đảng ta. Đồng thời, Đại hội đề ra đường lối đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở nước ta với hệ thống các giải pháp cơ bản về đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế, chính sách xã hội, chính sách đối ngoại. Đại hội cũng đề ra “Ba chương trình kinh tế” về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, trong hai ngày 18 và 19-1-1986, Đại hội Chi bộ xã Lương Thượng nhiệm kỳ 1986-1988 được tiến hành. Đại hội phân tích tình hình thực tiễn ở địa phương, thông qua Báo cáo chính trị tổng kết nhiệm kỳ 1983-1985, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới (1986-1988): tập trung phát triển sản xuất, giải quyết vấn đề lương thực cho nhân dân; bảo đảm an ninh quốc phòng, đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế giữ vững hoạt động đoàn thể quần chúng, tăng cường đoàn kết dân tộc.

Đại hội bầu Ban Chi ủy khóa mới gồm 5 đồng chí: Nông Thiêm Sầm - Bí thư Chi bộ, Lương Văn Pjai- Phó

1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.

Bí thư¹, Chi ủy viên là các đồng chí: Nông Thiêm Thái, Nguyễn Công Oánh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Nông Công Huyền.

Năm 1986, xã triển khai gieo cấy trên diện tích 115ha. Tình hình thời tiết diễn biến thất thường, hạn hán và sâu bệnh diễn ra thường xuyên. Tuy nhiên, ngay từ đầu vụ hợp tác xã đã chủ động trữ nước, kết hợp thực hiện việc trồng lúa giống mới cho năng suất cao hơn, áp dụng kỹ thuật vào sản xuất, cơ cấu thời vụ hợp lý nên đã thực hiện được 95% diện tích. Năng suất, trung bình đạt 22 tạ/ha. Diện tích lúa xuân do chủ động được nước tưới đã triển khai gieo cấy được 10ha. Bên cạnh đó đối với các diện tích đất đồi, soi bãi nhân dân thực hiện trồng ngô xuân trên đất đồi soi bãi, phát triển lúa nương và các cây rau màu khác.

Về chăn nuôi, chính quyền xã khuyến khích hợp tác xã và các hộ gia đình tăng cường nuôi trâu, bò. Để đảm bảo nhu cầu sức kéo, phân bón trong nông nghiệp, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước, tăng thu nhập cho nhân dân. Bên cạnh đó, xã còn tích cực vận động các hộ gia đình nuôi lợn và gia cầm để cải thiện thêm bữa ăn. Nhờ đó, đàn lợn và đàn gia cầm có xu hướng tăng nhanh.

Một trong những vấn đề nổi cộm trong nông nghiệp của xã Lương Thượng nói riêng và cả nước nói chung lúc

này là về quản lý. Trong những năm đầu 80 của thế kỷ XX, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 100-CT/TW nhằm tháo gỡ một phần khó khăn trong nông nghiệp. Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, Khoán 10 bộc lộ những khuyết điểm: mức giao nộp khoán quá cao không sát với thực tế; các khâu do hợp tác xã đảm nhận không đáp ứng được yêu cầu của xã viên, nhất là việc điều tiết nước, phân bón và làm đất; bộ máy quản lý của hợp tác xã cồng kềnh, hoạt động kém hiệu quả.

Trước tình hình đó, ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về “Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp” (gọi tắt là Khoán 10). Nghị quyết nhấn mạnh chủ trương đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, giải phóng sức sản xuất. Hộ nông dân được xác định là đơn vị kinh tế tự chủ, có quyền chủ động trong sản xuất và tiêu thụ, sản phẩm bán cho Nhà nước theo giá thỏa thuận, không bị áp đặt về số lượng như trước

Thực hiện Nghị quyết Khoán 10, Chi bộ xã Lương Thượng đã lãnh đạo chính quyền cùng các hợp tác xã tiến hành thống kê đất đai trên toàn xã. Do địa hình hiểm trở, chia cắt việc thực hiện phân chia quỹ đất gặp khá nhiều khó khăn. Việc tiến hành thống kê số hộ, số khẩu trong xã cũng khá phức tạp. Tuy vậy, với tinh thần quyết tâm, địa phương vẫn hoàn thành xong việc chia đất giao ruộng cho các hộ nông dân yên tâm sản xuất.

Cơ chế khoán mới đã tạo nên bước phát triển mạnh mẽ trong nông nghiệp, khuyến khích các gia đình có điều kiện, khả năng về vốn mạnh dạn mở rộng đầu tư, tinh thần làm chủ và tính sáng tạo của người lao động được phát

1. Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1988: Đồng chí Lương Văn Pjai nắm quyền Bí thư Chi bộ thay đồng chí Nông Thiêm Sầm. Từ tháng 8 năm 1988 đến tháng 7 năm 1989: đồng chí Nông Công Huyền là Bí thư Chi bộ thay đồng chí Lương Văn Pjai.

huy. Ngay trong vụ mùa năm 1989, xã đạt 100% diện tích lúa gieo cấy. Nông dân đưa các giống lúa có năng suất cao, thích hợp với thời tiết và khí hậu miền núi vào sản xuất đại trà như CR203, Trân Châu lùn, Nông Nghiệp 8. Nhờ vậy, trong những năm 1989-1990 gặp thời tiết khắc nghiệt, vụ đông xuân rét đậm kéo dài ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây lúa và hoa màu nhưng năng suất và sản lượng lúa của xã vẫn đảm bảo chỉ tiêu được giao. Tổng sản lượng lương thực của xã đạt 370 tấn. Năng suất bình quân đạt 27 tạ/ha.

Chăn nuôi có bước phát triển mới. Cơ cấu vật nuôi phát triển đa dạng hơn. Bên cạnh chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò, lợn xã còn khuyến khích các hộ dân chăn nuôi dê, ngựa, phát triển đàn gia cầm, nuôi thả cá ở ao hồ... Các sản phẩm chăn nuôi đã đáp ứng được nhu cầu về sức kéo trong nông nghiệp, vận chuyển hàng hóa cũng như đảm bảo về nhu cầu thực phẩm của người dân.

Lâm nghiệp của xã có bước tiến mới trong việc trồng, khai thác và bảo vệ rừng. Xã bắt đầu thực hiện việc khoanh nuôi, giao đất rừng cho nhân dân quản lý. Bởi vậy công tác quản lý rừng đạt hiệu quả cao hơn trước. Tình trạng phát rừng làm nương rẫy một cách bừa bãi đã giảm hẳn.

Do chuyển đổi hình thức sản xuất, các hợp tác xã chuyển dần từ chức năng quản lý sang chức năng dịch vụ kết hợp như cung cấp thóc giống, phân bón, thuốc trừ sâu... đảm bảo nước tưới, kế hoạch sản xuất cho các hộ gia đình trong toàn xã. Tuy nhiên, hoạt động của các Hợp tác xã chỉ mang tính chất cầm chừng. Đến năm 1989, hợp tác xã Lương Thượng chính thức giải thể.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa của xã trong giai đoạn (1986-1990) có bước phát triển mới. Trong lĩnh vực giáo dục, chính quyền xã luôn quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường như: bàn ghế, sách vở, đồ dùng học tập, thiết bị dạy và học... Đội ngũ giáo viên các nhà trường thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức nhằm đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp đổi mới. Hàng năm, tỷ lệ trẻ em đến tuổi đi học đạt 90%, học sinh lên lớp và đỗ tốt nghiệp đạt 80-90%. Bên cạnh giáo dục phổ thông, công tác xóa mù chữ cho nhân dân tiếp tục được quan tâm thực hiện.

Công tác y tế có nhiều chuyển biến tích cực. Trạm y tế xã luôn duy trì chế độ trực ban 24/24. Hàng năm, Trạm xá xã đã khám và điều trị, chuyển tuyến trên cho hàng trăm lượt bệnh nhân; triển khai nhiều chương trình y tế dự phòng cho nhân dân như: tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em... Tỷ lệ trẻ đi tiêm chủng đạt trên 90%, tỷ lệ phụ nữ mang thai tiêm phòng đạt từ 65-70%.

Tháng 7/1989, Chi bộ xã Lương Thượng tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1989-1992. Đại hội này tập trung thảo luận đường lối đổi mới do Đảng đề ra, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là đổi mới về kinh tế. Từ đó đề ra phương hướng nhiệm vụ trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, nâng cao sức đấu của tổ chức Đảng và các đoàn thể địa phương. Đại hội bầu Ban Chi ủy khóa mới do đồng chí Nông Thiêm Dậu làm Bí thư, đồng chí Hoàng Văn Tiến giữ chức Phó Bí thư thường trực và đồng chí Nông Thiêm Thái - Chi ủy viên (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến phức tạp, khó khăn. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu liên tiếp rơi vào khủng hoảng và sụp đổ. Trước tình hình đó, một bộ phận đảng viên trong nước cũng như trên địa bàn xã dao động về tư tưởng. Để củng cố tổ chức Đảng, Chi ủy xã thường xuyên tổ chức giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo nên sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Chi bộ.

Công tác tổ chức Đảng được chỉnh đốn và đổi mới về nội dung, phương pháp lãnh đạo. Qua phân tích chất lượng đảng viên, Chi bộ kiên quyết xử lý đối với những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, đồng thời lên kế hoạch phân công các công việc cụ thể cho từng đảng viên. Qua đó, chất lượng đảng viên được nâng lên rõ rệt. Số lượng đảng viên mới được kết nạp hàng năm đều tăng. Trong giai đoạn 1986-1990, Chi bộ kết nạp được 5 đảng viên mới.

Hội đồng nhân dân xã có những đổi mới trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, giám sát, đôn đốc hoạt động của chính quyền và xem xét, giải quyết những yêu cầu chính đáng của cử tri. Đa số các nghị quyết của Hội đồng nhân dân về các vấn đề dân số, lao động, giáo dục, hàng tiêu dùng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng thiết thực của nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết 08B-NQ/TW ngày 27-3-1990 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng”, công tác vận động quần chúng

có nhiều chuyển biến. Mặt trận Tổ quốc xã đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Với tinh thần “tuổi cao trí càng cao”, các hội viên Hội Phụ lão vận động con cháu hăng hái thi đua lao động sản xuất, chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đoàn Thanh niên xã tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho thanh, thiếu niên, hướng hoạt động vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng VI, thực hiện tốt các phong trào “Thanh niên sản xuất kinh doanh giỏi”, “Thanh niên xung kích trên mặt trận an ninh - quốc phòng”... Hội Phụ nữ xã đã vận động hội viên tích cực tham gia 2 cuộc vận động lớn do Trung ương Hội phát động là: “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình”, “Phụ nữ nuôi dạy con tốt, hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học”. Hội Nông dân xã từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, kịp thời giải quyết các vướng mắc của hội viên trong sản xuất, tích cực vận động hội viên phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 10.

Trải qua 5 năm (1986-1990), Chi bộ Lương Thượng khắc phục khó khăn, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI của Đảng vào cuộc sống. Trong đó, nổi bật là tư duy kinh tế mới, xây dựng nền sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, thay đổi nếp nghĩ, cách làm của nhân dân. Mặc dù những kết quả đó chỉ là bước khởi đầu nhưng đã khẳng định đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng là đúng đắn, hợp lòng dân, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

2. Thực hiện kế hoạch đổi mới toàn diện (1991-1995)

Tháng 6-1991, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã thông qua hai văn kiện quan trọng là “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” và “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000”. Đại hội VII của Đảng cũng đề ra mục tiêu kinh tế của kế hoạch 5 năm (1991-1995): “Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát, ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân và bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế”¹.

Năm 1992, Chi bộ xã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1992-1994. Báo cáo chính trị trình Đại hội nêu rõ những kết quả đạt được, cũng như tồn tại, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trong nhiệm kỳ 1990-1992. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ là: phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; tập trung thực hiện nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, từng bước đẩy lùi tiêu cực; tạo bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa của nhiều thành phần; ổn định, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí: Bế Xuân Lung - Bí thư Chi ủy, Hoàng Minh Tân - Phó Bí thư thường trực,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự Thật, Hà Nội. 1991, tr.60.

Chi ủy viên là các đồng chí: Bế Ngọc Thế, Nông Thiêm Văn, Nông Thiêm Khuyên.

Qua thực tiễn lãnh đạo phong trào ở địa phương, Chi bộ Đảng xã ngày càng trưởng thành, vững vàng về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đội ngũ cán bộ đảng viên đạt hiệu quả tốt trong công tác lãnh đạo và phát triển phong trào ở địa phương. Trên cơ sở đó, tháng 5-1993, Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì ra Quyết định số 194/QĐ-HU công nhận Đảng bộ xã Lương Thượng trực thuộc Huyện ủy. Tiếp đó, ngày 9-6-1994, Đại hội Đảng bộ xã Lương Thượng nhiệm kỳ 1994-1996 được tiến hành. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng ủy xã gồm 4 đồng chí: Bế Xuân Lung - Bí thư Đảng ủy, Hoàng Minh Tân - Phó Bí thư¹, các đồng chí Hoàng Văn Tiến và Bế Ngọc Thế là Đảng ủy viên.

Sự kiện thành lập Đảng bộ xã Lương Thượng đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của tổ chức Đảng tại địa phương. Đây là cơ sở để Đảng bộ xã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đề ra.

Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng, trong phát triển nông nghiệp, Đảng bộ xã Lương Thượng chỉ đạo nhân dân xã thực hiện thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi. Từ năm 1996, xã bắt đầu triển khai cấy 2 vụ lúa và trồng cây màu

1. Năm 1995-1996, Phó Bí thư Đảng ủy do đồng chí Phương Thị Kỳ đảm nhiệm.

Năm 1994-2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân do đồng chí Bế Ngọc Thế đảm nhiệm.

vụ đông. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, xã đã đưa hơn 10 giống lúa, ngô có năng suất cao, chịu sâu bệnh tốt vào gieo trồng. Nhờ vậy, diện tích sản xuất được mở rộng, năng suất và sản lượng lương thực qua các năm không ngừng tăng lên. Năm 1992, năng suất đạt 24,1 tạ/ha tăng lên 27 tạ/ha (năm 1995). Sản lượng lúa năm 1992 đạt 448 tấn tăng lên 502 tấn (năm 1995). Bình quân lương thực đầu người 250-280 kg/năm

Hoạt động chăn nuôi của xã tiếp tục được duy trì. Đàn trâu, bò trong toàn xã có 310 con, 210 con bò, 520 con lợn lai kinh tế, đạt chỉ tiêu xuất chuồng từ 50-80kg/con. Chăn nuôi gia cầm cũng phát triển khá nhanh, hướng phát triển chủ yếu là đàn gà. Công tác thú y phòng dịch luôn được triển khai theo định kỳ.

Trong hoạt động lâm nghiệp, xã Lương Thượng thực hiện tốt Luật Bảo vệ rừng năm 1991, Quyết định 327-QĐ/CT ngày 15-9-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về chính sách sử dụng đất trồng đồi núi trọc.

Công tác xây dựng cơ bản được chú trọng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với sự đầu tư của Nhà nước, Đảng ủy, chính quyền xã vận dụng các nguồn kinh phí tu sửa một số công trình như: trường học, trạm xá xã... Các công trình thủy lợi, giao thông nông thôn phục vụ nhu cầu sản xuất, đi lại của nhân dân được dễ dàng.

Quán triệt quan điểm Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, công tác giáo dục của xã đã có nhiều chuyển biến, đội ngũ giáo viên hàng năm được bổ sung, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ,

yêu ngành, yêu nghề, chất lượng giảng dạy và học tập năm sau cao hơn năm trước. Năm 1997 trường Phổ thông cơ sở được tách ra: ông Nguyễn Minh Thông làm Hiệu trưởng trường Tiểu học; trường Trung học cơ sở do ông Đàm Viết Hùng làm Hiệu trưởng. Các lớp hệ Mầm non vẫn học chung trong trường Tiểu học.

Hoạt động y tế dự phòng được tiến hành thường xuyên, kịp thời và đạt hiệu quả cao. Hàng năm, trạm xá xã đã khám và điều trị, chuyển tuyến trên cho hàng trăm lượt bệnh nhân. Nhiều dịch bệnh được phát hiện và dập tắt kịp thời. Công tác kế hoạch hóa gia đình được thực hiện thường xuyên. Trạm xá xã thường xuyên phối hợp cùng Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên xã đẩy mạnh tuyên truyền sức khỏe sinh sản cho các đối tượng thanh niên, phụ nữ, cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ. Tập trung triển khai các biện pháp kế hoạch hóa dân số như đặt vòng tránh thai, đình sản... để hạn chế tỷ lệ sinh sớm, sinh dày và sinh con thứ 3.

Công tác văn hóa, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của người dân. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn, bản văn hóa được triển khai rộng rãi, góp phần xây dựng nếp sống mới, giảm nhẹ tệ nạn xã hội, nhất là nghiện hút, cờ bạc, mê tín dị đoan. Hoạt động thể dục, thể thao cũng được Đảng bộ, chính quyền xã quan tâm chỉ đạo, nhiều đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... được thành lập thu hút đông đảo thanh thiếu niên tham gia.

Công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, thăm hỏi các gia đình chính sách được chính

quyền đặc biệt quan tâm. Mọi chế độ ưu tiên, chính sách của Nhà nước được thực hiện đầy đủ, đảm bảo mọi quyền lợi cho mỗi cá nhân, gia đình. Vào các dịp lễ 27-7, 22-12, đại diện chi bộ, chính quyền, Đảng bộ xã đều đến thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách.

Cùng với việc lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, Chi bộ xã còn chú trọng tăng cường công tác quốc phòng - an ninh. Thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW của Bộ Chính trị, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, cấp ủy Đảng xã lãnh đạo xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân trên các phương diện chính trị, tư tưởng, tổ chức, xây dựng các phương án phòng thủ, chống gây rối và bạo loạn, tổ chức huấn luyện phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Hoàn thành việc tổ chức diễn tập A2-TH-92 phòng chống gây rối, bạo loạn, góp phần đập tan âm mưu diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc; thực hiện tốt kế hoạch huấn luyện quân sự hàng năm, xây dựng dân quân mạnh phục vụ nhiệm vụ chính trị của xã. Hàng năm, xã luôn hoàn thành các chỉ tiêu giao quân đạt 100%.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt nhiều kết quả tốt. Ban Công an xã có nhiều cố gắng trong giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn, bảo vệ bầu cử, các hội nghị, các ngày lễ lớn an toàn, trật tự. Thường xuyên phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền giáo dục pháp luật đến toàn dân, tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng công an... Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội của địa phương luôn được đảm bảo.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng cũng thu được những kết quả to lớn. Cấp ủy

Đảng xã cũng thường xuyên quán triệt thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HNTW của Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII về “Một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng” (6-1992), Nghị quyết số 05-NQ/HNTW của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về “Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn” (6-1993), Nghị quyết 05 và Kế hoạch 74 của Tỉnh ủy Bắc Thái về làm sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước.... Qua học tập, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Đảng, vững vàng về chính trị và có sự chuyển biến về hành động.

Công tác bồi dưỡng cán bộ được thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Đảng bộ xã đều cử các đồng chí cán bộ đảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ do trường cán bộ của huyện và tỉnh tổ chức.

Bộ máy chính quyền xã ngày càng củng cố. Ủy ban nhân dân xã thực hiện các chính sách hợp lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, đảm bảo an ninh trật tự ở địa phương. Đội ngũ cán bộ của Ủy ban nhân dân và đại biểu của Hội đồng nhân dân xã thường xuyên được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý xã hội nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của mình đối với nhân dân. Hoạt động có hiệu quả của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, phát huy tinh thần dân chủ, ngăn chặn kịp thời tệ nạn mới nảy sinh.

Đi đôi với công tác xây dựng chính quyền, Đảng bộ xã cũng hết sức chú trọng đến hoạt động của các đoàn thể

quần chúng. Mặt trận Tổ quốc xã thực sự trở thành cầu nối giữa Đảng với dân, dân với Đảng. Trong các cuộc bầu cử, Mặt trận đã thể hiện tốt vai trò hiệp thương, giới thiệu nhân sự, giúp cử tri hiểu rõ lý lịch, quá trình công tác của các ứng viên, góp phần đảm bảo bầu cử dân chủ, đúng luật. Mặt trận Tổ quốc xã còn thể hiện vai trò xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, bài trừ các tệ nạn xã hội, tích cực vận động nhân dân tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, ủng hộ đồng bào các địa phương bị bão lụt.

Hội Phụ nữ xã đã đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, triển khai tích cực các chương trình của Trung ương Hội như: chương trình bồi dưỡng và nâng cao kiến thức năng lực cho phụ nữ; chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Công tác củng cố tổ chức Hội luôn được quan tâm, tạo điều kiện cho chị em phụ nữ tham gia đầy đủ các phong trào của địa phương.

Hội Nông dân xã đã bám sát những chỉ đạo từ Đảng bộ và chính quyền xã để hướng dẫn nông dân thực hành có hiệu quả. Hội phối hợp với chính quyền địa phương trong việc đưa giống lúa mới vào đồng ruộng, vận động hội viên sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo. Hội còn tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân.

Đoàn Thanh niên xã phát động những phong trào gắn với các chủ trương, nghị quyết của Đảng, duy trì nền nếp sinh hoạt... Thông qua đó, đoàn viên, thanh niên Lương Thượng nhận thức sâu sắc hơn về lý tưởng cộng sản, về

đạo đức cách mạng và được các chi bộ giới thiệu đi học cảm tình Đảng, một số được kết nạp Đảng.

Chấp hành Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và các nghị quyết, hướng dẫn của Tỉnh ủy, Huyện ủy, năm 1991, Hội Cựu chiến binh xã Lương Thượng được thành lập do đồng chí Nguyễn Thanh Bảo làm Chủ tịch. Trong một thời gian ngắn, Hội đã tập hợp, đoàn kết và động viên các cựu chiến binh rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, đồng thời tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền.

Qua 10 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới của Đảng, Đảng bộ xã Lương Thượng phấn khởi trước những thành tựu đã đạt được về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương. Đồng thời, Đảng bộ xã cũng nghiêm khắc tự nhận ra những hạn chế, khuyết điểm của mình để kịp thời khắc phục và sửa chữa, rút kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo những giai đoạn tiếp theo. Những bài học và kết quả đạt được đã tạo thế và lực để Đảng bộ và nhân dân Lương Thượng vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Chương V
LƯƠNG THƯỢNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN
ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG
TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2015)

I. TẬN DỤNG CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN,
VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI (1996-2005)

1. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trong thời
kỳ cả nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa
nông nghiệp nông thôn (1996-2000)

Phát huy thắng lợi trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Tháng 2-1996, Đảng bộ xã Lương Thượng tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1996-2000, với sự tham gia của 100% đảng viên trong toàn xã. Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 1994-1995, kế hoạch 5 năm (1991-1995), khẳng định: từ một xã miền núi, kinh tế kém phát triển, đời sống của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn... nhưng với tinh thần đổi mới, vượt qua thử thách, Đảng bộ xã nêu cao vai trò lãnh đạo, chính quyền phát huy hiệu quả quản lý, xã Lương Thượng đã đạt được những kết quả đáng mừng trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Đại hội đã đưa ra phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1996-2000 là: tập trung các nguồn lực, phát huy hiệu quả các thế mạnh của địa phương, xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp theo hướng phát triển hàng hóa. Đồng thời đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục, thực hiện tốt công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình... Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng ủy nhiệm kỳ 1996-2000 gồm 6 đồng chí. Trong đó đồng chí Nông Thiêm Khuyến - Bí thư Đảng ủy xã, Phương Thị Kỳ - Phó Bí thư Thường trực, Bế Ngọc Thế - Phó Bí thư Đảng ủy (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã). Đảng ủy viên là các đồng chí Nguyễn Duy Cầu, Nông Tiến Lại và Lương Văn Chải.

Trong phát triển kinh tế, Đảng bộ xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, cần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tích cực, thực hiện thâm canh, tăng vụ, nhằm đảm bảo an ninh lương thực cho nhân dân, giúp xóa đói giảm nghèo. Nhiệm vụ khó khăn nhất trong phát triển nông nghiệp của xã là giải quyết vấn đề nguồn nước tưới, để tăng đất trồng được 2 vụ và đưa các chân ruộng còn thiếu nước, chưa canh tác được vào trồng cây. Chính quyền xã đã huy động nhân dân tích cực tham gia làm thủy lợi, đắp đập, sửa chữa hệ thống mương phai, làm guồng nước... đưa nước vào đồng ruộng. Đồng thời đào các hồ chứa nước nhỏ để dự trữ trong mùa khô. Tăng cường sử dụng các giống lúa chịu hạn, cho năng suất cao vào gieo trồng. Diện tích trồng lúa lai đến năm 2000 đã tăng lên 20%. Hệ số quay vòng đất là 1,6 lần. Diện tích

lúa xuân đạt 15ha, năng suất lúa bình quân đạt 37 tạ/ha, bình quân lương thực đầu người đạt 305 kg/năm.

Bên cạnh sản xuất lúa, Lương Thượng đã chú trọng phát triển cây vụ đông. Ủy ban nhân dân xã thực hiện các đề án dịch vụ nông nghiệp tương đối tốt, mạnh dạn tìm tòi đưa vào thử nghiệm một số giống cây có giá trị kinh tế cao như sắn, ngô, đậu tương...

Tình hình chăn nuôi trong giai đoạn 1996-2000 có nhiều khởi sắc. Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, làm chuồng trại xa nhà ở, đảm bảo thoáng mát vào mùa hè, ấm vào mùa đông được chú trọng thực hiện. Hoạt động chăn nuôi vẫn chủ yếu phục vụ cho sức kéo trong nông nghiệp và nhu cầu của địa phương. Năm 2000, tổng đàn gia súc, gia cầm của xã 5.632 con, trong đó có 324 con trâu, 317 con bò, 609 con lợn, 12 con ngựa, 4.440 con gia cầm.

Quán triệt Nghị định 02/NĐ-CP của Chính phủ về trồng cây, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, công tác giao đất, giao rừng được tiến hành khẩn trương. Chính quyền xã cùng với các tổ chức trong và ngoài nước triển khai các dự án trồng rừng như Dự án 661, Dự án EU đến người dân, thực hiện hỗ trợ về giống, lương thực thực phẩm, kỹ thuật chăm sóc. Bên cạnh đó, xã còn khuyến khích nhân dân thực hiện cải tạo vườn đồi, đưa vào trồng các loại cây ăn quả như cam, quýt, mận... Công tác bảo vệ rừng được thực hiện nghiêm túc. Ý thức bảo vệ rừng của nhân dân được nâng cao, không để xảy ra tình trạng cháy rừng do phát nương làm rẫy, đi vào rừng đốt lửa...

Các hoạt động thương mại và dịch vụ của xã vẫn hết sức nhỏ lẻ, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ của nhân dân. Ngoài ra, xã còn có một số hộ khai thác cát sỏi, tuy nhiên quy mô còn nhỏ. Khai thác quặng khoáng sản chủ yếu là tự phát trong dân chúng.

Công tác xây dựng cơ bản đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ năm 1996-2000, chính quyền xã triển khai thực hiện ngói hóa các trường tiểu học, trung học cơ sở; thường xuyên tu sửa và nâng cấp các tuyến đường liên xã, liên bản, đảm bảo giao thông trong mùa mưa... Từ năm 2001, xã bắt đầu triển khai mắc điện lưới quốc gia đem lại diện mạo mới cho các thôn bản. Qua đó, nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Nền kinh tế ổn định, có bước phát triển là điều kiện để Đảng bộ và chính quyền xã tiếp tục đầu tư, nâng cao hơn nữa công tác giáo dục, y tế, văn hóa. Công tác giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển, hệ thống trường lớp được mở rộng về mạng lưới, ổn định về quy mô, mang tính bền vững. Chất lượng giáo dục được nâng cao. Trong các nhà trường phong trào thi đua “Hai tốt” diễn ra sôi nổi, thu hút được nhiều giáo viên và học sinh tham gia. Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm đạt 90-95%.

Mạng lưới y tế xã được hình thành rộng khắp đến từng thôn bản đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Cùng với đó, đội ngũ y tế viên cũng được phát triển thêm về số lượng và ngày càng được nâng cao về chất lượng. Cơ sở vật chất y tế như các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân tiếp tục được đầu tư hoàn thiện.

Thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, Đảng ủy đã triển khai thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư” thực hiện nếp sống văn minh, loại bỏ dần những hủ tục lạc hậu, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, nhất là thanh niên, phụ nữ trong xã.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Bộ Chính trị “Về chiến lược an ninh Quốc gia” và Chỉ thị 12-CT/TW của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bảo đảm công tác an ninh trật tự trong tình hình mới, Đảng ủy xã thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong lực lượng vũ trang, nêu cao trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch.

Lực lượng công an xã tích cực triển khai các biện pháp nhằm tăng cường ổn định an ninh trên địa bàn như: bám chắc cơ sở, nhạy bén nắm chắc tình hình, kịp thời ngăn chặn các vụ việc, hiện tượng, tiêu cực, gây rối an ninh. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố.

Năm 1999, Đảng ủy xã chỉ đạo tổ chức thành công bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004. Qua đó bộ máy chính quyền xã được kiện toàn: đồng chí Nguyễn Duy Cầu được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, đồng chí Bé Ngọc Thế được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Lương Văn Hiến - Phó Chủ tịch.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân đi vào nề nếp và đạt hiệu quả. Trong nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân đã tổ chức tốt các kỳ họp theo luật định. Phương thức hoạt động được đổi mới. Chất lượng các kỳ họp được nâng lên dựa trên nguyên tắc tập trung, dân chủ, thống nhất, nâng cao hiệu quả tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp, chuẩn bị nội dung các kỳ họp một cách chu đáo, đảm bảo đúng luật.

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng trên tất cả các mặt. Về chính trị, tư tưởng, Đảng bộ tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đảng bộ cấp trên nhằm nâng cao nhận thức và củng cố lòng tin cho mỗi cán bộ, đảng viên về mục tiêu, con đường chủ nghĩa xã hội, để từ đó tự xác định được nhiệm vụ trên cương vị được giao.

Ngoài việc xây dựng quy chế tổ chức làm việc, Đảng ủy còn tiến hành xây dựng chương trình công tác từng năm, từng tháng để chủ động trong việc lãnh đạo nhiệm vụ chính trị địa phương. Từ Đảng ủy đến chi ủy từng bước có sự đổi mới chế độ hội họp, ra nghị quyết và chế độ phản ánh theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả.

Công tác cán bộ được Đảng bộ xã xác định là nhân tố quyết định chất lượng lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bởi vậy, Đảng ủy Lương Thượng luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên. Trong 5 năm 1996-2000, Đảng bộ đã cử nhiều đồng chí đi học lớp văn hóa trung học phổ thông, lớp lý luận chính trị nhằm nâng cao năng lực công tác và trình độ chuyên môn.

Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có nhiều chuyển biến tích cực. Mặt trận Tổ quốc thường xuyên củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng khu dân cư tiên tiến. Ngoài ra, Mặt trận còn động viên giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng và thực hiện đời sống văn hóa mới.

Hội Liên hiệp phụ nữ đã phát huy truyền thống “giỏi việc nước, đảm việc nhà”, luôn đi đầu trong công tác phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Hoạt động của Hội rất phong phú và đa dạng như: tổ chức cho chị em phụ nữ vay vốn làm kinh tế hộ gia đình, mở rộng chăn nuôi, trồng trọt, làm thêm nghề phụ. Bên cạnh đó, Hội còn tích cực đẩy mạnh vận động chị em thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Đoàn Thanh niên xã là lực lượng đi đầu trong việc tiếp thu chuyển giao khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất. Các hội viên luôn gương mẫu chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia thực hiện các phong trào của địa phương.

Hội Nông dân luôn chú trọng đến công tác tổ chức, giúp đỡ hội viên xóa đói giảm nghèo, phấn đấu vươn lên làm giàu. Để giúp nông dân phát triển kinh tế. Hội đứng ra thế chấp với Ngân hàng Chính sách xã hội cho hội viên nghèo vay vốn để đầu tư phát triển kinh tế.

Hội Cựu chiến binh tiếp tục phát huy phẩm chất bộ đội Cụ Hồ, thực hiện tốt việc giáo dục truyền thống đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ, tham gia tích cực công tác

xây dựng, bảo vệ Đảng. Các hội viên tích cực tham gia lao động sản xuất, xóa đói giảm nghèo, giúp nhau bằng hình thức như: giúp nhau về giống cây, vật nuôi, vật tư, kỹ thuật để phát triển sản xuất.

Sau 5 năm thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Lương Thượng đã đoàn kết vượt qua khó khăn, đạt được nhiều kết quả tích cực về mọi mặt: sản xuất phát triển khá, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp; sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa có bước tiến mới, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự xã hội được đảm bảo. Đảng bộ xã thêm trưởng thành, có thêm kinh nghiệm, vững bước tiến lên trên con đường lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế - xã hội địa phương.

2. Vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới (2000 - 2005)

Năm 2000, hòa trong không khí thi đua của cả nước chào mừng các ngày lễ lớn: 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 25 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 55 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng bộ xã Lương Thượng đã long trọng tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2000-2005 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã.

Đại hội thông qua Báo cáo chính trị và Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ xã nhiệm kỳ 1996-2000. Đồng thời, đề ra các mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2000-2005 là Phát triển nông nghiệp toàn diện, tập trung sản xuất lương thực, đẩy mạnh chăn nuôi, lâm nghiệp

đảm bảo nhu cầu của người dân và chuyển dịch sang sản xuất hàng hóa. Xây dựng và thúc đẩy tiểu thủ công nghiệp phát triển. Đảm bảo an ninh quốc phòng. củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2000-2005 gồm 6 đồng chí. Ban Chấp hành bầu gồm 3 đồng chí Nguyễn Duy Cầu - Bí thư Đảng ủy, Lương Văn Chài - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Bế Ngọc Thế - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã)¹. Ủy viên là các đồng chí Nguyễn Công Dũng, Hoàng Văn Tuấn, Lương Văn Hiến.

Đại hội Đảng bộ xã Lương Thượng nhiệm kỳ 2000-2005 thể hiện sự đoàn kết, nhất trí cao của toàn Đảng, toàn dân, nỗ lực phấn đấu giành được những kết quả quan trọng trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng đi chính của xã vẫn là tích cực thực hiện chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện thâm canh tăng vụ, tăng hệ số quay vòng sử dụng đất... nhằm tăng sản lượng và năng suất cây trồng. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ, năm 2001, xã triển khai gieo cấy giống lúa lai trên 20% diện tích, thu được kết quả tốt, đến năm 2005 tỷ lệ giống lúa lai đạt 100% diện tích; tỷ lệ giống ngô lai trên 98%. Từ năm 2001-2005, xã đã mở được 11 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cho nhân dân, thu hút được 333 lượt người

1. Đến tháng 9 năm 2002 đồng chí Lương Văn Hiến thay đồng chí Bế Ngọc Thế đảm nhận chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

tham gia. Trong canh tác, ngoài nguồn phân bón hữu cơ, nhân dân đã chú trọng hơn đến việc sử dụng các loại phân bón vô cơ.

Nhờ vậy, trong giai đoạn 2000-2005, nông nghiệp của xã luôn có sự tăng trưởng tốt. Diện tích đất ruộng hàng năm 54ha, trong đó đất cấy 2 vụ là 18,6ha, đất cấy 1 vụ là 35,4ha. Trong năm 2001, xã đã gieo cấy được 15ha lúa xuân, đến năm 2005 tăng lên 30ha. Diện tích trồng ngô đạt 6ha. Tổng diện tích ngô xuân trong 5 năm trồng được 62,3ha, hoàn thành kế hoạch đề ra. Năng suất lúa bình quân đạt 40 tạ/ha, ngô đạt từ 37-39 tạ/ha. Tổng sản lượng quy thóc năm 2004 đạt 564,705 tấn, tăng so với năm 2001 là 65,3 tấn, bình quân lương thực đạt 392 kg/người/năm, tăng 87kg so với đầu nhiệm kỳ.

Bên cạnh cây lương thực chính, chính quyền xã tích cực đẩy mạnh trồng các loại rau màu trên diện tích đất bồi ven bãi, đất trồng lúa 1 vụ. Trong đó, diện tích trồng đỗ tương năm 2005 đạt 8ha. Cùng với lạc, đây là 2 loại cây màu chính, mang lại thu nhập lớn cho người dân.

Khó khăn lớn nhất trong phát triển nông nghiệp của xã là tỷ lệ đất ruộng ít. Trong xã có đến 60/318 hộ không có đất canh tác. Địa hình hiểm trở, chủ yếu là ruộng bậc thang nên trong vụ đông xuân thường xuyên xảy ra tình trạng thiếu nước tưới, chỉ có 18,6/54ha ruộng đất của xã chủ động được nước tưới. Hàng năm, xã cũng đã huy động toàn bộ nguồn lực địa phương tu sửa hệ thống mương phai, đầu tư máy bơm... để tăng diện tích đất 2 vụ, tuy nhiên số lượng ruộng cấy được 2 vụ còn rất thấp. Ở những chân ruộng không cấy được, xã phải chuyển

sang trồng ngô, đậu tương để tăng thêm nguồn thu nhập cho nhân dân.

Trong hoạt động chăn nuôi, xã chú trọng đến công tác thú y, hàng năm thực hiện tiêm phòng theo định kỳ 6 tháng tiêm nhắc lại một lần. Tỷ lệ tiêm phòng đạt 60-70%. Đàn gia súc được làm chuồng trại, phòng chống rét vào mùa đông, dự trữ cỏ, rơm... Tuy nhiên, do diện tích đồng cỏ bị thu hẹp nên việc phát triển chăn nuôi trong nhân dân bị hạn chế. Năm 2005, xã có 371 con trâu, 240 con bò, 549 con lợn, 17 con ngựa, đàn gia cầm có 4.300 con. Trung bình mỗi hộ gia đình có từ 2 con trâu, bò trở lên, chủ yếu phục vụ sức kéo trong nông nghiệp và mua bán nhỏ lẻ. Chưa có hộ gia đình nào thực hiện nuôi với quy mô lớn.

Công tác lâm nghiệp được Đảng bộ và chính quyền xã lãnh đạo phát triển toàn diện cả về trồng, khai thác và bảo vệ rừng. Trong 5 năm (2001-2005), tổng diện tích rừng trồng theo dự án của xã đạt 154,87ha, trong đó Dự án EU là 59,16ha được thực hiện trên 2 bản Nà Làng và Bản Giang, Dự án Định canh định cư ở thôn Khuổi Nộc là 50,71ha, Dự án 661 là 45ha. Diện tích khoán bảo vệ là 1.431,5ha, số còn lại giao tập thể xã quản lý là 131,49ha. Rừng trồng đạt 100% kế hoạch được giao, phát triển tốt, tỷ lệ sống cao.

Hàng năm Ủy ban nhân dân xã cùng với ngành kiểm lâm thường xuyên tổ chức học tập tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng cho nhân dân trong các thôn bản, tổ chức ký cam kết cho nhân dân không vi phạm pháp luật. Công tác khoanh nuôi bảo vệ

rừng được quan tâm đúng mức, việc khai thác gỗ trái phép được ngăn chặn kịp thời.

Các ngành tiểu thủ công nghiệp bắt đầu hình thành, chủ yếu là khai thác cát sỏi và gỗ. Tuy nhiên, mức tăng trưởng còn rất chậm. Điều kiện khó khăn về cơ sở hạ tầng giao thông vẫn là nguyên nhân chính kìm hãm sự phát triển các ngành thủ công nghiệp của xã. Dịch vụ thương mại chủ yếu là buôn bán nhỏ lẻ, cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân, chưa thu mua được các mặt hàng nông lâm sản cho nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nhìn chung tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã còn chậm, các ngành kinh tế phát triển chưa vững chắc, sản xuất vẫn mang tính tự cung tự cấp, chưa tạo được sản phẩm hàng hóa, khai thác hết tiềm năng thế mạnh của địa phương.

Công tác thu chi ngân sách được thực hiện theo đúng luật định. Tỷ lệ thu hàng năm đều tăng, năm 2004 đạt 25,34 triệu đồng, tăng so với năm 2001 là 11,11 triệu đồng, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra là 5,5%. Tuy nhiên, nguồn thu ngân sách của xã chưa cao, chủ yếu là thu phí và lệ phí, thu khai thác cát sỏi, không có nguồn thu thêm.

Công tác xóa đói giảm nghèo thu được kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2004 giảm xuống còn 28,61% (91/318 hộ) theo tiêu chí cũ. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Năm 2005, trong xã có 281 hộ có ti vi (bằng 88,36%), 239 hộ sử dụng điện lưới Quốc gia (bằng 75,5%).

Được sự quan tâm của các cấp chính quyền, cơ sở hạ tầng của xã Lương Thượng từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Ưu tiên hàng đầu trong xây dựng của xã vẫn là cơ quan công vụ, trường học, giao thông, thủy lợi và các công trình dân sinh khác. Trong giai đoạn 2001-2005, xã đã hoàn thành 1 nhà cấp 4 là nơi làm việc cho các ban ngành của xã, trường mầm non 2 gian cấp 3, trường phổ thông trung học cơ sở 2 tầng, gồm 8 phòng học. Các công trình giao thông thủy lợi gồm có phai đập và mương Khuổi Nhừng, mương Khuổi Lịa, cầu treo Vàng Khít, mương tiêu úng khu đồng Nà Giang, đường liên thôn Khuổi Nộc. Các công trình phục vụ dân sinh đã xây dựng được 4 bể chứa nước cung cấp nước sinh hoạt cho 30 hộ dân ở thôn Khuổi Nộc và 8 bể chứa nước cung cấp cho 95 hộ dân ở các thôn Nà Làng và Pàn Xả do Dự án EU tài trợ. Đến năm 2004 đã có 2/5 thôn trong xã có nhà họp là thôn Khuổi Nộc và thôn Bản Giang. Thực hiện chương trình xóa nhà tre do Chính phủ tài trợ, xã đã xây dựng được 40 nhà và 1 nhà Đại đoàn kết do Mặt trận Tổ quốc hỗ trợ.

Công tác giáo dục được quan tâm đầu tư và phát triển một cách toàn diện. Hệ thống giáo dục của xã được hoàn thiện gồm có 3 cấp học: mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Trong đó, trường trung học cơ sở có 1 phân trường tại thôn Khuổi Nộc. Cơ sở vật chất trong nhà trường đang được đầu tư hoàn thiện, phục vụ tốt cho quá trình học tập và giảng dạy của học sinh và thầy cô giáo. Đội ngũ giáo viên thường xuyên được bổ sung, cử đi học bồi dưỡng

chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ. Nhờ vậy, chất lượng giáo dục của xã ngày càng được cải thiện. Tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm đạt 100%. Tỷ lệ học sinh giỏi năm học 2004-2005 của trường cấp 1 đạt 5,9%, tốt nghiệp 100%; tỷ lệ học sinh giỏi trường cấp II là 7,5%, tốt nghiệp 96,69%. Xã duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và hoàn thành phổ cập trung học cơ sở năm 2004.

Công tác y tế và dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt được nhiều thành tích tốt. Trạm y tế xã thực hiện tốt công tác khám và chữa bệnh cho nhân dân, tổ chức trực 24/24 giờ trong ngày. Đội ngũ y tế được bổ sung gồm có 1 bác sĩ, 1 điều dưỡng và 1 hộ sinh. Trạm luôn hoàn thành các chương trình y tế Quốc gia; tổ chức vận động quần chúng nhân dân tham gia các chiến dịch như tiêm chủng mở rộng, khám bệnh mắt hột, phòng chống lao, thực hiện kế hoạch hóa gia đình... Nhờ đó, trong những năm 2000-2005, trên địa bàn xã không xảy ra dịch bệnh nào, tỷ lệ người nhiễm các bệnh thông thường về tiêu hóa, mắt... giảm mạnh. Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng uống 6 loại vắc-xin đạt 100%, trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 26,7% (năm 2004).

Công tác kế hoạch hóa gia đình có sự chuyển biến tích cực. Số cặp vợ chồng đăng ký sử dụng các biện pháp tránh thai đạt tỷ lệ cao, 243/266 cặp (91,3%). Tỷ suất sinh thô 5%. Số người sinh con thứ 3 trở lên giảm, mỗi năm chỉ có từ 4-5 trường hợp.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thu hút được đông đảo người dân tham gia. Tỷ lệ số hộ đạt gia đình văn hóa hàng năm đều tăng, năm

2004 có 181/318 hộ, đạt 56,91% (tăng 10,91% so với năm 2001). Trong các thôn bản cũng hằng hái thi đua đạt danh hiệu “khu dân cư tiên tiến”, từng bước thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, giữ gìn truyền thống văn hóa. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì đều đặn. Cơ sở vật chất của đài truyền thanh xã tuy còn gặp nhiều khó khăn song vẫn đảm bảo công tác thông tin, duy trì giờ phát thanh đều đặn, thường xuyên tiếp sóng đài truyền thanh tuyến trên, phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật, tuyên truyền đường lối đổi mới đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Trong những năm 2000-2005, tình hình an ninh - chính trị trên thế giới và trong nước tiếp tục có những biến động phức tạp. Các thế lực thù địch lợi dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền, tăng cường hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước ta, gây mâu thuẫn, chia rẽ dân tộc nhằm thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình. Trước tình hình đó, Đảng bộ xã Lương Thượng luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước các thế lực thù địch, đồng thời kiên quyết đấu tranh bài trừ tội phạm xã hội. Ban Công an xã đã chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể, tham mưu cho cấp ủy Đảng tổ chức có hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, xây dựng phong trào an ninh nhân dân, phát hiện và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật, sâu sát với địa bàn dân cư, quản lý tốt công tác hộ tịch, hộ khẩu, bảo vệ tốt các ngày lễ tết, không để xảy ra mất ổn định.

Lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên được huấn luyện cả về giáo dục chính trị và trình độ tác chiến, năm

vững tư tưởng, diễn biến trong mọi tầng lớp nhân dân, nắm chắc địa bàn xã. Qua đó, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Thực hiện tốt công tác huấn luyện dân quân tự vệ đúng thời gian quy định với 100% quân số, trong hai năm 2001, 2002 đạt loại khá, các năm 2003, 2004, 2005 đạt loại giỏi. Công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự hàng năm được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, gắn liền với thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Quán triệt phương châm “Lấy công tác xây dựng Đảng làm nhiệm vụ then chốt” và Nghị quyết Trung ương V, khóa 9 về đổi mới, nâng cao chất lượng chính trị, về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng trong tình hình mới, công tác xây dựng Đảng có sự chuyển biến tích cực trên cả 3 phương diện: chính trị, tư tưởng, tổ chức.

Về chính trị - tư tưởng: Đảng bộ xã tổ chức triển khai kịp thời việc phổ biến, học tập các quan điểm, đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội của tỉnh, huyện. Đặc biệt là Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng. Đảng ủy cũng thường xuyên đổi mới hình thức tuyên truyền; quan tâm giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên, thiếu niên.

Công tác phát triển đảng viên mới luôn được Đảng bộ luôn chú trọng, coi đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm củng cố, xây dựng Đảng một cách vững chắc. Từ năm 2000-2005, Đảng bộ đã giới thiệu 50 quần chúng ưu tú tham gia các lớp cảm tình về Đảng, kết nạp được 14 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 79 đồng chí, sinh hoạt trong 6 chi bộ, trong đó có 1 chi bộ ghép (Nà Làng - Khuổi Nộc).

Công tác tổ chức Đảng được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định. Hàng tháng, Ban Chấp hành Đảng bộ sinh hoạt, kiểm điểm sự lãnh đạo, đồng thời nắm rõ hoạt động của các chi bộ, đoàn thể... để kịp thời đề ra nhiệm vụ cho tháng sau. Trong thời gian sáu tháng, Đảng bộ sẽ một lần ra Nghị quyết về nhiệm vụ an ninh trật tự, công tác quân sự địa phương, các Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng chi bộ, đảng viên... Hàng năm, Ban Chấp hành Đảng bộ xã ra Nghị quyết về nhiệm vụ công tác năm. Bên cạnh đó, Đảng bộ xã đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy Đảng và đảng viên để tạo ra sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Kết quả từ năm 2002-2005, Đảng bộ xã Lương Thượng luôn đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”. Riêng năm 2004 đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh toàn diện.

Công tác kiểm tra được tăng cường, Đảng bộ duy trì kiểm tra định kỳ trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước, trong việc thực hiện

nguyên tắc tập trung dân chủ, trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức cán bộ và đảng viên. Việc đánh giá, phân loại tổ chức Đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo khách quan, dân chủ, giữ vững kỷ luật; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo đúng quy trình.

Hội đồng nhân dân xã duy trì tốt mọi hoạt động theo luật định. Công tác chuẩn bị nội dung, chương trình và chất lượng các kỳ họp được nâng lên rõ rệt. Việc tiếp xúc và trả lời ý kiến cử tri được chuẩn bị chu đáo, cụ thể hơn. Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1999-2004 đã ban hành nhiều nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách và nghị quyết chuyên đề. Ủy ban nhân dân xã đã phát huy vai trò quản lý, điều hành trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, phối hợp tốt Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị đề ra.

Mặt trận Tổ quốc xã góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thông qua Mặt trận, chủ trương đường lối của Đảng đến với nhân dân, tạo sự đồng thuận trong mọi tầng lớp nhân dân, tăng cường khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa Đảng với dân.

Đoàn Thanh niên luôn là đội xung kích, tiên phong trên các mặt trận xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn 2000-2005, Đoàn đẩy mạnh phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, Đoàn còn triển khai nhiều

hoạt động xã hội sôi nổi như vận động đoàn viên thanh niên lên đường nhập ngũ đạt 100%; tổ chức cho đoàn viên vay vốn với tổng số tiền là 58 triệu đồng và hướng dẫn sử dụng vốn vay có hiệu quả.

Hội Phụ nữ xã thực hiện tốt các phong trào và chương trình do Trung ương Hội phát động, tuyên truyền vận động xây dựng mô hình gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị em phụ nữ đi đầu trong cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. Thông qua tổ chức Hội và sự giúp đỡ của các chị em, nhiều hội viên được vay vốn, phát triển sản xuất, được tập huấn chuyên giao khoa học - kỹ thuật... Tổng số vốn Hội đứng ra cho hội viên vay là 449 triệu đồng. Đến năm 2005, Hội Phụ nữ xã có 184 hội viên, tăng so với năm 2001 là 72 hội viên.

Hội Nông dân xã tập trung xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đến các bản. Các hội viên tăng cường vận động nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng vật nuôi, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, phát triển các ngành nghề truyền thống, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

Hội Cựu chiến binh xã phát huy truyền thống bộ đội Cụ Hồ, tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa. Hội viên cựu chiến binh xã đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, truyền thống anh hùng cách mạng, ý chí tự lực tự cường trong sản xuất, chiến đấu và bảo vệ quê hương.

II. TIẾP TỤC PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI; BƯỚC ĐẦU TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2005 - 2015)

1. Đảng bộ và nhân dân xã Lương Thượng đoàn kết, phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2005-2010

Được sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, giữa năm 2005, Đảng bộ xã Lương Thượng tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 2005-2010. Trong không khí thi đua của đất nước những năm đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đại hội đã nghiêm túc đánh giá kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2000-2005, chỉ ra những hạn chế còn tồn tại và giải pháp cần khắc phục nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân. Bên cạnh đó, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu trong nhiệm kỳ mới là: phát huy tối đa các nguồn lực sẵn có của địa phương, nêu cao ý chí tự lực tự cường tạo ra sức mạnh tổng hợp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương tạo sự nhất trí trong toàn Đảng. Nâng cao đời sống vật chất văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Đại hội đề ra các mục tiêu cụ thể cần đạt được đến năm 2010 là:

Tổng sản lượng lương thực quy thóc mỗi năm tăng bình quân từ 5-7 tấn, đến năm 2010 đạt 902 tấn, bình quân lương thực 500 kg/người/năm. Bình quân thu nhập đạt 4 triệu đồng/người/năm.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm, đến năm 2010, đàn trâu đạt 485 con, đàn bò 360 con, đàn lợn 1.272 con, gia cầm 8.000 con.

Thu ngân sách hàng năm đạt và vượt từ 10% trở lên theo kế hoạch.

Phấn đấu hoàn thành cơ sở hạ tầng, cơ bản xóa nhà tạm (nhà tre), hoàn thành các tuyến đường nội thôn và liên thôn.

Về văn hóa xã hội: 98% hộ dân sử dụng điện lưới Quốc gia, 80% hộ sử dụng nước sạch, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống 5%, huy động trẻ trong độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%, trẻ trong độ tuổi được uống 6 loại vắc-xin đạt 100%. Trong xã không có người sinh con thứ 3.

Phấn đấu Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh toàn diện, 5/6 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, xóa chi bộ ghép, các tổ chức đoàn thể trong sạch vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2005-2010 gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Duy Cầu được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lương Văn Chải làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy¹, đồng chí Lương Văn Hiến làm Phó Bí thư Đảng ủy (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Trên cơ sở đánh giá khách quan, trung thực những thế mạnh cũng như hạn chế còn tồn tại, Đảng bộ và chính quyền xã đã đề ra những giải pháp tích cực, đưa xã phát triển đi lên.

1. Từ năm 2007, đồng chí Ma Văn Côn thay đồng chí Lương Văn Chải đảm nhiệm chức Phó Bí thư Thường trực.

Trong phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp: Đảng bộ và chính quyền xã luôn xác định đây là ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương, cần tập trung các nguồn lực của địa phương về con người, lao động, kinh tế... để đạt được hiệu quả kinh tế cao. Từ đó, ổn định cuộc sống của nhân dân, thực hiện công tác định canh định cư, xóa đói, giảm nghèo cho người dân.

Trong 5 năm (2005-2010), Đảng ủy và chính quyền xã đã đề ra nhiều giải pháp thúc đẩy nông - lâm nghiệp phát triển như: đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi có năng suất và giá trị cao theo hướng sản xuất hàng hóa; tăng cường áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật; tăng hệ số quay vòng đất, nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích; từng bước kiên cố hóa hệ thống kênh mương, phai đập, đảm bảo nước tưới cho nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đẩy mạnh công tác khuyến nông khuyến lâm, tập trung phát triển những cây trồng cho sản lượng cao trở thành hàng hóa. Cải tạo vườn tạp để trồng cây ăn quả. Khuyến khích các hộ gia đình phát triển kinh tế trang trại.

Nhờ những biện pháp tích cực, xã đã mở rộng thêm được nhiều diện tích đất canh tác nông nghiệp, đạt 179,07ha, trong đó đất trồng màu là 99,76ha, đất rừng khoanh khoanh nuôi bảo vệ là 80,15ha. Diện tích đất trồng lúa tăng lên 60,62ha, đất nuôi trồng thủy sản là 4,38ha, đất 2 vụ lúa chủ động được nước là 38,2ha.

Trong 5 năm (2005-2010), tổng diện tích gieo trồng bình quân của xã đạt 214,14ha, trong đó diện tích cây lương thực bình quân đạt 206,41 ha/năm, đạt 100% mục

tiêu Đại hội đề ra. Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 863,02 tấn, năm 2009 đạt 1.011,24 tấn, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra 9,67%. Bình quân lương thực đầu người 548 kg/năm (năm 2009), tăng 48kg so với năm 2005. Hệ số sử dụng đất nông nghiệp đạt 2 lần.

Trong nông nghiệp việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng đã bước đầu tạo được hiệu quả sản xuất cao hơn trước. Diện tích trồng các cây công nghiệp như đậu tương, khoai môn, lạc... đạt giá trị kinh tế cao ngày càng được mở rộng. Trung bình mỗi năm xã gieo trồng được 4,2ha đỗ tương, năm 2009 thực hiện trồng cây khoai môn là 2,79ha. Trong xã triển khai nhiều chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nhân dân đều được hỗ trợ về phân bón, cách phòng bệnh và bảo quản nông sản sau thu hoạch. Năm 2009, xã bắt đầu triển khai mô hình cánh đồng 30 triệu/ha và 50 triệu/ha tuy nhiên hiệu quả thu được chưa cao.

Chăn nuôi gia súc lớn như trâu, bò ở xã có chiều hướng giảm. Năm 2009, đàn trâu có 270 con giảm so với năm 2005 là 99 con; đàn bò có 145 con, giảm 120 con. Nguyên nhân chính được xác định là do diện tích đồng cỏ bị thu hẹp, đất trồng cỏ bổ sung bị hạn chế, nhân dân có xu hướng chuyển đổi từ sức kéo của trâu bò sang mua máy cày. Diện tích nuôi trồng thủy sản của xã năm 2009 đạt 4ha (giảm 2ha so với trước). Tổng đàn lợn và gia cầm của xã có xu hướng tăng nhanh, đàn lợn năm 2009 có 1.483 con, tăng 16,5% so với mục tiêu Đại hội đề ra, đàn gia cầm 9.035 con, tăng 12,9% so với mục tiêu Đại hội.

Về lâm nghiệp: rừng được quản lý và bảo vệ tốt. Đội Kiểm lâm xã thường xuyên đi tuần tra, canh gác rừng tại

khu bảo tồn. Đồng thời kết hợp với nhân dân thực hiện khoán khoán nuôi, giao cho từng hộ gia đình quản lý và bảo vệ. Diện tích rừng trồng của xã năm 2008 đạt 33ha, chủ yếu là keo và mỗ.

Mặc dù còn có nhiều khó khăn trở ngại, tuy nhiên kinh tế của xã đã có sự chuyển dịch tốt. Tốc độ phát triển kinh tế hàng năm tăng 11,51%, đạt 109,6% chỉ tiêu Đại hội đề ra. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2009 đạt 4,5 triệu đồng, tăng 10,1% so với chỉ tiêu Đại hội đề ra. Đây là những kết quả đáng khích lệ, thể hiện hướng phát triển kinh tế ở địa phương là hoàn toàn đúng đắn và cần được phát huy hơn nữa trong những nhiệm kỳ tiếp theo.

Được sự quan tâm của các cấp Đảng ủy, chính quyền trong giai đoạn 2005-2010, xã tiếp tục được đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng làm nền tảng cho kinh tế - xã hội phát triển. Các công trình tập trung chủ yếu vào xây dựng trường học, trạm xá, giao thông, thủy lợi... Năm 2006 xây dựng kênh mương dẫn nước Nà Lặng, tổng đầu tư 600 triệu đồng từ nguồn vốn chương trình 135. Năm 2007, thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất 240 triệu đồng, làm đường Khuổi Nộc 800 triệu đồng, san ủi nền trường mầm non 250 triệu đồng, sửa cầu treo 130 triệu đồng. Năm 2008 xây mới 5 phòng học phân trường Khuổi Nộc 550 triệu đồng, xây hồ chứa nước Bản Giang 10 tỷ đồng. Năm 2009, san ủi mặt bằng khu tái định cư Khuổi Có 28 tỷ đồng, xây đập Vằng Đeng và mương tưới tiêu 31 tỷ đồng. Nhìn chung các công trình đều đạt được hiệu quả, chất lượng cao.

Trong nhiệm kỳ 2005-2010, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn xã đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao, năm sau cao hơn năm trước. Năm 2008, thu ngân sách đạt 1,042 tỷ đồng. Chi ngân sách hàng năm đảm bảo đúng luật, đúng chế độ.

Công tác phát triển giáo dục, y tế, văn hóa của xã tiếp tục đạt được những kết quả mới. Chất lượng dạy và học tiếp tục được nâng lên. Xã duy trì giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường tiểu học đạt 100%. Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt từ 94-98%. Chất lượng học sinh được nâng cao rõ rệt cả về trí lực, thể lực và đạo đức. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình trong công tác, tận tụy với học sinh. Trong 5 năm (2005-2010) xã đã có 40 học sinh đỗ các trường cao đẳng, đại học.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được thực hiện tốt. Trạm y tế xã luôn hoàn thành các chỉ tiêu về khám chữa bệnh, triển khai các chương trình y tế Quốc gia, tiêm chủng mở rộng đến toàn dân. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi được uống vắc-xin đạt 100%, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn 19,48%. Mặc dù cơ sở vật chất trạm còn nhiều khó khăn thiếu thốn nhưng đội ngũ y bác sĩ luôn tận tụy phục vụ người bệnh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Năm 2010, trạm y tế xã có 5 cán bộ gồm: 1 bác sĩ, 1 y sĩ, 2 y tá và 1 điều dưỡng.

Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì thường xuyên. Hàng năm, xã đều tổ chức hội xuân, trong đó các trò chơi truyền thống, các làn điệu dân ca được đưa vào chương trình. Ngoài ra nhân dịp các ngày

lễ lớn, các chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao của huyện tổ chức xã đều có đội tham gia. Hệ thống loa truyền thanh của xã đã được đầu tư và đưa vào hoạt động có hiệu quả từ năm 2006, phục vụ nhu cầu được 4/5 thôn bản.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh. Trong xây đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, gắn liền với việc thực hiện quy chế ở cơ sở, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Mỗi thôn bản đều xây dựng quy ước chung, đặc biệt là các quy định về việc cưới, việc tang, đảm bảo đơn giản gọn nhẹ nhưng vẫn giữ được thuần phong mỹ tục của địa phương.

Mặc dù còn nhiều khó khăn song Đảng ủy và chính quyền xã luôn quan tâm đến các chính sách xã hội như người có công, người nghèo, trẻ em mồ côi, tàn tật, người già không nơi nương tựa... Hàng năm, xã đều thực hiện chi trả trợ cấp cho các đối tượng chính sách theo đúng chế độ; tiến hành rà soát các đối tượng được hưởng chế độ chính sách về bảo trợ xã hội như cấp thẻ bảo hiểm y tế, giải quyết chế độ cho người cao tuổi; chính sách đối với người có công như triển khai thực hiện Nghị định 59/NĐ-CP, Quyết định 98/QĐ-TTg, chế độ đối với người bị nhiễm chất độc hóa học, chính sách hỗ trợ người có công, sửa chữa nhà ở... Các ngày lễ, tết, ngày 27/7... Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể xã đều tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Trẻ em nghèo, khuyết tật, mồ côi đều được quan tâm, động viên kịp thời.

Công tác xóa đói giảm nghèo và chương trình xóa nhà tranh tre dột nát cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách cũng được Đảng ủy, chính quyền và các ban ngành đoàn thể quan tâm thực hiện. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo của xã đã giảm từ 59,8% (năm 2005) xuống còn 25,8% (năm 2009).

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được Đảng ủy và chính quyền xã Lương Thượng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ. Việc giáo dục quốc phòng toàn dân được thực hiện thường xuyên. Thể trận phòng thủ được củng cố, tăng cường. Lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên được kiện toàn phù hợp với tình hình mới. Hàng năm, xã đều hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân, đạt chất lượng tốt. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên được thực hiện đúng kế hoạch. Chính sách hậu phương quân đội được thực hiện tốt.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Ban Công an xã tăng cường công tác thăm nắm địa bàn, nắm chắc tâm tư nguyện vọng và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Xây dựng thể trận an ninh nhân dân, phát động toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, tích cực tuyên truyền giáo dục pháp luật, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh ngay tại gia đình, thôn bản. Đảng ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội bằng nhiều biện pháp khác nhau như: tuyên truyền giáo dục, gọi hỏi các đối tượng, đấu tranh truy bắt, đưa ra xử lý một số đối tượng... Lực lượng công an viên được triển khai đầy đủ 5/5 thôn bản, giữ vững tình hình trị an địa phương, sự bình yên cho nhân dân.

Quán triệt quan điểm “phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt”, công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng bộ quan tâm. Cấp ủy Đảng đã xây dựng chương trình hành động, thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và các vụ việc nổi cộm, bức xúc. Đến năm 2009, cuộc vận động “Học tập và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được triển khai đều đặn, có sức lan toả tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong từng cán bộ, đảng viên, được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Các nội dung của cuộc vận động được triển khai đồng bộ, hàng năm tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập và viết bài thu hoạch, xây dựng chương trình, kế hoạch tu dưỡng rèn luyện đạo đức lối sống theo tấm gương Bác Hồ đạt trên 95%.

Các tổ chức chi bộ Đảng thường xuyên đẩy mạnh tự phê bình, phê bình; đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bước đầu tạo được một số chuyển biến tích cực. Chất lượng sinh hoạt Đảng được nâng lên. Hàng năm, Đảng bộ xã đều đạt trong sạch vững mạnh, không có chi bộ Đảng yếu kém.

Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm thực hiện. Qua các phong trào thi đua, hoạt động ở địa phương, Đảng bộ xã đều chú trọng việc phát hiện bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để kết nạp vào Đảng. Trong 5 năm 2005-2010, Đảng bộ xã đã kết nạp được 26 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ 97 đồng chí.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được quan tâm chú trọng. Đầu nhiệm kỳ 2005-2010, Ủy ban kiểm tra xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra. Trên cơ sở đó, hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ để xây dựng kế hoạch, công tác kiểm tra, giám sát có trọng tâm trọng điểm. Nội dung kiểm tra theo Điều 30 Điều lệ Đảng trong đó chú trọng vào việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đảng viên, kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân có nhiều cố gắng, phương thức hoạt động được đổi mới nhất là việc thực hiện vai trò đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở địa phương. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, hàng năm Hội đồng nhân dân đã xem xét, quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương và ban hành được các nghị quyết sát với thực tiễn cơ sở, đạt hiệu quả cao.

Hoạt động của Ủy ban nhân dân đạt kết quả tốt. Các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, các chế độ, chính sách đều được triển khai và phổ biến tới nhân dân, các nhiệm vụ kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng đều được xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ Thường

trực Ủy ban nhân dân xã luôn có sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, chủ động kiểm tra, giám sát các lĩnh vực công việc được phân công, không để xảy ra hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm. Do đó, hàng năm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều hoàn thành, nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Cơ chế “một cửa” trong giải quyết thủ tục hành chính dần đi vào nền nếp, tạo được sự tin tưởng và đồng thuận của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát huy tốt vai trò tập hợp quần chúng, tạo ra khối đại đoàn kết nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thông qua hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ cụ thể của cấp ủy, chính quyền địa phương được chuyển tải tới quần chúng nhân dân; tạo ra các phong trào thi đua yêu nước sôi nổi. Phát huy tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, phòng chống tội phạm, phòng chống các tệ nạn xã hội.

Trong nhiệm kỳ 2005-2010, mặc dù có nhiều khó khăn, thử thách song với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn Đảng bộ và nhân dân, xã đã đạt được những kết quả quan trọng. Kinh tế tăng trưởng với tốc độ khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, văn hóa xã hội có nhiều khởi sắc, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố và giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, đoàn thể có nhiều đổi mới. Đời sống vật chất

và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Mặc dù còn có một số yếu kém, hạn chế tuy nhiên những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân xã đạt được là nền tảng để Lương Thượng tiếp tục phấn đấu, vươn lên hoàn thành các nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

2. Đảng bộ xã Lương Thượng lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2010-2015, bước đầu triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới

Chấp hành Chỉ thị 37-CT/TW ngày 4-8-2009 của Bộ Chính trị về tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, tháng 5-2010, Đảng bộ xã Lương Thượng tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 2010-2015. Với tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm cao, Đại hội đã thắng thắn nhận xét những ưu, khuyết điểm trong nhiệm kỳ 2005-2010, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu trong nhiệm kỳ 2010-2015 là: phát huy tối đa các nguồn lực địa phương đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương tạo sự nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân. Đảm bảo an ninh xã hội. Nâng cao đời sống vật chất văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Đại hội đề ra các mục tiêu cụ thể đến năm 2015 là:

Về phát triển kinh tế: tổng sản lượng lương thực quy thóc hàng năm tăng bình quân đạt 65,7 tấn/năm. Phấn đấu đến năm 2015 đạt 1.361 tấn. Bình quân lương thực đạt 680 kg/người/năm. Chăn nuôi hướng đến phát triển đàn gia súc gia cầm. Năm 2015 có 235 con trâu, 41 con bò, 790 con lợn, 15.000 con gia cầm, gia súc. Thu ngân sách

hàng năm đạt và vượt từ 10-15% trở lên. Bình quân thu nhập đầu người đạt 9 triệu đồng/năm.

Phấn đấu hoàn thành cơ sở hạ tầng, xây dựng xong các tuyến đường nội thôn, liên thôn và trạm y tế xã.

Phấn đấu 98% số hộ được sử dụng điện lưới Quốc gia; giảm hộ nghèo 5% theo tiêu chí. Huy động trẻ đến tuổi vào lớp 1 hàng năm đạt 100%, trẻ trong độ tuổi uống vắc-xin 100%. Trong xã không có người sinh con thứ 3. Tỷ lệ tăng dân số ở mức 1%/năm.

Đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, đảm bảo công tác quân sự địa phương và thanh niên lên đường nhập ngũ hàng năm.

Phấn đấu xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện. Đảng bộ có từ 4-5/7 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, các tổ chức đoàn thể vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2010-2015 gồm 10 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 3 đồng chí: Lương Văn Hiến - Bí thư Đảng ủy, Nguyễn Công Thuyết - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Nguyễn Duy Cầu - Phó Bí thư Đảng ủy (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2010-2015, được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Na Rì, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Lương Thượng đã vượt qua những khó khăn, thử thách hoàn thành và vượt mức kế hoạch đề ra.

Trong sản xuất nông nghiệp: tổng diện tích cây lương thực hàng năm của xã, năm sau luôn cao hơn năm trước, đến năm 2014 đạt 242,6ha tăng 57,76ha so với năm 2010.

Trong đó, diện tích lúa xuân đạt 68,32ha (tăng 14,22ha so với năm 2010; diện tích ngô 85ha (tăng 29,5ha so với năm 2010). Hệ số quay vòng đất đạt 2 lần.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy xã, sản xuất nông nghiệp của xã có sự chuyển đổi tích cực theo hướng thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nhờ đó, năng suất và sản lượng cây trồng đều tăng. Năng suất lúa bình quân đạt 45 tạ/ha, ngô 37-39 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2010 đạt 1.148,59 tấn, đến năm 2014 tăng lên 1.270,023 tấn. Diện tích rau màu ngày càng được mở rộng, cung cấp đầy đủ nhu cầu hàng ngày và tăng thêm thu nhập cho nhân dân. An ninh lương thực của xã được đảm bảo, từng bước xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhân dân.

Hoạt động chăn nuôi chưa đạt được kế hoạch đề ra. Số lượng trâu, bò trong xã tiếp tục giảm do nhu cầu sử dụng sức kéo giảm, các công việc cày cấy được thay thế bằng máy móc. Năm 2015, đàn trâu có 168 con, đạt 60,2% mục tiêu đề ra, đàn bò có 47 con, giảm 33,57%. Đàn ngựa và gia cầm phát triển nhanh do nhu cầu vận chuyển hàng hóa và thực phẩm trong nhân dân tăng lên. Đàn ngựa có 32 con, đàn gia cầm 9.600 con. Công tác thú y, tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm còn hạn chế, hàng năm chỉ đạt trong bình từ 60-70%.

Về công tác lâm nghiệp: Đảng bộ và chính quyền xã chủ trương lãnh đạo phát triển theo hướng toàn diện: trồng, chăm sóc, khai thác và bảo vệ rừng. Đến năm 2014, rừng trồng theo Dự án 147 và Dự án 3PAD đạt 291,18ha

gồm keo và mỡ. Diện tích đăng ký rừng trồng phân tán năm 2014-2015 là 13 triệu cây, chủ yếu gồm mỡ, lát, xoan.

Trong phát triển tiểu thủ công nghiệp thương mại dịch vụ: Đảng bộ xã khuyến khích mọi thành phần kinh tế mở các dịch vụ buôn bán đảm bảo cung ứng các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tại địa phương, đảm bảo tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân, mở rộng thị trường ra khu vực khác... Tuy nhiên, các ngành tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ ở xã còn kém phát triển.

Thực hiện Nghị quyết 26/TW ngày 5-8-2008 của Ban chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16-04-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới, năm 2013, Đảng bộ và chính quyền xã Lương Thượng thực hiện xây dựng đề án “Nông thôn mới”. Đây là Chương trình mục tiêu Quốc gia có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, tạo nền móng cho phát triển kinh tế xã hội, văn hóa, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái, tạo môi trường sống bền vững. Vì vậy, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, Đảng bộ và chính quyền xã đã huy động các nguồn lực trong dân chúng tham gia đầu tư xây dựng. Năm 2014, xã đã xây dựng được đường nội thôn Bản Giang - Lán Vàng dài 1.287m, trong đó Nhà nước đầu tư 800 triệu đồng, nhân dân đối ứng 30%, chủ yếu bằng ngày công. Năm 2015, xã xây dựng được đường nông thôn mới ở hai thôn Nà Làng và Vằng Khít với tổng kinh phí 820 triệu đồng. Qua

2 năm thực hiện, xã đã hoàn thành 4/19 tiêu chí, tạo ra được hiệu ứng tích cực, thu hút đông đảo người dân tham gia ủng hộ.

Công tác quản lý đất đai được thực hiện tốt. Địa chính xã đảm bảo sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả; phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai; phù hợp với các chỉ tiêu tính phân bổ cho địa phương, cân đối quỹ đất đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh, khai thác tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường ở địa phương.

Hoạt động thu, chi ngân sách đảm bảo thu đúng, thu đủ, đúng luật. Thu ngân sách chủ yếu là thuế môn bài, phí và lệ phí, phí trước bạ và thu khác. Chi ngân sách đảm bảo chế độ chính sách, đạt 100% chỉ tiêu.

Hoạt động tín dụng đạt được hiệu quả cao. Trong 5 năm (2010-2015), xã đã cho vay các nguồn vốn từ ngân hàng chính sách xã hội 12 tỷ 300 triệu đồng. Việc thu hồi vốn thực hiện tốt, không có hộ nợ quá hạn.

Cơ sở vật chất kỹ thuật tiếp tục được đầu tư xây dựng. Về giao thông, năm 2010 xã hoàn thành đường Khuổi Kịch từ nguồn vốn 135, năm 2011 làm đường Nà Làng - Nà Thá thuộc dự án 3PAD, năm 2013 mở đường sản xuất Khuổi Nộc và Bản Giang, năm 2014 làm đường liên thôn Pàn Xả - Vằng Khít, Nà Thá từ nguồn vốn Chương trình CT229. Về thủy lợi, hoàn thành đập Vằng Deng, công trình kênh mương và trạm bơm Nà Làng. Bên cạnh đó, xã hoàn thành 3 nhà công vụ cho giáo viên ở trường mầm non, phân trường Khuổi Nộc và trường trung học cơ sở; nghiệm thu khu tái định cư Khuổi Có, hoàn thành trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo của xã tiếp tục đạt được kết quả tốt. Tỷ lệ học sinh đến trường hàng năm đều đạt cao; 100% trẻ trong độ tuổi vào lớp 1 và lớp 6 được đến trường. Qua cuộc vận động “Hai không” của Bộ Giáo dục, chất lượng giáo dục trong các nhà trường được nâng lên. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp 1 đạt 98%, tốt nghiệp cấp 2 đạt 100%. Tỷ lệ chuyển cấp bậc tiểu học và trung học cơ sở đạt 100%. Xã duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Đội ngũ giáo viên ngày càng được hoàn thiện về chuyên môn nghiệp vụ, yêu nghề mến trẻ, nhiều giáo viên được công nhận là giáo viên dạy giỏi cấp huyện cấp tỉnh. Tỷ lệ học sinh giỏi năm sau luôn cao hơn năm trước.

Công tác khuyến học khuyến tài được quan tâm phát triển trong các dòng họ, thôn bản. Đến năm 2015, xã đã thành lập được 10 chi hội với 295 hội viên, trong đó có 5 chi hội thôn bản, 3 chi hội nhà trường, 1 chi hội cơ quan và 1 chi hội dòng họ. Các chi hội đều hoạt động hiệu quả, kịp thời khen thưởng, động viên những học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập đồng thời khuyến khích nhân dân tạo điều kiện cho con em được học hành. Bên cạnh đó, xã đã xây dựng được 1 trung tâm học tập cộng đồng, phục vụ nhu cầu tìm hiểu nâng cao kiến thức của toàn dân.

Mặc dù cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh, song với sự cố gắng khắc phục khó khăn của tập thể cán bộ, nhân viên trạm y tế và đội ngũ y tế thôn bản, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được thực hiện tốt. Các chỉ tiêu về

khám chữa bệnh hàng năm đều đạt kế hoạch trên giao. Các chương trình y tế Quốc gia, chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện đầy đủ. Công tác phòng bệnh được quan tâm. Vì vậy trên địa bàn xã trong 5 năm (2010-2015) không có dịch bệnh lớn xảy ra. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng hàng năm giảm, năm 2014 còn 15,2%.

Công tác văn hóa thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh. Văn hóa truyền thống đã được khơi dậy, các hoạt động thể dục thể thao được duy trì và có nhiều đổi mới. Hệ thống trạm truyền thanh của xã được đầu tư và đưa vào hoạt động có hiệu quả. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Bình quân hàng năm số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa được 50 - 68%. Thôn Bản Giang 3 năm liền đạt danh hiệu thôn văn hóa, các thôn Nà Làng, Pàn Xả 2 năm liền đạt thôn văn hóa. Từ những kết quả trên đã tạo ra phong trào thi đua rộng khắp trong phát triển kinh tế, góp phần ổn định an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Trong nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ và chính quyền xã luôn quan tâm thực hiện các công tác chính sách xã hội như xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng quỹ khuyến học... Thực hiện hỗ trợ giảm nghèo, các ban ngành, đoàn thể của xã đã tích cực phối hợp cùng ngân hàng Chính sách xã hội, các cơ quan chuyên môn cho vay vốn hộ nghèo, hướng dẫn phát triển sản xuất, trợ cấp, cứu

đổi, tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn... Các hoạt động cứu trợ nhân đạo, xây dựng quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa được đông đảo nhân dân, cơ quan trường học tích cực tham gia. Việc giải quyết chế độ cho các đối tượng chính sách, các chính sách về bảo hiểm y tế, trợ cấp học sinh nghèo... đều được thực hiện theo đúng luật định.

Công tác quốc phòng - an ninh được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ. Việc giáo dục quốc phòng toàn dân được Đảng bộ chỉ đạo thực hiện thường xuyên, thể trận phòng thủ được củng cố. Lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên được tăng cường phù hợp với tình hình mới. Công tác tuyển quân, hàng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao, công tác huấn luyện dân quân, dự bị động viên luôn đạt 98,8% quân số trở lên, kiểm tra lực lượng dự bị động viên đạt 100%. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ đạt 22%. Ban Công an xã thường xuyên tuyên truyền giáo dục nâng cao cảnh giác của nhân dân trước mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân chủ, tôn giáo, lời kéo kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết nhân dân. Bên cạnh đó, lực lượng công an xã tiếp tục phối hợp với các cấp, các ngành tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, phòng chống âm mưu phá hoại của địch..

Công tác xây dựng Đảng được quan tâm thực hiện trên cả 3 lĩnh vực: chính trị tư tưởng, tổ chức và kiểm tra. Về chính trị, tư tưởng: Đảng bộ thường xuyên đổi mới về nội dung và phương pháp, chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng và dư luận xã hội; tích cực tuyên truyền cán bộ

đảng viên và nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên theo hướng mở rộng dân chủ, tăng cường đối thoại, trao đổi, tôn trọng và lắng nghe những ý kiến của nhân dân. Chú trọng chỉ đạo tuyên truyền nhân rộng các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua đó tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của cấp ủy, cán bộ, đảng viên về chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao được tinh thần tự phê bình, phê bình, trách nhiệm của đảng viên trong tham gia sinh hoạt đảng, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong công tác thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị góp phần vào việc xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng đảng hiện nay”, cấp ủy đã ban hành Quyết định thành lập bộ phận giúp việc, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động. Các nội dung theo chuyên đề hàng năm được triển khai đồng bộ, hàng năm tỷ lệ cán bộ, đảng viên tham gia học tập và viết bài thu hoạch, xây dựng chương trình, kế hoạch tu dưỡng rèn luyện đạo đức lối sống theo tấm gương Bác Hồ đều đạt trên 95%. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã có sức lan toả tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong từng cán

bộ, đảng viên và toàn xã hội, được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng đảng hiện nay*” được cấp ủy triển khai thực hiện nghiêm túc. Kết quả: toàn Đảng bộ có tổng số 9 tập thể, đơn vị và 103 cá nhân đảng viên được kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần của nghị quyết. Qua kiểm điểm, các tập thể và cá nhân, lãnh đạo cơ quan, đơn vị đã phát huy tốt được ưu điểm, đồng thời chỉ ra được những mặt hạn chế để xây dựng kế hoạch khắc phục trong thời gian tiếp theo.

Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được quan tâm và chú trọng thực hiện. Hàng năm, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy đều xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát; đồng thời chấp hành nghiêm túc kế hoạch kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện đúng quy trình, đánh giá đúng thực trạng, kịp thời phát hiện những sai sót yêu cầu chỉ bộ khắc phục đảm bảo đúng thủ tục thẩm quyền, có tính răn đe, giáo dục.

Phương thức lãnh đạo của Đảng bộ có nhiều đổi mới. Đảng ủy không chỉ đề ra chủ trương mà còn chú trọng chỉ đạo tổ chức thực hiện, quan tâm đến việc đề ra các giải pháp, lựa chọn các giải pháp đột phá, các khâu trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng. Trong tổ chức thực hiện, cấp ủy chú trọng phân công nhiệm vụ rõ ràng, đề cao trách nhiệm cá nhân, chỉ đạo phối hợp hoạt động giữa chính quyền, Mặt trận, đoàn thể. Lãnh

đạo Đảng ủy thường xuyên bám sát cơ sở, kịp thời xử lý những vướng mắc, nảy sinh.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã được đổi mới toàn diện. Hội đồng nhân dân thực hiện tốt chức năng giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân. Ủy ban nhân dân xã đã làm tốt công tác cải cách hành chính theo hướng gọn, nhẹ, hiệu quả, đảm bảo vai trò chỉ đạo nhân dân hoàn thành kế hoạch sản xuất và đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Mặt trận Tổ quốc tổ chức hoàn thành các bước quy trình hiệp thương, chỉ đạo các đơn vị lựa chọn giới thiệu các ứng cử viên, đề cử tri lựa chọn bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân theo đúng quy định. Đồng thời tổ chức bám sát vào nhiệm vụ chính trị phát động thi đua lập thành tích chào mừng ngày bầu cử, và tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Ngoài ra, Mặt trận còn củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, chăm lo giáo dục truyền thống, phổ biến chính sách pháp luật; phối hợp với các đoàn thể triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung, chỉ tiêu phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, biểu dương gia đình văn hóa tiêu biểu.

Đoàn Thanh niên thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên với nội dung “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”, đẩy mạnh giáo dục truyền thống trong các ngày lễ lớn. Hai phong trào do Đoàn phát động “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “4 đồng hành với thanh niên lập thân lập nghiệp” thu hút được đông đảo đoàn viên

thanh niên đăng ký tham gia, tạo được hiệu ứng xã hội tốt đẹp. Qua phong trào nhiều đoàn viên trở thành những tấm gương điển hình trong công tác phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo...

Hội Phụ nữ xã phát động phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập lao động sáng tạo xây dựng gia đình hạnh phúc” trong toàn thể hội viên. Thực hiện các Dự án như 1956, Dự án 3PAD... Hội đã tích cực hỗ trợ nghề cho các lao động nông thôn, vay vốn ngân hàng chính sách xã hội cho hội viên, hướng dẫn hội viên sử dụng vốn vay hiệu quả, tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi... Qua các phong trào của hội, nhiều hội viên phụ nữ thoát nghèo, vươn lên làm giàu, cải thiện cuộc sống gia đình và bản thân.

Hội Nông dân tích cực thực hiện chương trình khuyến nông, khuyến lâm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển kinh tế, tạo việc làm. Trong giai đoạn 2010-2015, hội đã bảo lãnh cho hội viên vay vốn với tổng số tiền 3.309 tỷ đồng, cùng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện mở được 7 lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật với tổng số 238 lượt người tham gia, cùng Dự án 3PAD thực hiện 23 lớp tập huấn về chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà, vịt... thu hút được 591 lượt người tham gia.

Hội Cựu chiến binh với bản chất “Bộ đội cụ Hồ” luôn tuyên truyền, vận động hội viên nâng cao ý chí, vượt qua khó khăn phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, Hội còn tích cực tham gia công tác chính quyền, bảo vệ an ninh chính trị ở địa phương.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 30-5-2014 của Bộ Chính trị về việc tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Tháng 6-2015, Đảng bộ xã Lương Thượng đã long trọng tổ chức Đại hội lần thứ VI, nhiệm kỳ 2015-2020. Đại hội nghe Báo cáo chính trị về tình hình thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2010-2015, phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra các mục tiêu chủ yếu đến năm 2020 là:

- Về kinh tế: diện tích gieo trồng mỗi năm tăng 6ha, phấn đấu đến năm 2020 đạt 328,55ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 1.620 tấn. Bình quân lương thực đạt 700 kg/người/năm. Tổng đàn trâu, bò, ngựa, dê đạt 300 con, đàn lợn 1.100 con, gia cầm 12.000 con. Diện tích rừng trồng mới đạt 10 ha/năm. Độ che phủ rừng 70%. Thu ngân sách phấn đấu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Chi ngân sách thực hiện theo đúng kế hoạch huyện giao.

- Tập trung các nguồn vốn và huy động sức dân tiếp tục đầu tư xây dựng nông thôn mới về giao thông nội thôn, đường sản xuất, công trình thủy lợi, trạm xá, trường học, công trình nước sinh hoạt, điện lưới nông thôn...

- Mỗi năm giảm 5% hộ nghèo trở nên.

- Hàng năm phấn đấu huy động trẻ trong độ tuổi vào mẫu giáo đạt 90%, vào lớp 1 đạt 100%, vào lớp 6 đạt 100%, tỷ lệ học sinh khá 25%, học sinh giỏi 15%, chuyển lớp 98%, chuyển cấp 100%. Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Thực hiện đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Phân đấu mỗi năm hoàn thành 1 tiêu chí trở lên trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Đến năm 2020 có 65% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, thôn văn hóa 3 năm trở lên.

- Làm tốt công tác quốc phòng địa phương, phân đấu đạt 100% kế hoạch giao quân, hàng năm huấn luyện theo đúng kế hoạch, tập huấn bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật quản lý bảo vệ rừng, khai thác khoáng sản.

- Hàng năm phân đấu kết nạp 9 đảng viên mới trở lên, phân loại 100% đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng, có 60% trở lên tổ chức Đảng đạt trong sạch vững mạnh. Chính quyền đăng ký đạt đơn vị văn hóa. Thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí, trong phiên họp đầu tiên Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Lương Văn Hiến làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Công Thuyết làm Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, đồng chí Nông Thiêm Pha - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Mặc dù thời gian thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa VI, nhiệm kỳ 2015-2020, vừa mới bắt đầu nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội trên địa bàn có những bước phát triển vượt bậc. Đảng bộ xã đã biết kế thừa và vận dụng một cách sáng tạo kinh nghiệm của các thế hệ đi trước,

tranh thủ điều kiện, ủng hộ của cấp trên, biến những khó khăn, thách thức thành những thời cơ thuận lợi, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn một cách hợp lý và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Chặng đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn còn dài, nhưng với truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết, lao động cần cù, thông minh, sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân xã Lương Thượng chắc chắn sẽ vượt qua mọi khó khăn, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, dân chủ và văn minh.

KẾT LUẬN

Trải qua quá trình dựng nước và giữ nước, chiều dài lịch sử của xã Lương Thượng gắn liền với quá trình con người đến vùng đất này để mở đất dựng thôn, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh bảo vệ quê hương đất nước. Qua những cuộc đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, đấu tranh chống địch họa đã hun đúc nên truyền thống đoàn kết, vẻ vang trong lao động sản xuất, anh hùng trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.

Dưới ánh sáng soi đường, dẫn dắt của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân xã Lương Thượng với truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động, kiên cường bất khuất trong đấu tranh đã không ngừng phấn đấu, vượt qua vô vàn thử thách, khó khăn, giành được những thắng lợi to lớn.

Trong những năm 1930-1945, ảnh hưởng của Việt Minh đã lan tỏa đến huyện Na Rì trong đó có xã Lương Thượng đã thu hút đông đảo người dân tập hợp dưới lá cờ cách mạng đứng lên lật đổ chính quyền thực dân phong kiến.

Từ trong phong trào đấu tranh cách mạng, Chi bộ Đảng xã Lương Thượng đã được thành lập năm 1947. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Chi bộ

Đảng và nhân dân xã Lương Thượng với tinh thần “*Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”, đã không ngừng phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, vượt qua khó khăn cùng nhân dân cả nước vừa thi đua lao động sản xuất vừa kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), xã Lương Thượng là vùng tự do, lại có vị trí thuận lợi đi lại giữa các huyện Ba Bể, Ngân Sơn (Bắc Kạn), Bình Gia (Lạng Sơn)... vì vậy, xã nằm trong hậu phương kháng chiến vững chắc của tỉnh Bắc Kạn, cũng như chiến khu Việt Bắc. Nhân dân trong xã với tinh thần “kháng chiến cứu quốc” đã không quản ngại khó khăn, nguy hiểm tham gia vận chuyển, cất giấu lương thực thực phẩm, vũ khí đạn dược cung cấp cho chiến trường. Đồng thời, xã cũng là căn cứ an toàn cho các đơn vị bộ đội quân giới đến sơ tán về địa phương.

Sự trưởng thành của tổ chức Đảng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là yếu tố quan trọng giúp cán bộ, nhân dân Lương Thượng hoàn thành tốt các nhiệm vụ và các mục tiêu kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện nhân lực, vật lực cho tiền tuyến lớn miền Nam trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, trong hơn 20 năm, quân và dân xã Lương Thượng đã đóng góp hàng trăm tấn lương thực, thực phẩm phục vụ cho chiến trường. Lớp lớp những người con của quê hương đã xung phong lên

đường nhập ngũ, tham gia dân quân, dân công hỏa tuyến, trong đó nhiều người đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Nhìn lại chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với những thành quả đã đạt được cũng như những hạn chế, khó khăn còn tồn tại trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, Đảng bộ xã Lương Thượng đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu:

Một là, xác định công tác xây dựng Đảng luôn luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Qua thực tiễn lịch sử đấu tranh và xây dựng đất nước, có thể khẳng định: sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thành công. Vì vậy, công tác tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt. Đối với địa phương, Đảng bộ phải thật sự là những đại diện tiêu biểu của nhân dân, đủ năng lực đưa ra quyết định đúng đắn, kịp thời, định hướng cho các hoạt động của nhân dân. Để có thể đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, đòi hỏi Đảng bộ phải luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng trên các mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức.

Về mặt chính trị, công tác giáo dục, bồi dưỡng chính trị luôn được Đảng bộ quan tâm. Nhiều lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ đảng viên luôn được tổ chức tại địa bàn cho đội ngũ cán bộ chủ chốt. Về mặt tư tưởng, các đảng viên trong Đảng bộ xã luôn kiên định lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lập trường này được

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) khẳng định đó là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng ta. Về mặt tổ chức, Đảng bộ xã đã luôn chú trọng đến công tác kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ đã đề cao nguyên tắc tự phê bình và phê bình, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo tốt phong trào cách mạng ở địa phương.

Hai là phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, sức mạnh đoàn kết toàn dân trong xây dựng và phát triển phong trào cách mạng.

Trải qua từng thời kỳ cách mạng, truyền thống đoàn kết của cán bộ đảng viên và nhân dân xã Lương Thượng đã trở thành một sức mạnh to lớn, biểu hiện trong các cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ xã Lương Thượng luôn lắng nghe ý kiến của nhân dân, phản ánh mong muốn nguyện vọng chính đáng của nhân dân đến với Đảng. Từ đó xây dựng những chủ trương chính sách phù hợp, làm cho ý Đảng hợp lòng dân vượt qua mọi khó khăn thử thách. Truyền thống đó đã xây đắp nên mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân: Đảng vì dân, dân tin Đảng.

Ba là tuyệt đối trung thành với đường lối cách mạng và mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu trong từng giai đoạn cách mạng.

Trong những năm tháng cùng nhân dân cả nước đấu tranh giành chính quyền làm chủ đất nước, nhân dân xã đã đứng lên biểu tình ủng hộ cách mạng, lật đổ chính quyền

phong kiến tay sai của thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành chính quyền ngay trong tháng 3-1945. Khởi nghĩa từng phần thành công ở xã Lương Thượng đã góp phần làm nên thành công chung của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong cả nước. Những năm tháng kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân xã xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vượt qua gian khổ, đóng góp to lớn sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần vào chiến công chung của dân tộc. Sau khi đất nước thống nhất năm 1975, Chi bộ xã đã lãnh đạo nhân dân thực hiện sáng tạo những chủ trương của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đẩy mạnh sản xuất đưa kinh tế địa phương phát triển. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu đã được Chi bộ, Đảng bộ nhân dân xã Lương Thượng phát huy mạnh mẽ trong lao động sản xuất, xây dựng quê hương. Đó là dựa trên cơ sở thực tiễn đúng đắn và chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, bám sát thực tế địa phương, luôn xác định rõ và tổ chức toàn thể thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng tâm chủ yếu trong từng giai đoạn cách mạng, góp phần xây dựng quê hương Lương Thượng ngày một phát triển, giàu mạnh và văn minh.

Bốn là phát huy cao độ ý chí tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, gian khổ giành thắng lợi trong chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đây là một bài học có ý nghĩa to lớn ở mỗi chặng đường cách mạng, phát huy truyền thống tạo nên sức

mạnh tổng hợp chiến thắng mọi kẻ thù. Thực tiễn lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã đã chứng minh rất rõ điều đó. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ với tinh thần “đem sức ta mà giải phóng cho ta” nhân dân xã Lương Thượng đã không ngừng cố gắng tạo thực lực từ bên trong để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược. Trong hoàn cảnh chiến tranh, quân và dân xã Lương Thượng không ngừng lao động sản xuất, trở thành hậu phương cho tiền tuyến lớn, góp phần làm nên những thắng lợi vô cùng vẻ vang cho dân tộc. Bước sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân xã Lương Thượng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã phát huy thế mạnh của địa phương. Từ đó tạo ra thế và lực mạnh mẽ, xây dựng quê hương giàu đẹp.

Năm là phát huy trí tuệ tập thể, năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm, sớm xây dựng những điển hình tiên tiến trong các phong trào cách mạng.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân đấu tranh và xây dựng quê hương, Đảng bộ xã đã thể hiện rõ việc thực hiện kinh nghiệm thực tiễn này. Trong chiến đấu cũng như trong lao động sản xuất, xuất hiện ngày càng nhiều những gương người tốt, việc tốt. Từ đó Đảng bộ tuyên dương đề nhân dân học tập và noi theo. Nhờ đó, việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên trở nên thuận lợi hơn, đảm bảo việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tế hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành của Chi bộ, Đảng bộ xã Lương Thượng là tài sản tinh thần to lớn từ sự cống

hiến của lớp lớp cán bộ đảng viên và nhân dân trên địa bàn. Những thành quả có được trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc được rút ra từ khói lửa chiến tranh, từ mồ hôi xương máu của bao thế hệ cán bộ đảng viên và nhân dân sẽ mãi mãi là niềm tự hào đối với Đảng bộ và nhân dân xã Lương Thượng. Những bài học kinh nghiệm đó còn mang giá trị thực tiễn đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ trong giai đoạn cách mạng mới, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng xã Lương Thượng ngày càng giàu đẹp.

PHỤ LỤC

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ LƯƠNG THƯỢNG 1947-2015

NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG NHỚ CỦA ĐẢNG BỘ XÃ LƯƠNG THƯỢNG

- Đầu năm 1946 xã Lương Thượng được thành lập (bao gồm phần đất của 3 xã Lương Thượng, Kim Hỷ, Lạng San ngày nay).

- Cuối năm 1947, Chi bộ xã Lương Thượng được thành lập.

- Năm 1955, xã Lương Thượng chia tách thành 3 xã: Bạch Đằng (Lương Thượng), Quốc Tuấn (Kim Hỷ) và Văn Lang (Lạng San).

- Theo Quyết định 150-QĐ/NV ngày 12-5-1964 của Bộ Nội vụ về việc đổi tên một số xã, thị trấn của tỉnh Bắc Kạn, xã Bạch Đằng đổi tên là xã Lương Thượng

- Tháng 5-1993, Ban Thường vụ Na Rì ra Quyết định số 194/QĐ-HU công nhận Đảng bộ xã Lương Thượng trực thuộc Huyện ủy.

DANH SÁCH CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA

STT	Họ và tên	Thôn
1	Nguyễn Tiến Nôm	Bản Giang
2	Nguyễn Thanh Bảo	Pàn Xả
3	Lương Văn Khang	Pàn Xả
4	Nguyễn Duy Bàn	Vằng Khít
5	Nguyễn Công Nấn	Bản Giang

DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ ĐẢNG BỘ QUA CÁC THỜI KỲ

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Chức danh
1	Hoàng Đức Oanh	1947 - 1948	Bí thư Chi bộ
2	Nông Thiêm Tửu	1949 - 1956	Bí thư Chi bộ
3	Nguyễn Công Nấn	1957 - 1958	Bí thư Chi bộ
4	Nguyễn Công Việt	2/1958 - 3/1960	Bí thư Chi bộ
5	Đinh Văn Tạ	4/1960 - 11/1974	Bí thư Chi bộ
6	Nguyễn Thanh Bảo	1974 - 1976	Bí thư Chi bộ
7	Nguyễn Công Việt	1976 - 1977	Bí thư Chi bộ
8	Lương Văn Sắn	2/1977 - 9/1978	Bí thư Chi bộ
9	Nông Thiêm Sầm	10/1978 - 4/1988	Bí thư Chi bộ
10	Lương Văn Pjai	4/1988 - 8/1988	Quyền Bí thư Chi bộ
11	Nông Công Huyền	8/1988 - 7/1989	Bí thư Chi bộ
12	Nông Thiêm Đậu	7/1989 - 2/1992	Bí thư Chi bộ
13	Bế Xuân Lung	1992 - 1995	Bí thư Đảng bộ
14	Nông Thiêm Khuyên	1995 - 2000	Bí thư Đảng bộ
15	Nguyễn Duy Cầu	9/2000 - 5/2010	Bí thư Đảng bộ
16	Lương Văn Hiến	Từ 6/2010	Bí thư Đảng bộ

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ BÍ THƯ CHI BỘ,
CHI ỦY VIÊN PHỤ TRÁCH TỔ CHỨC THƯỜNG TRỰC ĐẢNG;
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC ĐẢNG ỦY QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Chức danh
1	Hoàng Văn Seng	1947 - 1948	Phó Bí thư Chi bộ
2	Hoàng Ích Thọ	1949 - 1956	Phó Bí thư Chi bộ
3	Hoàng Văn Dền	1957 - 1959	Phó Bí thư Chi bộ
4	Nguyễn Duy Bàn	1960 - 1973	Phó Bí thư Chi bộ
5	Lương Văn Pjai	1974 - 1988	Phó Bí thư Chi bộ, Chi ủy viên phụ trách tổ chức
6	Hoàng Văn Tiến	1989 - 1992	Phó Bí thư Chi bộ
7	Hoàng Minh Tân	1992 - 1996	Phó Bí thư Đảng ủy
9	Phương Thị Kỷ	1996 - 2000	Phó Bí thư TT ĐU
10	Lương Văn Chải	2000 - 2007	Phó Bí thư TT ĐU
11	Ma Văn Côn	2007 - 2010	Phó Bí thư TT ĐU
12	Nguyễn Công Thuyết	2010 - 2015	Phó Bí thư TT ĐU

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Bế Xuân Lung	1994 - 1999	
2	Nguyễn Duy Cầu	1999 - 2011	
3	Lương Văn Hiến	2011- 2015	

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Chức danh
1	Nguyễn Duy Bàn	1945 - 1946 1960 - 1961	Chủ tịch UBCM LT Chủ tịch UBHC
2	Phương Văn Phụng	1946 - 1948	Chủ tịch UBKCHC
3	Hoàng Văn Khải	1949 - 1952	Chủ tịch UBHC
4	Hoàng Văn Thắng	1952 - 1954	Chủ tịch UBHC
5	Hoàng Văn Dền	1955 - 1959	Chủ tịch UBHC
6	Nông Thiêm Quốc	1959 - 1960 1961 - 1965	Chủ tịch UBHC
7	Nguyễn Công Thanh	1966 - 1968	Chủ tịch UBHC
8	Hoàng Như Lược	1969 - 1973	Chủ tịch UBHC
9	Nguyễn Công Nhật	1973 - 1976	Chủ tịch UBHC
10	Phương Văn Sinh	1977 - 1978	Chủ tịch UBND
11	Nguyễn Công Chít	1979 - 1981	Chủ tịch UBND
12	Nguyễn Công Oánh	1981 - 1985	Chủ tịch UBND
13	Bế Xuân Lung	1985 - 1986	Chủ tịch UBND
14	Nguyễn Công Oánh	1987 - 1988	Chủ tịch UBND
15	Nông Thiêm Thái	1989 - 1994	Chủ tịch UBND
16	Bế Ngọc Thế	1994 - 2002	Chủ tịch UBND
17	Lương Văn Hiến	9/2002 - 5/2010	Chủ tịch UBND
18	Nguyễn Duy Cầu	6/2010 - 8/2015	Chủ tịch UBND
19	Nông Thiêm Pha	Từ 9/2015	Chủ tịch UBND

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nông Thị Hiền	1955 - 1959	
2	Nguyễn Công Thanh	1960 - 1965	
3	Nông Thiêm Quốc	1966 - 1968	
4	Nông Thị Thứ	1969 - 1972	
5	Hoàng Như Lược	1973 - 1975	
6	Nông Thiêm Sầm	1976 - 1978	
7	Nguyễn Công Oánh	1979 - 1981	
8	Bế Xuân Lung	1982 - 1984	
9	Nguyễn Công Chít	1985 - 1988	
10	Hoàng Văn Cháp	1989 - 1991	
11	Nông Thiêm Văn	1992 - 1993	
12	Lương Văn Chải	1994 - 1998	
13	Lương Văn Hiến	1999 - 2002	
14	Nguyễn Công Thuyết	2003 - 2010	
15	Ma Văn Côn	2010 - 2011	
16	Nguyễn Công Lực	2011 - 2015	
17	Lương Văn Liêm	Từ 2015	

**DANH SÁCH TRƯỞNG CÔNG AN XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nông Thị Hiền	1955 - 1959	
2	Nguyễn Công Thanh	1960 - 1965	
3	Nông Thiêm Quốc	1966 - 1968	
4	Nông Thị Thứ	1969 - 1972	
5	Hoàng Như Lược	1973 - 1975	
6	Nông Thiêm Sầm	1976 - 1978	
7	Nguyễn Công Oánh	1979 - 1981	
8	Bế Xuân Lung	1982 - 1984	
9	Nguyễn Công Chít	1985 - 1988	
10	Hoàng Văn Cháp	1989 - 1990	
11	Nguyễn Công Oánh	1990 - 1992	
12	Bế Ngọc Thế	1992 - 1994	
13	Lương Văn Chải	1994 - 1998	
14	Hoàng Văn Tuấn	1999 - 2004	
15	Nông Thiêm La	2004 - 2015	

**DANH SÁCH XÃ ĐỘI TRƯỞNG, CHỈ HUY TRƯỞNG
BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ XÃ QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nông Đức Thìn	1951 - 1953	
2	Nguyễn Công Thủ	1954 - 1955	
3	Lương Văn Hàm	1956 - 1960	
4	Nguyễn Công Thanh	1961 - 1963	
5	Lương Văn Thường	1964 - 1965	
6	Nông Thiêm Túc	1966 - 1967	
7	Nguyễn Công Chít	1968 - 1969	
8	Nông Thiêm Túc	1970 - 1975	
9	Nguyễn Công Thanh	1976 - 1978	
10	Hoàng Như Lược	1979 - 1982	
11	Nguyễn Công Chít	1983 - 1984	
12	Nguyễn Công Oánh	1985 - 1986	
13	Nông Thiêm Dậu	1987 - 1989	
14	Bé Ngọc Thế	1990 - 1991	
15	Nông Thiêm Khuyên	1992 - 1994	
17	Nguyễn Công Ngạch	1994 - 1999	
18	Nguyễn Công Dũng	2000 - 2013	
19	Đồng Văn Huân	2013 - 2015	

**CHỦ TỊCH MẶT TRẬN TỔ QUỐC XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nông Thiêm Tửu	1960 - 1974	
2	Nông Thiêm Túc	1975 - 1979	
3	Đinh Văn Tạ	1980 - 1985	
4	Hà Văn Ất	1986 - 1989	
5	Nguyễn Công Ngạch	1990 - 1995	
6	Hoàng Minh Tân	1996 - 1998	
7	Nguyễn Công Trân	1999 - 2003	
8	Nông Thiêm Quý	2003 - 2015	

DANH SÁCH BÍ THƯ ĐOÀN THANH NIÊN
QUA CÁC THỜI KỲ

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Phuong Văn Tinh	1946 - 1949	
2	Lương Văn Khang	1949 - 1956	
3	Phuong Văn Sinh	1956 - 1960	
4	Lương Văn Pjai	1961 - 1963	
5	Nông Thiêm Túc	1964 - 1970	
6	Nguyễn Công Oánh	1970 - 1975	
7	Hoàng Văn Hợp	1976 - 1977	
8	Nguyễn Công Oánh	1977 - 1979	
9	Nông Thiêm Văn	1979 - 1980	
10	Nông Thiêm Thụ	1980 - 1981	
11	Hoàng Khải Ngọc	1981 - 1982	
12	Nguyễn Công Tiềm	1983 - 1984	
13	Lương Ngọc Hoan	1984 - 1997	
14	Hoàng Văn Tuân	1998 - 2000	
15	Lương Chí Tuệ	2001 - 2006	
16	Hoàng Văn Thắng	2006 - 2009	
17	Nông Thiêm Luân	2009 - 2013	
18	Nông Văn Lịch	2013 - 2015	

DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI PHỤ NỮ XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Lý Thị Lò	1946 - 1955	
2	Ma Thị Diệu	1956 - 1960	
3	Nguyễn Thị An	1961 - 1964	
4	Nguyễn Thị Diễm	1965 - 1968	
5	Bế Thị Ét	1969 - 1972	
6	Nông Thị Thứ	1973 - 1975	
7	Hoàng Thị Chúc	1975 - 1977	
8	Lương Thị Nhung	1978 - 1984	
9	Đinh Thị Chỏi	1984 - 1996	
10	Hoàng Thị Nhung	1/1997-6/1997	
11	Nông Thị Mai	6/1997-12/1997	
12	Nông Thị Kìa	1998 - 2001	
13	Nông Thị Vy	2001 - 2015	

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Bảo	1991 - 1996	
2	Nông Tiến Lại	03/1997 - 09/2001	
3	Nguyễn Công Hải	09/2001 - 03/2007	
4	Trần Văn Chuyển	03/2007 - 2015	

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI NÔNG DÂN XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Ghi chú
1	Nông Thiêm Thuyết	1992 - 1996	
2	Lương Văn Tiến	1997 - 2009	
3	Hoàng Văn Thắng	2009 - 2015	

**DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC TẶNG, TRUY TẶNG
HUY HIỆU ĐẢNG**

STT	Họ và tên	Vào Đảng	Loại huy hiệu	Chi bộ
1	Nguyễn Duy Bàn	12/3/1950	50	Vằng Khít
2	Lương Văn Hàm	18/7/1956	50	Bản Giang
3	Lương Văn Sắn	06/7/1964	50	Bản Giang
4	Lương Văn Piai	19/9/1966	50	Bản Giang
5	Nguyễn Công Trân	11/10/1968	45	Bản Giang
6	Giăng A Chúng	15/5/1969	45	Khuổi Nộc
7	Nông Công Huyền	24/12/1969	45	Nà Làng
8	Nông Thiêm Đô	19/5/1972	45	Nà Làng
9	Hoàng Văn Dền	02/4/1948	40	Nà Làng
10	Hoàng Như Lược	22/12/1959	40	Vằng Khít
11	Lương Văn Khang	17/3/1961	40	Pàn Xả
12	Nguyễn Công Chít	14/02/1967	40	Nà Làng
13	Hoàng Minh Tân	30/4/1972	40	Bản Giang
14	Nông Tiến Lại	30/6/1973	40	Vằng Khít
15	Nguyễn Duy Cầu	19/12/1980	30	Vằng Khít
16	Nông Thiêm Đậu	07/6/1982	30	Pàn Xả
17	Nông Thiêm Khuyên	07/8/1983	30	Vằng Khít
18	Phương Thị Kỷ	07/5/1985	30	Nà Làng
19	Nguyễn Công Chính	19/10/1986	30	Pàn Xả

DANH SÁCH LIỆT SỸ XÃ LƯƠNG THƯỢNG

STT	Họ và tên	Năm hy sinh	Ghi chú
1	Lương Văn Lả	13/4/1954	Bản Giang
2	Nguyễn Văn Vạn	27/12/1947	Bản Giang
3	Lương Văn Minh	21/11/1966	Bản Giang
4	Nguyễn Công Thắm	15/01/1968	Nà Làng
5	Nông Đức Toàn	26/8/1969	Nà Làng
6	Lương Văn Thảo	28/5/1972	Bản Giang
7	Nông Thiêm Thự	15/8/1972	Pàn Xả
8	Nông Thiêm Hoàn	14/4/1972	Vằng Khít
9	Lương Văn Hoạt	25/4/1972	Pàn Xả
10	Trần Thế Lợi ⁽¹⁾		Bản Giang
11	Bế Đình Nghe	21/4/1948	Nà Làng

(1) Đã chuyển về Quảng Ninh

**DANH SÁCH CON EM XÃ LƯƠNG THƯỢNG ĐÃ VÀ
ĐANG GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO TRONG CƠ QUAN
ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, LỰC LƯỢNG VŨ TRANG**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Công Việt	Phó trưởng ty Thủy lợi tỉnh Bắc Thái
2	Nguyễn Công Nấn	Chủ tịch UBND huyện Na Rì
3	Nguyễn Thanh Bảo	Huyện đội trưởng huyện đội Na Rì
4	Nông Thiêm Vị	Phó trưởng ty Thương nghiệp tỉnh Bắc Thái
5	Lương Văn Khang	Ủy viên ủy ban hành chính huyện, trưởng phòng giáo dục huyện Na Rì
6	Nông Công Huyền	Trưởng phòng tài chính huyện Na Rì
7	Nguyễn Công Thuận	Trung tá, Phó Giám đốc nhà máy Z115 - Bộ Quốc phòng
8	Nguyễn Công Hồ	Hiệu trưởng trường THPT Na Rì
9	Phương Văn Khảo	Giám đốc Công ty lâm nghiệp Bắc Thái
10	Ma Văn Cảnh	Phó Chính ủy - Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai
11	Nguyễn Non Nước	Tổng Biên tập báo Bắc Kạn
12	Nông Thị Kan	Thầy thuốc ưu tú - Giám đốc Trung tâm chăm sóc bảo vệ bà mẹ trẻ em tỉnh Bắc Kạn
13	Nguyễn Thị Toàn	Phó Chủ tịch UBND huyện Na Rì
14	Nguyễn Công Ngân	Trưởng phòng Chi cục lâm nghiệp BK
15	Nguyễn Công Thái	Chánh tòa hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn
16	Lương Văn Hiệu	Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo huyện Na Rì
17	Lương Ngọc Tuyến	Chánh thanh tra - Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn

18	Nguyễn Công Trung	Trưởng ban Hậu cần Tỉnh đội Bắc Kạn (Thượng Tá)
19	Lương Văn Thống	Trưởng phòng Kinh tế Đối ngoại Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Kạn
20	Vũ Đình Viết	Trưởng phòng nghiệp vụ y tế - Sở Y tế
21	Nguyễn Công Lệnh	Phó Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội Bắc Kạn
22	Lương Văn Huế	Trưởng khoa cấp cứu bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU

7

Chương I

LƯƠNG THƯỢNG - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	11
II. Quá trình hình thành vùng đất và truyền thống lịch sử, văn hóa	15

Chương II

LƯƠNG THƯỢNG TRONG THỜI KỲ VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

I. Lương Thượng trong cuộc vận động giải phóng dân tộc tiến tới giành chính quyền năm 1945	25
II. Nhân dân Lương Thượng tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)	37

Chương III

NHÂN DÂN LƯƠNG THUỜNG GÓP SỨC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CHI VIÊN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ XÂM LƯỢC (1954-1975)

- I. Khôi phục kinh tế, bước đầu xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (1954-1965) 51
- II. Chi bộ đảng lãnh đạo nhân dân làm tốt hai nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965-1975) 70

Chương IV

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1976-1995)

- I. Mười năm xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1976-1985) 83
- II. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1995) 98

Chương V

LƯƠNG THUỜNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2015)

- I. Tận dụng các nguồn lực phát triển, vững bước tiến vào thế kỷ XXI (1996-2005) 115
- II. Tiếp tục phát huy các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; bước đầu triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới (2005 - 2015) 134

KẾT LUẬN 161

PHỤ LỤC 169

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu Hà Nội – ĐT: (84.04). 39434044 - 62631715

Fax: 04.39436024. Website: nxbthanhnienvn.vn;

email: nxbthanhnienvninfo@gmail.com

Chi nhánh: 27B Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (08) 39305243

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ LƯƠNG THƯỢNG
(1947-2015)**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập: LÊ THANH HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ LƯƠNG THƯỢNG

Biên tập: Quang Khánh

Bìa: Ngọc Sơn

Trình bày: Ngọc Sơn

Sửa bản in thử: Đình Hoan

In 120 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Công Ty Cổ Phần In Tổng Hợp Cầu Giấy

Lô A2 CN1 Cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm,

Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 1917-2021/CXBIPH/7 - 71/TN

Số quyết định: 1086/QĐ - NXBLĐXH ngày 07.06.2021

Mã ISBN: 978 - 604 - 334 - 369 - 4

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021